

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT

NĂM THỨ SÁU ■ SỐ 158 ■ Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút Sáng Lập: Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG
BỘ MỚI ■ SỐ 2 ■ Tổng Thư Ký Tòa Soạn: VIÊN LINH ■ Tháng 12/1996 ■ GIÁ 3.50 MK



tranh Giáng Sinh của Cộng Hòa Dahomey

Các Tác Giả Trong Số Này:

NGUYỄN SỸ TẾ
PHÙNG CUNG
NGUYỄN HỮU HIỆU
HUY TRÂM
TRẦN LAM GIANG
THẾ DŨNG
TRẦN VĂN NAM
HẢI PHƯƠNG
HOÀNG NGỌC LIÊN
SƯƠNG MAI
NGUYỄN HIỀN
NGUYỄN ĐỨC VINH
NGUYỄN TÀ CÚC
ĐỖ QUANG NGHĨA
HOÀNG XUÂN SƠN
LÊ TRỌNG PHƯƠNG
HÀ NGUYỄN DU
BÙI NGỌC TUẤN
NGUYỄN THANH CHÂU
VIÊN LINH

■ CHIỀU NIỆM THÁNG 12: SỬ GIA PHẠM VĂN SƠN

■ TỪ THẾ GIỚI BÊN KIA: CHOPIN ■ CHUYỆN MA DO CÁC VĂN HÀO VIẾT



MẶC THU
TIẾNG THẦM



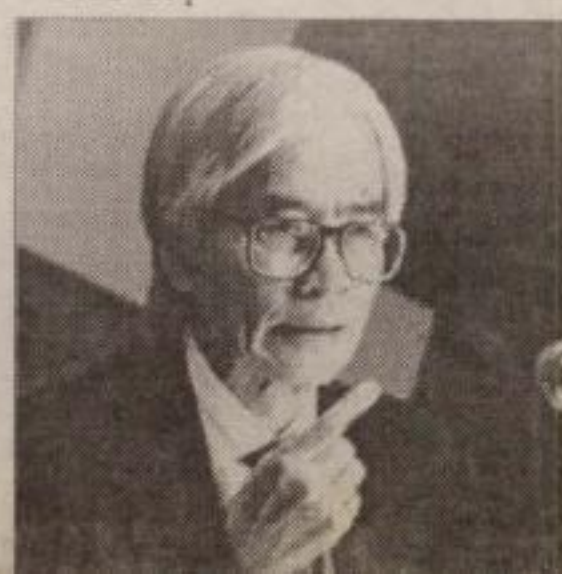
ĐỖ KHÁNH HOAN
LỄ ĐÊM



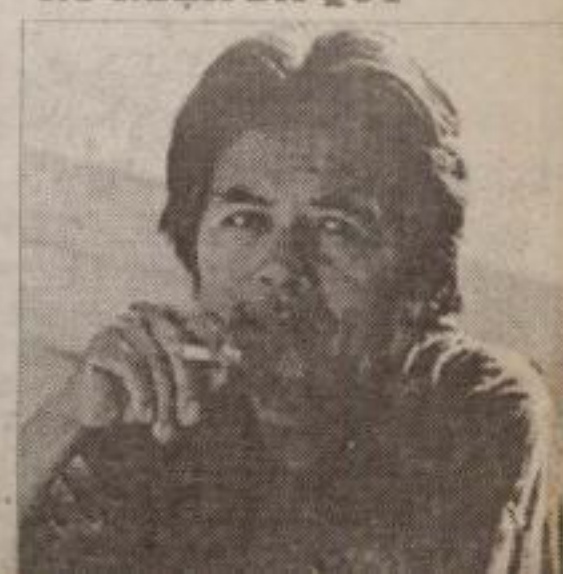
VŨ ĐÌNH TRÁC
HUYỀN THOẠI



CUNG TRẨM TƯỜNG
THU RỖ



NGUYỄN ĐẠT
KỶ NIỆM DÃ QUỲ



THE VIETNAM REVUE SỐ THU ĐÔNG 96

The Vietnam Revue số Thu đông 1966 dày 568 trang, khổ 8 1/2x11 (khổ sách), cũng là số 1 của tập san này, được xuất bản dưới sự tài trợ của Mac Arthur Foundation. Chủ biên gồm Huỳnh Sanh Thông, Hoàng Ngọc Hiến và Trương Vũ.

Từ nhiều năm nay, Học giả Huỳnh Sanh Thông đã hoàn tất một số công trình biên khảo giá trị về văn học Việt nam, như An Anthology of Vietnamese Poems chẳng hạn. Hay trước đó như bộ báo The Vietnam Forum. Tất cả đều bằng Anh ngữ.

The Vietnam Review 1 gồm thơ của những tác giả cổ kim như Nguyễn Du, Tản Đà, Phan Bội Châu, Tố Hữu, Nguyễn Đình Thi, Hữu Loan, Thế Lữ, Trần Dạ Từ, ... Về truyện có Vũ Ngọc Phan, Nguyễn Đồng Chi, Nguyễn Huy Thiệp song phần đồ sộ nhất là phần biên khảo, tiểu luận. Tất cả đều bằng Anh ngữ, song song với một số nguyên tác Việt ngữ.

Ngay khi nhận được số 1, chúng tôi có nói chuyện với học giả Huỳnh Sanh Thông. Ông cho biết kể từ cuốn 2, The Vietnam Review sẽ do Nhà Xuất Bản Đại Học Yale phụ trách ấn hành. Đây là một tin vui cho những người yêu văn học Việt nam.

đỗ khánh hoan LỊCH SỬ VĂN HỌC ANH

"LỊCH SỬ VĂN HỌC ANH QUỐC" CỦA ĐỖ KHÁNH HOAN

Cuốn sách như hai viên gạch dán dính lại: to, vuông, nặng, vì dày tới 1200 trang, công trình đồ sộ của nguyên phân khoa trưởng phân khoa Anh Văn Đại Học Văn Khoa Saigon Đỗ Khánh

thời sự văn nghệ

Hoan.

Đỗ Khánh Hoan trong khi là một giáo sư, còn là một dịch giả. Nhiều tác phẩm văn học do ông chọn và dịch ra Việt ngữ đã là những cánh cửa mở ra thế giới bên ngoài, sáng và rộng, cho không những sinh viên mà còn cho đại chúng. Như Lời Dâng, thơ Tagore in năm 1971 đã tái bản tới 8 lần; cũng như vậy với Tâm Tình Hiến Dâng của nhà thơ Ấn Độ này. Ông còn là dịch giả của Chekkov, nhà văn Nga, bậc thầy truyện ngắn muôn đời, và khoảng 10 nhà văn nhà thơ thế giới khác, nhiều nhất là Nhật bản. Tuy vậy hồi sau này khi định cư ở Gia Nã Đại, ông chú tâm về văn chương Châu Mỹ La tinh.

Lịch Sử Văn Học Anh chia làm 7 phần, 21 chương, khởi sự với Từ Khởi Thủy Đến Trung Cổ (Năm 500-1400); qua Văn Học Thời Phục Hưng và lần lượt tới Văn học Cận Kim (1901-1950). Trong gần 1200 trang giấy, Đỗ Khánh Hoan đã hoàn tất một tác phẩm vô cùng đáng kể cho sự nghiệp ông và cuốn sách cần được kể là cuốn sách quý trong tủ sách mỗi gia đình.

CD LỜI KINH TÌNH YÊU CỦA NGỌC HƯƠNG

Ngọc Hương được biết đến nhiều với CD Rừng Thu phát hành năm ngoái. Cô có giọng tròn và khỏe, có âm vực, và nhạc bản ngoại quốc rất thích hợp với cô.

Trong Lời Kinh Tình Yêu do Wolrd Production sản xuất, cũng tương tự như Rừng Thu, Ngọc Hương trình bày 12 ca khúc do nữ nhạc sĩ Khúc Lan soạn lời Việt. Đây là một đĩa nhạc mùa thu, với bốn lời ca mưa: Mưa! Mưa! Mưa!, Mưa Vắn Rơi, Đêm Nguyệt Lạnh và Buồn Trong Đêm Mưa.

Trong khoảng ba năm nay, phong trào sản xuất băng nhạc chậm hẳn lại, một phần vì tình hình kinh tế chung, phần khác hầu như không một bản nhạc Việt Nam nào không được ít ra là mười ca sĩ trình bày, trong 10

băng nhạc khác nhau. Có những bản như của Đức Huy chẳng hạn, có tới 40 ca sĩ hát trong 40 băng nhạc khác nhau. Tình trạng làm người nghe cảm thấy thiết thòi khi mua một cuốn băng đã có những bài mình nghe rồi. Và nhiều khi lại còn hay hơn. World Production đã sản xuất một CD với 12 ca khúc mới, và nghe Lời Kinh Tình Yêu bạn gặp những cảm xúc mới, nhờ sự chọn lựa bài của Bích Thu Vân, và lời nhạc của Khúc Lan.



TẠP CHÍ PHẬT GIÁO VIỆT NAM VỚI CHỦ NHIỆM THÍCH MÃN GIÁC

Số 98 của Tạp Chí Phật Giáo Việt Nam là số đặc biệt Tưởng Niệm Cố Hòa Thượng Thích Thiện Minh, nhà tu hành đã chết ngày 17 tháng 10-1978 trong ngục tù Cộng sản, cái chết mà Hòa thượng Chủ Nhiệm Thích Mãn Giác viết trong bài mở đầu số báo: "...đây là trường hợp đã biểu lộ rõ nhất cho cái sức mạnh thâm lặng chất chứa nỗi đau chung của Dân Tộc và Phật Giáo của một thời đen tối."

Tờ báo đăng tải những bài viết hàm súc của các cây bút giá trị như Thích Nguyên Hạnh, Thích Chơn Thiện, Thích Nữ Trí Hải, Huyền Không, Nguyễn Phúc Bửu Tập, Tạ Quốc Tuấn, Phan Tấn Hải, Đỗ Quý Toàn, Lý



Đại Nguyên.

Địa chỉ để liên lạc:
Vietnamese United Buddhist
Churches, 863 S. Berendo St.,
Los Angeles, CA. 90005.



KIỂU ÁO CƯỚI TRẦN LAI HỒNG

Trần Lai Hồng là một nhà thơ từng có tác phẩm đăng trên nhiều tạp chí văn học; hiện nay đã chuyển sang nghề mới: vẽ trên lụa, và vẽ kiểu áo. Kiểu y phục trên đây là kiểu áo cưới màu quan san, vẽ lá phong trên gấm dệt vân thớ gỗ, do Á hậu Thùy Trang trình diễn. Hình trên, do nhiếp ảnh gia Trịnh Quang Linh chụp, được in trên bìa lịch tháng 10-1997, do Nhà may Trang tại Westminster sản xuất.

mua dài hạn
KHỞI HÀNH
2 mỹ kim 1 số
24 mỹ kim 1 năm
mười hai số

Liên lạc:
P.O. Box 3156
Santa Ana CA. 92703

HỌC GIẢ TẠ TRỌNG HIỆP TỪ TRẦN

PARIS (Thụy Khuê, RFI)—Giáo sư Tạ Trọng Hiệp đã từ trần hồi 21 giờ, ngày 25-10-1996, vì bệnh ung thư tại bệnh viện Kremlin Bicêtre ở Paris. Hưởng thọ 63 tuổi. Tang lễ đã được cử hành hồi 14 giờ 15 ngày 4-11-1996, từ bệnh viện về nghĩa trang, Gentilly.

Bảy tháng, sau khi học giả Hoàng Xuân Hãn từ trần, sự ra đi của học giả Tạ Trọng Hiệp là một mất mát không nhỏ cho văn hóa nước nhà.

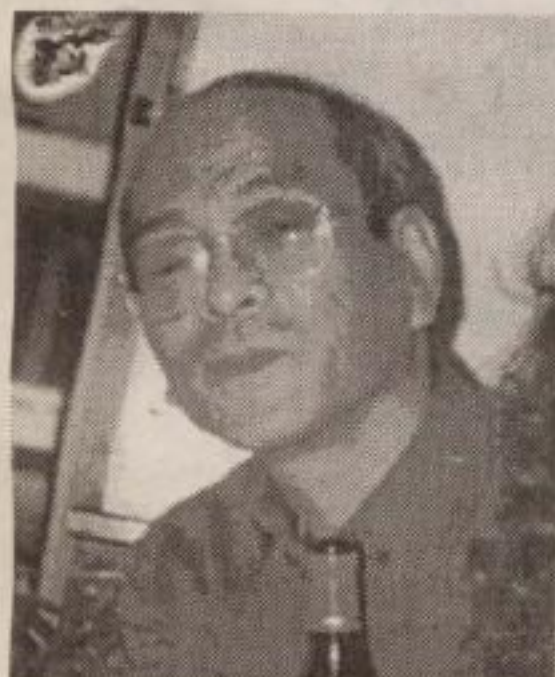
Xuất thân từ một gia đình văn học, cha là Tạ Đình Bính, một trong hai chủ bút của Hà Thành Ngọ Báo, và mẹ là Phùng Thị Vi đã từng viết trong Hà Thành Ngọ Báo dưới bút hiệu Mỹ Chân những năm 30. Tạ Trọng Hiệp sinh ngày 18-10-1933 tại làng Thụy Khuê, cạnh Hồ Tây, Hà Nội. Quê cha ở Hưng Yên, quê mẹ ở Nam Định.

Tạ Trọng Hiệp đã thấm nhuần không khí văn học trong sách vở gia đình. Ông ngoại là cụ Phùng Gia Tấn, cử nhân Hán Học, và bà ngoại là cụ Trần Thị Nhị, cùng là người hay chữ, thông thuộc văn thơ cổ điển.

Sau mấy năm học tiểu học ở Hà Nội, lúc đó độ 11-12, khoảng 44-45, theo mẹ vào Huế, Tạ Trọng Hiệp quyết định không đến trường nữa, tự mình học lấy một mình, với sách vở của ông ngoại để lại cho đến ngày đi Pháp vào cuối năm 1951, lúc ông 18 tuổi.

Mười lăm tuổi đã đọc Nam Hoa Kinh, công việc nghiên cứu và sưu tầm sách vở của Tạ Trọng Hiệp bắt đầu từ khi còn ở Saigon những năm 49-50.

Tủ sách của Tạ Trọng Hiệp cũng là một di sản văn hóa lớn lao cho giới nghiên cứu văn học. Sang Pháp học ở trường sinh ngữ Đông Phương và đại học Sorbonne, ông là thành viên của Société Asiatique (Hội Á Châu).



Di ảnh Học giả
TẠ TRỌNG HIỆP

Năm 1953, ông đến thụ giáo giáo sư Hoàng Xuân Hãn trong vòng một năm, và chính bác Hãn đã dẫn ông vào con đường nghiên cứu Hán Nôm. Trong bài tưởng niệm bác Hãn, ông viết:

"Tôi đọc cuốn danh từ khoa học ở Pháp và tôi đã gặp ở đây, như mọi độc giả của cuốn sách ấy, cả một vũ trụ tư duy khoa học, trong đó ngôn ngữ Việt Nam được sử dụng như một công cụ đầy hiệu nghiệm, đạt đến trình độ trưởng thành và chính xác. Ở đó, cả hai yếu tố - Hán và Việt - đều được vận dụng và kết hợp rất hợp lý để cấu tạo ra thuật ngữ chuyên môn.

Ai cũng dễ thấy là tác giả bắt được cái cầu nối cái mới và cái cũ. Kiếm được cả hai cái có vẻ mâu thuẫn ấy trong một bản lĩnh thống nhất, vững vàng. Trong sự học của ta, không thể chỉ có Tàu học. Trong cái vốn cổ của ta, không thể loại bỏ thành phần Hán.

Kết luận với tôi là ghi học chữ Hán (qua Hoa Ngữ) ở trường sinh ngữ Đông Phương. Học đến năm thứ hai, có phần cổ văn, tôi cố mọ mẫm để học thêm Hán Việt, bằng cách tra trong Hán Việt Tự Điển của Đào Duy Anh". (Tưởng Niệm Bác Hãn, HI, số 39, tháng 6/7-1996)

Tạ Trọng Hiệp làm việc âm thầm và những công trình của ông thể hiện phần lớn như những báo cáo cho Trung Tâm Nghiên Cứu Khoa Học (CNRS Pháp).

Ông đã góp phần - nếu không muốn nói ông là vai chính - trong việc phát hiện bộ Đại Việt Sử Ký Toàn Thư Bản, "Nội Các Quan Bản", tức là bản khắc in năm Chính Hòa thứ 18 (1697), bản cổ nhất còn giữ được trong tủ sách của giáo sư Demiéville, thầy học của ông.

Ông cũng phát hiện và đặt vấn đề khảo sát lại Văn Đài Loại Ngữ của Lê Quý Đôn nhưng đoạn văn Lê Quý Đôn chép của sách Trung Quốc mà không đề rõ xuất xứ.

Ông đã tham gia đắc lực vào việc hình thành Thư Mục Di Sản Hán Nôm từ đời Lý Trần đến ngày nay. Ông đã dịch và chú giải Hải Trình Chí Lược của Phan Huy Chú, cùng với Claudine Salmon và Phan Huy Lê. Dịch và chú giải cùng với Claudine Salmon một số bài thơ chữ Hán của Cao Bá Quát chưa được mọi người biết đến.

Nhiều công trình nghiên cứu còn dang dở, trong đó có c hương trình Tuyển Tập Văn Bia Bi Ký Việt Nam từ thời Lý Trần đến ngày nay.



Linh cữu A. Malraux được đưa vào Panthéon

PHÁP ĐƯA A. MALRAUX VÀO ĐIỆN PANTHÉON

Ngày 23/11/96, nhà văn Pháp André Malraux được đưa vào điện Panthéon, nơi an nghỉ của những người được tôn vinh là vĩ nhân của nước Pháp. Tổng thống Pháp Jacques Chirac đã tham dự và đọc một bài diễn văn dài nêu lên lý tưởng của Tổng thống De Gaulle trong sự nghiệp của Malraux, và những công lao của ông



Di ảnh A. Malraux

André Malraux đối với nước Pháp. Tro cốt của ông nằm trong điện Panthéon bên cạnh 71 vĩ nhân khác của nước Pháp, từ Voltaire đến Marie Curie.

André Malraux là một người có hoạt động rất đa diện, ngoài tư cách là một nhà văn, nhà phê bình nghệ thuật, nhà hoạt động chính trị, đã là tấm gương của những chuyển biến quan trọng trong thế kỷ 20.

Nhà văn André Malraux sinh năm 1901 tại Paris, là một người rất thích phiêu lưu. Năm 1923, ông đã một mình đến châu Á. Cuộc cách mạng Trung Quốc đã lôi kéo và làm phấn khởi ông nên 2 tác phẩm được ra đời: Les Con-

quéranis (Những người chinh phục), năm 1928; và tác phẩm nổi tiếng La condition humaine, năm 1933. A. Malraux cũng đã bị lôi cuốn vào cuộc chiến tranh Tây Ban Nha năm 1936, đã cùng đứng chung với những người lính cộng hòa Tây Ban Nha chống lại phát xít. Cuộc đấu tranh này được ông ghi lại trong tác phẩm L'espoir (Hy vọng) ra đời vào năm 1937. Trong cuộc đệ nhị thế chiến, André Malraux đã trở thành đại tá trong lực lượng kháng chiến chống Đức, khi quân Đức chiếm đóng nước Pháp và những nước châu Âu khác. Năm 1943 ông đã gặp tướng De Gaulle và trở thành đôi bạn tương đắc. Khi tướng De Gaulle trở thành tổng thống Pháp, đã bổ nhiệm ông làm Bộ trưởng Văn hóa từ năm 1959 đến 1969. Ông qua đời vào ngày 23/11/1976, thọ 75 tuổi.

André Malraux đến Đông dương năm 1923 khi ông được 23 tuổi. Là người nhà thám hiểm ông yêu thích những công trình nghệ thuật, ông quan tâm đến những công trình điêu khắc Khmer. Theo nhà sử học Jean La Couture, vào lúc đó, những kinh nghiệm của cuộc sống dần dần giúp cho André Malraux nhận thức được những tác hại của chủ nghĩa thực dân, mà ông gọi đó là "thảm kịch của thế kỷ". Trở lại Đông Dương 1925, André Malraux đã lập ra 2 tờ báo ở Sài Gòn, tuy không sống lâu, nhưng cả 2 tờ báo này là diễn đàn đấu tranh chống lại chủ nghĩa của thực dân Pháp. Tố cáo thực dân áp bức những người Việt yêu nước. Với ngòi bút sắc bén, ông ca ngợi những Việt yêu nước là những người "Việt chân chính". Ông đã nổi tiếng là một người đấu tranh chính trị cho lý tưởng công bình và tự do.

CHIÊU NIỆM VĂN CHƯƠNG

NHIỀU TÁC GIẢ

Tháng 12, Chiêu Niệm Sử Gia Phạm Văn Sơn là một tiết mục trong Bộ sách Chiêu Niệm Văn Chương do Viên Linh thực hiện, với sự cộng tác của trên 60 tác giả. Bài này được trích dẫn trên Khởi Hành trước tiên vì số báo này ra vào tháng 12, trùng với ngày giỗ thứ 17 của tác giả Bộ Quân Sử Quân Lực Việt Nam Cộng Hoà: ông chết vào ngày 9 tháng 12-1979 trong trại tù Cộng Sản tại Vĩnh Phúc Yên. Bộ Chiêu Niệm Văn Chương dày khoảng 1200 trang, đã soạn xong, trong đó trên 60 nhà văn nhà thơ trí thức văn nghệ sĩ tại hải ngoại viết về những văn nghệ sĩ trí thức bằng hữu đã thiệt mạng trong các nhà tù Cộng Sản. Lịch Sử sắp sang trang, nhưng trước khi và trong khi hay sau khi sang trang, ta vẫn cần kết thúc Chương Sách cũ. Trong các chương sách cũ, những trí thức văn nghệ sĩ sau đây đã chết trong các nhà tù Cộng Sản, theo thứ tự ABC mà chúng tôi ghi nhận được: Anh Tuấn Nguyễn Tuấn Phát, Dương Hùng Cường, Hồ Hữu Tường, Hiếu Chân Nguyễn Hoạt, Hoàng Vĩnh Lộc, Huy Vân, Lê Bá Lăng, Mạc Ly Châu, Minh Kỳ, Minh Đăng Khánh, Nguyễn Mạnh Côn, Nguyễn Ngọc Trụ, Phan Huy Quát, Phạm Văn Sơn, Trần Văn Tuyên, Thực Vũ, Thế Hoài, Trần Việt Sơn, Vũ Hoàng Chương, Vũ Ngọc Các, Khánh Vân cư sĩ, Tạ Ký, Ngọc Thủ Lang... Và những người đã chết trên Biển Đông, hay trên đường bộ, trên đường đi tìm Tự Do, như Chu Tử, Hồ Diệp, Bùi Kim Đình, Trần Đại...

Tiết mục trong số báo này được viết bởi nhà thơ Hoàng Ngọc Liên, tác giả bảy cuốn sách đã xuất bản trước 1975, cuốn đầu là Hình Ảnh Những Mùa Trăng xuất bản năm 1959, nguyên Phó Chủ tịch Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội - chủ tịch là nhạc sĩ Anh Việt Trần Văn Trọng - và là người bạn đồng tù của sử gia Phạm Văn Sơn. Sau đó, chúng ta sẽ có những bài kế tiếp: Chiêu Niệm Tháng Một; Chiêu Niệm Tháng Hai... Nhân đây, tôi kêu gọi sự tham dự của tất cả quý bạn đọc, nếu quý bạn từng chung sống, hoặc hay biết, với những văn nghệ sĩ trí thức, về những cái chết của họ, xin viết, tham dự, cộng tác với Chiêu Niệm Văn Chương. Hoặc bằng bài viết gửi qua Khởi Hành, hoặc cho biết tin tức liên hệ, hầu chúng ta cùng hoàn tất một Bộ Sách đầy đủ nhất về giai đoạn tù ngục tang tóc của Trí Thức Văn Nghệ Sĩ Việt Nam trong Lịch Sử Hiện Đại. V.L.

Sử gia Phạm Văn Sơn sinh ngày 15 tháng 8 năm 1915 tại làng Bích Trì (Hà Nam). Di cư vào Nam năm 1954. Sĩ quan với cấp bậc cuối cùng là Đại Tá. Sau 1975 ông bị bắt đi tập trung cải tạo, bị chửi ra Bắc và vì mang bệnh không có thuốc chữa nên ngày 9 tháng 12 năm 1979 đã từ trần tại trại Tân Lập, Vĩnh Phúc Yên.

Tác phẩm:

- Võ Tuyến 17, 1955
- Việt Sử Tân Biên, 1956
- Việt Sử Toàn Thư, 1960
- Việt Nam Chiến Sử, 1972
- Quân Sử (?)

THÁNG 12 CHIÊU NIỆM SỬ GIA PHẠM VĂN SƠN (15.8.1915-9.12.1979)

Hoàng Ngọc Liên

Tôi nhớ mãi hôm đó là ngày thứ bảy 9 tháng 12 năm 1979, nhằm ngày 20 tháng 10 năm Kỷ Mùi, buổi trưa khi đi cuộc học sắn (khoai mì) về, người tù hình sự làm "thi đua" K1 (trại cải tạo Tân Lập, xã Tân Lập, huyện Sông Thao, tỉnh Vĩnh Phú) nói với tôi:

- Cụ Sơn mà chú nhờ cháu hỏi thăm tin, đã "đi" rồi! Chiều này chúng cháu đi mai táng cụ.

Lần đầu tiên tôi - cùng đi với nhà thơ Bằng Bá Lân - đến thăm Phạm Văn Sơn là vào năm 1956, ở căn nhà gần khu ga Sài Gòn, trên đường Phạm Ngũ Lão, kế đầu đường Nguyễn Thái Học. Tôi ghé thăm ông, nhân dịp ông vừa gửi tặng tôi cuốn "Võ Tuyến 17" ký tên Dương Châu. Đến nhà, tôi mới biết Phạm Văn Sơn cũng ở trong Quân Đội, ông mang cấp Trung úy đồng hóa. Sau này đến trước ngày "thưa trận", tôi vẫn được ông cho các sách khi vừa in xong như các bộ Việt Sử Tân Biên, Quân Sử. Tiếc rằng sau khi bị vào Long Giao, tôi được tin "quân giải phóng" đã đem đốt tất cả các sách báo mà tôi có, dĩ nhiên trong đó có những cuốn ký tên Dương Châu, Phạm Văn Sơn.

Có một thời gian Phạm Văn Sơn làm chỉ

huy trưởng trường Quân Báo Cây Mai, tôi lại ở cư xá Lê Đại Hành (trước mặt trường đua ngựa Phú Thọ), nên thường hay vào Cây Mai thăm ông. Nhưng sau này, khi ông cùng gia đình về ở Cư Xá Sĩ Quan Chí Hòa, cũng như khi ông mang cấp Đại Tá đồng hóa làm Trưởng Phòng 5 (Phòng Nghiên Cứu) bộ Tổng Tham Mưu thì tôi ít có dịp đến ông hơn. Lần nào gặp mặt, ông cũng tươi cười và tâm sự thật cởi mở. Khoảng cuối năm 1978, khi di chuyển từ trại "cải tạo" Yên Hạ, huyện Phù Yên, tỉnh Sơn La chuyển về K1 trại Tân Lập, huyện Sông Thao, tỉnh Vĩnh Phú thì tôi ở một căn nhà kế cận nhà "bò lục" (các cựu đại tá),

trong đó có Phạm Văn Sơn.

Vì là chỗ cựu giao, nên khi nghe tin Phạm Văn Sơn ngã bệnh, tôi đã đến bệnh xá K1 để thăm ông. Ông bị mệt vì ngoài những bệnh về tim mạch khá trầm trọng, phía sau gáy ông còn mọc lên một lớp mụn bị làm độc, do vậy mà cử động rất khó khăn. Tuy nhiên ông rất tinh táo và vẫn vui vẻ. Ông bảo tôi:

- "Cảm ơn ông đến thăm. Trại xá này ngoài xuyên tâm liên ra đâu có gì khác, do vậy mà không thể có émetine tiêm cho các anh em bị kiết lỵ nên nhiều bè bạn của chúng ta phải ra đi oan uổng. Cũng may, ông Quỳnh (cựu đại tá Nguyễn Quốc Quỳnh, nguyên chỉ huy trưởng trường Đại học Chiến Tranh Chính Trị cũng đang "cải tạo" tại đây) có gửi cho tôi một số thuốc trụ sinh, chắc chỉ vài ngày là mấy cái mụn này đỡ thôi."

Nhưng một tuần lễ sau đó, tôi được tin ông bị đưa đến nhà "cách ly" (nơi biệt giam) vì, cũng theo lời anh tù hình sự vẫn thông tin cho chúng tôi, thì Phạm Văn Sơn...: "bệnh nặng rồi!"...

Buổi chiều ngày 9 tháng 12 năm 1979, trong lớp mưa phùn dày đặc và gió lạnh đầu mùa, chúng tôi đứng cuộc trên các luống sắn,

ngã mũ chào quan tài Phạm Văn Sơn, nhà viết sử, cựu đại tá Trưởng Phòng 5 bộ TTM/QLVNCH, trên chiếc xe cải tiến do một người kéo, hai người đẩy về phía khu nghĩa trang mà hầu như tuần nào cũng có cựu quân nhân "cải tạo" gửi thân trả xong món nợ của những người quốc gia thua trận này!

Tối hôm đó, các vị linh mục tuyên úy quân đội ở cùng buồng với Phạm Văn Sơn đã hiệp ý dâng lễ cầu nguyện cho linh hồn cựu đại tá Phạm Văn Sơn.

Tôi chỉ được biết Phạm Văn Sơn là tác giả các sách:

- Việt Nam Tranh Đấu Sử, Việt Nam Hiện Đại Sử Yếu, Vĩ Tuyến 17, Việt Nam Khói Lửa, bộ Việt Sử Tân Biên, Tổng Công Kích và Tổng Khởi Nghĩa của VC năm Mậu Thân (1968) và bộ Quân Sử QLVNCH. Ông còn viết một số tác phẩm nữa mà tôi không nhớ tên.

Hôm nay ngồi ghi lại mấy hàng về Phạm Văn Sơn, tôi nhớ lại khoảng tháng 2 năm 1979 - vào thời gian mà "Bọn Bành Trương Trung Quốc xua quân tấn công 6 tỉnh biên giới phía Bắc nước ta" - trong "hội trường" K1 trại Tân Lập, tôi được gọi nghỉ lao động để "làm việc" với ... cán bộ bộ Nội Vụ. Vừa bước vào trong hội trường, tôi đã thấy sử gia Phạm Văn Sơn đang ngồi trên một chiếc "băng" kê sát cửa sổ. Ông giơ tay vẫy tôi:

- Ông Liên! Còn sớm. Mình nói chuyện về tin tức có truyền đơn rải trong hội trường cơ quan. Ông có thêm chi tiết nào không?

Tôi nhìn trước sau:

- Hôm nay chỉ có hai người "làm việc" thôi sao huynh ông?

Ông Sơn gật đầu:

- Viết bài tự khai ở buồng thì nhiều, nhưng lên hội trường thì bên này chỉ có mình tôi.

Tôi nhẹ giọng:

- Có người anh em bên "hình sự" (1) mới cho hay là sáng hôm qua, bọn "chè" (2) cũng bị "bán chợ trời đột xuất"!

Ông Sơn cười:

- Bọn nó cũng không tin nhau. Như vậy chắc là truyền đơn do phe thân Trung Cộng rải. Chiến tranh biên giới đang gay go.

- Theo huynh ông thì liệu chúng có thay đổi cách đối xử với chúng ta không?

Nhà viết sử cương quyết:

- Thế nào rồi chúng nó cũng phải tha anh em mình. Tình hình này rồi "nó" phải bám chặt lấy Nga Xô. Còn nếu Nga Xô buông lời thì có thể phải lay Mỹ thôi. Chứ làm sao chống nổi bọn Tàu... phù!

Những lời Phạm Văn Sơn nói với tôi 17 năm trước đang... xảy ra. Tiếc rằng ông không còn nữa. Ông mất đi, bộ Quân Sử QLVNCH còn thiếu nhiều đoạn - như ông thường tâm sự với tôi - về hiệp định Paris, về Việt Nam Hoá Chiến Tranh, về những ngày tháng sau cùng của VNCH mà một đạo quân bách thắng bỗng... tan hàng tức tưởi trong ngày 30 Tháng Tư Đen. Cuộc thất trận khiến ông là một trong những anh em Văn Nghệ Sĩ đã phải gửi thân lại trên miền Sông Thao, Vĩnh Phúc Yên, khi phải thi hành một bản "án" quái gở mà chỉ CS mới đặt ra được: "Tập Trung Cải Tạo"!■

(1) Từ hình sự có án của miền Bắc.

(2) Công an coi tù.

(3) Kiểm tra bất ngờ tư trang, vật dụng cá nhân.



Không ảnh chụp một phi đạo của Trung Cộng tại Trường Sa.

Bài thơ "Trường Sa Hành" của Tô Thùy Yên rất đặc sắc vì tác giả đã thi hóa một tạo vật thiên nhiên, thi hóa một quần đảo hoang vu. Thi hóa rộng nghĩa hơn thơ mộng hóa. Thơ mộng hóa chỉ là một khía cạnh của thi hóa, đó là khía cạnh làm đẹp, làm huyền ảo, làm lãng mạn. Còn thi hóa có thể thêm khía cạnh thần bí hóa, siêu hình hóa. Nhưng thần bí, siêu hình, hơi nghiêng về khuynh hướng tôn giáo, nên có lẽ phải dùng chữ hoang vu hóa, xin nhấn mạnh là hoang vu hóa một tạo vật vốn đã quanh hiu. Thay vì chính trị hóa nó vào thi ca trong khi có cuộc tranh chấp về chủ quyền thêm lực địa chung quanh các đảo san hô chứa những trữ lượng dầu khổng lồ. Hoang vu hóa chính là đưa tạo vật trở về với thiên nhiên hân hữu của nó.

THI CA VỚI TÀI LIỆU XÁC THỰC Trần Văn Nam

Trường Sa! Trường Sa! Đảo chuyển choáng!

Thăm thẳm sâu vây trắng bốn bề
Lính thú mười người lạ sóng nước
Đêm nằm còn tưởng đảo trôi đi
Mùa Đông Bắc, gió miền man thổi
Khiến cả lòng ta cũng rách tưa
Ta hỏi han, hể, Hiu Quạnh lớn
Mà Hiu Quạnh lớn vẫn làm ngơ
Đảo hoang, vắng cả hồn ma quỷ
Thảo mộc thời nguyên thủy lạ tên
Mỗi ngày mỗi đắp xanh rờn lạnh
Lên xác thân người mãi đứng yên.

Tchya Đái Đức Tuấn đã hiển linh hóa Thần Hổ, Herman Melville đã thần bí hóa cá voi trắng Moby Dick, nhưng Tô Thùy Yên thì chỉ tăng cường hoang vu cho hiu quạnh, rất gần với "Sa mạc lan dần" (Bùi Giáng) hay "Đi cho hết một đêm hoang vu trên mặt đất" (Phạm Công Thiện). Thần Hổ đi đâu cũng có những bóng ma nạn nhân theo hầu cận để tìm kẻ thay thế cho oan hồn mình được siêu thoát, cá voi trắng Moby Dick lặn nơi nào dưới đại dương cũng có bầy chim linh hộ vệ bay quanh ở trên không. Đảo hiu quạnh của Tô Thùy Yên cũng có những vầng khói đen của bầy chim biển như đã ở đó từ thời tiền sử, và những người lính thú đến đây như cũng muốn sống lại đời sống nguyên thủy:

Mặt trời chiều rã rưng rưng biển
Vầng khói chim đen thẳng thốt quần
Kinh động đất trời như cháy đảo
Ta nghe chùng phồng khắp châu thân.
Ta ngồi bên đồng lửa man rợ
Hong tóc râu, chờ chín miếng mồi,
Nghe cây dừa ngắt gió trùng điệp
Suốt kiếp đau dài nổi tả tôi.

Nhưng tại sao tác giả hoang vu hóa một tạo vật thiên nhiên vốn đã hiu quạnh ngoài đại dương? Vì cái hiu quạnh hoang vu nhỏ nhoi ấy chính là hóa thân của kiếp người hữu hạn đối diện với mệnh mông:

Sóng thiên cổ khóc, biển tang chế
Hữu hạn nào không tử nhỏ nhoi?
Tiếc ta chẳng được bao nhiêu lệ
Nên tưởng trùng dương khóc trắng trời.

Thay vì đưa chính trị vào thi ca viết về đề tài đang có sự tranh chấp chủ quyền, hay có cái nhìn quân sự hóa đối với một quần đảo chiến lược, Tô Thùy Yên đã thi hóa bằng cách cho sa mạc lan dần, hiu quạnh lớn thêm. Nội ý tưởng đó cũng đã là thi ca, hướng chỉ bài thơ này là một điển hình về sáng tạo ma lực ngôn ngữ, một đặc điểm nổi bật trong toàn bộ sự nghiệp thi ca của tác giả.

Vùng đảo gây cảm hứng cho bài thơ "Trường Sa Hành" của Tô Thùy Yên, nhưng ông tạm gác cái nhìn quân sự hay chính trị qua một bên, nhìn thấy ở đó sự nhỏ nhoi hữu hạn của kiếp người đối diện với mệnh mông bao la.

NHỮNG MỐI TÌNH LINH

TÌNH SỬ TRUNG HOA

Những ai đã từng đọc "Tình Yêu Tây Phương" (l'Amour et l'Occident) của Denis de Rougemont hẳn đã phải phục lẫn nhà sư khảo khảo là tỉ mỉ, đã phải tắc lưỡi lắc đầu than tình yêu sao mà phức tạp. Nhưng những món nhân tình đó thực chẳng thấm vào đâu khi so với tình yêu Trung Quốc! Đã đành đề tài nổi bật nhất trong văn học Trung Quốc là tình bạn, tình yêu thiên nhiên, tình nghĩa phu thê... tưởng đâu người Trung Quốc nhẹ tình nam nữ. Không. Nhà sư khảo Trung Quốc đã thu góp và phân loại Tình Sử thành trên hai mươi loại! Rồi những "Nhục Bồ Đoàn", "Tố Nữ Kinh" cho thấy những Playboys Trung Quốc là những tay sành sỏi thế nào. Chờ coi thường Chinoiseries!

Tình sử Trung Quốc trình bày cuộc đời tình ái của nhiều tài tử giai nhân. Trong đó có:

Thôi Hộ Khổng Tử Lương Sơn Bá-Chúc Anh Đài Chiêu Quân Đỗ Mục Thôi Oanh Oanh Lã Hậu Vũ Hậu Dương Quý Phi Văn Khương Ai Khương Mạnh Khương Tây Thi Trịnh Đán Thần Nữ Vu Sơn Vân Anh Vi Cố Trác Văn Quân Hồng Phất Nữ La Ái Ái...

qua lăng kính muôn mầu muôn vẻ của tình lứa đôi:

Tình Linh Tinh Hóa Tinh Môi Tinh Hám Tinh Cừ Tinh Nha Tinh Bảo Tinh Uế Tinh Lụy Tinh Nghi Tinh Quỷ Tinh Yêu Tinh Thông Tinh Tích Tinh Trinh Tinh Duyên Tinh Tư Tinh Hiệp Tinh Hào Tinh Si Tinh Cầm Tinh Áo...

Trong phần Tinh Linh, xin đọc sáu truyện sau đây

TRUYỆN TRẦN THỌ

Trần Thọ người Phấn Nghi hỏi con gái họ Mỗ làm vợ, chưa kịp cưới, thì mắc phải bệnh phong. Nhà gái bảo mới đến từ việc hôn nhân ấy đi, nhưng người con gái khóc, nhất định không nghe, cứ đem thân về với Thọ.

Thọ nghĩ mình mang phải bệnh ghê gớm, không dám gần vợ, nhưng vợ thì một niềm thờ chồng, nuôi nấng thuốc thang cho chồng ba năm không biết mỏi.

Thọ nghĩ bệnh mình không khỏi được, mà cứ sống mãi thì chỉ làm khổ vợ, chết đi là hơn, bèn mua giấu nhân ngôn để tự tử. Vợ biết, uống trộm một nửa để cùng chết.

Thọ uống thuốc độc vào thì nôn mửa ra, rồi tự nhiên khỏi hết căn bệnh. Vợ cũng nôn ra



không chết. Từ đấy hai vợ chồng ăn ở với nhau, sinh được hai con, nhà một ngày một khá lên.

Thiên hạ cho là cái phúc báo của người đàn bà trinh tiết.

TRUYỆN THÔI HỘ

Thôi Hộ quê ở Bắc Lăng, người rất tuấn nhã, nhưng tính cô khiết, quả hợp, thi đỗ tiến sĩ. Ngày Thanh minh kia, Thôi Hộ ra khỏi cửa nam Đô Thành chơi, thấy một dinh cơ to đến một mẫu, cây cối xanh tốt, nhà cửa tinh mịch như không có người ở vậy. Thôi Hộ gõ cửa một lúc lâu mới thấy một người con gái dòm khe cửa hỏi. Thôi xưng tên họ rồi nói rằng:

- Tiểu sinh đi chơi đến đây khát nước quá, xin tiểu thư cho chén nước uống.

Người con gái chạy vào bưng nước ra rồi mở cửa, đặt ghế, mời Thôi Hộ ngồi, mình thì đứng dựa gốc đào, tiếp đãi một cách rất trọng hậu.

Người con gái ấy yếu điệu thanh tân, Thôi Hộ trông cũng thích ý, lấy nhời nói bốn, cô kia không đáp, nhưng mắt vẫn nhìn. Thôi Hộ về, cô kia tiễn ra khỏi cửa, xem ra có ý quyến luyến. Thôi Hộ đi rồi còn ngoảnh cổ nhìn lại.

Từ đấy Thôi Hộ cũng không trở lại nơi ấy nữa.

Ngày Thanh minh năm sau, Thôi Hộ nhớ đến nơi cũ lại tìm đến thì thấy vườn tược vẫn như xưa nhưng cửa ngoài thì khóa. Thôi Hộ

vào cánh cửa mấy câu rằng:

Khử niên kim nhật thử môn trung,
Nhân diện đào hoa tương ánh hồng.
Nhân diện để kim hà xử khứ?
Đào hoa y cựu tiểu xuân phong (1).

Mấy hôm sau Thôi Hộ đi gần lối ấy, nhân tiện tạt qua lại nơi cũ thì thấy trong nhà có tiếng khóc. Thôi Hộ gõ cửa vào thăm, một ông cụ chạy ra hỏi ngay rằng:

- Cậu có phải Thôi Hộ không?

Thôi Hộ nhận. Ông cụ vừa khóc vừa nói:

- Cậu giết chết con lão rồi!

Thôi Hộ thất kinh, ngăn người ra. Ông cụ lại nói rằng:

- Con lão là gái có học, tuổi mới cập kê, lão chưa nhận lời gả cho ai cả. Tự năm ngoái đến giờ, con lão như ngây như dại; hôm vừa rồi lão đưa đi chơi, về đến cửa thấy có chữ, nó đọc rồi vào là sinh bệnh liên, không ăn, không uống rồi chết. Lão đã già mà chỉ có một mụn gái, lão chưa gả chồng là có ý kén rể hiền để về sau có chỗ nhờ, ai ngờ nay con lão chết, không phải cậu giết nó thì ai?

Ông cụ nắm lấy Thôi Hộ mà khóc. Thôi Hộ cũng động lòng, xin vào viếng. Thôi Hộ sờ đầu, vỗ chân cô kia, kêu lên rằng: "Tôi đây". Cô kia mở bừng ngay mắt ra, sống lại. Ông cụ mừng quá gả ngay cho Thôi Hộ.

TRUYỆN ANH CHÀNG MUA PHẤN

Nhà giàu kia chỉ có một trai, người con trai ấy tư dung quá thường. Một hôm cậu này đi chơi phố, thấy một cô ả bán phấn đẹp lắm, phải lòng, nhưng không biết làm thế nào cho gần được. Cậu ta thác cớ đến mua phấn, rồi ngày nào cũng đến, mua xong phấn là về, không nói năng gì cả. Cô hàng phấn thấy thế lấy làm lạ, một hôm chàng kia đến, hỏi ngay rằng:

- Cậu mua phấn làm gì mà ngày nào cũng mua thế?

- Tôi yêu cô lắm mà không dám nói ra, cho nên mượn cớ đến mua phấn để được trộm liếc dung nhan cô đấy thôi.

Cô hàng phấn nghe nói ngậm ngùi, nói nhỏ rằng:

- Chàng thương thiếp đến thế thì thiếp đâu dám phụ lòng chàng.

Nói rồi hẹn với chàng kia tối sẽ đến. Đêm ấy cô này đến thật, chàng kia mừng quá, vỗ vào vai nói rằng:

- Ước ao bấy lâu, nay mới được thỏa lòng.

Thỏa lòng thế nào đến chết cũng ra. Cô kia sợ quá, bỏ trốn về.

Hôm sau đến bữa ăn, cha mẹ chàng kia không thấy con, vào phòng gọi thì con đã chết từ bao giờ rồi, đành chỉ còn việc sửa chữa làm ma thôi. Người mẹ mở tủ thấy có hơn trăm hộp phấn, kêu lên rằng:

- Giết con tôi là phấn này đây.

Người mẹ ra phố tìm hết hàng phấn mua về so với phấn ở nhà thì thấy ở hàng cô kia vết tay in ở đây y như vết tay còn ở những hộp phấn trước, gọi ngay cô kia lại hỏi rằng:

- Sao cô giết con tôi?

Cô kia nghe hỏi, sợ quá, thú thật hết, nhưng không ai tin, đưa lên quan. Cô kia bám với quan rằng:

- Thiếp không sợ chết, xin cho thiếp đến viếng chàng một chút cho trọn nghĩa tương tri.

Quan y cho. Cô kia đến nơi, ôm lấy xác cậu nọ khóc rằng:

- Chàng đến nỗi này thật là bất hạnh, nhưng chàng thác có khôn thiêng thì còn ân hận nỗi gì nữa?

Chàng kia thành linh tỉnh sống lại, kể hết tình đầu cho mọi người nghe.

Hai người thành vợ chồng, con cháu đông đúc.

TRUYỆN CHÀNG HỌ TÔN

Ở Ngõ Tùng có chàng họ Tôn, mười bảy tuổi, người đẹp trai, phải lòng người con gái bên láng giềng.

Một đêm kia, người mẹ cô gái ra chuồng tiêu đổ chậu nước tiểu. Tôn sinh ngỡ là ý trung nhân của mình, vội vàng chạy tới, té ra không phải, sợ quá lùi về. Bà lão thấy thế lấy làm lạ, đem lòng ngờ con gái mình hư, về mắng mỏ sỉ nhục tàn tệ. Cô kia vừa hổ thẹn vừa bị oan ức thất cổ tự tử.

Người mẹ muốn làm cho Tôn sinh cũng phải chết để rửa hờn cho con, gọi Tôn sinh đến bảo rằng:

- Nhà tôi với nhà cậu cũng xứng đáng nhau, cậu thương yêu con tôi thì hỏi han cưới xin tử tế, sao lại làm xằng thế.

Nói rồi bắt Tôn sinh trói để bên xác con, làm đơn đi kiện.

Tôn sinh chắc thế nào cũng chết, nghĩ bụng rằng: "Mình chưa được sung sướng lấy một đêm mà đã phải tội thì thật là oan quá".

Tôn nghĩ thế, lại thấy diện mạo cô kia còn như sống, bèn ôm lấy xác mà ân ái, bụng nghĩ rằng: "Như vậy dầu có chết cũng không tiếc". Ai ngờ người con gái kia lại thở được. Tôn sinh lấy làm lạ, vội vàng đỡ ngồi dậy thì đã sống lại.

Một hồi lâu, người mẹ đưa linh về bắt Tôn sinh, thì thấy hai người đang ngồi trò chuyện cùng nhau, nhưng cũng cứ bắt Tôn sinh đi. Tôn sinh cứ thực khai tường, quan cho là cái duyên nợ, cho hai người thành vợ chồng.

TRUYỆN CON GÁI THƯƠNG QUẢ

Đời Khai Nguyên, quan Tư Mã Dịch Châu tên là Trương Quả có người con gái mười lăm tuổi mắc bệnh rồi mất. Trương Quả thương

HÀ NGUYỄN DU THƠ ĐẠI ĐỊNH



Le Huy Xi

1.
Em lên ngàn
Ta xuống núi
Đời mau tan
Hơi thở vội

2.
Em, tín nữ
Ta, tội đồ
Tình ngậm ngải
Theo ngàn thu

3.
Ngày của tháng
Tháng của năm
Năm của đời
Đời của ta
Ta của em?
Em của thơ
Thơ đại định!

con, không nỡ bỏ xác ở nơi đất khách, quê người, đem quần ở dưới gác nhà chái đông. Sau Trương Quả đổi đi làm Trưởng Sử ở Trịnh Châu, đường xa, mang hài cốt con đi theo không tiện, đành chịu để yên đấy.

Được ít lâu, Lưu Át đến thay, người con trai Lưu Át thường lên gác nhà chái đông chơi. Một hôm về buổi chiều, cậu ấm đang đứng chơi ở cửa gác thì thấy một người con gái nhan sắc như tiên ở ngoài đi vào. Lưu sinh chắc là có tình ý gì với mình, chạy ngay ra đón. Cô kia vui thuận, đêm ấy ở luôn đấy với cậu kia, tình rất đậm thắm. Lưu sinh yêu thương vô ngần. Tối hôm sau cô kia lại đến, rồi cứ tối đến sớm đi như thế mấy tháng trời.

Một hôm cô ả bảo cậu ấm rằng:

- Thiếp là con gái quan Trương Tư Mã, bất hạnh chết non, nay còn chôn ở dưới gác này. Số thiếp được sống lại để gả nghĩa trăm năm cùng chàng. Ba hôm nữa chàng khai mộ thiếp lên, đợi cho thiếp có hơi thở, nhưng phải nhẹ nhàng cẩn thận lắm mới được.

Cô kia chỉ chỗ chôn mình rồi đi.

Đến ngày hẹn, Lưu sinh cùng một tên đầy tớ đào sâu độ bốn năm thước thì thấy một cái quan tài sơn, nường nhẹ mở ra, thấy xác người

tươi như hoa, chân tay ấm áp, khăn áo nguyên vẹn, khiêng đặt lên giường thì thấy thoi thóp có hơi thở. Lưu sinh nhò nước cháo cho thì thấy nuốt được, sáng sau nói được, ngồi dậy được, vài hôm lành mạnh như người thường.

Cha mẹ Lưu sinh không biết chuyện gì cả. Lưu sinh thì thác cổ ở gác ấy học hành được tỉnh, bảo đem cơm nước đến đấy ăn uống.

Người cha có ý ngờ, sai con đi tiễn khách ra ngoài thành rồi lên lầu dòm xuống thấy một người con gái, vào hỏi thì người con gái ấy khóc và kể hết căn do truyện mình. Vợ chồng Lưu Át nói rằng:

- Đã là cái duyên trời, sao lại dẫu không cho ai biết?

Vợ chồng Lưu Át mang người con gái ấy để riêng một nơi. Lưu sinh về không thấy, sợ quá, bảo mẹ bảo rằng:

- Việc gặp gỡ nhau như thế thật là hiếm, sao con không nói cho thấy mẹ biết?

Lưu Át sai người đến Trịnh Châu nói cho nhà họ Trương biết và xin kết hôn. Nhà họ Trương vừa thương vừa mừng, hẹn ngày sang cho cưới.

Đôi vợ chồng ấy sau được vài con.

TRUYỆN CHÚC ANH ĐÀI

Lương Sơn Bá với Chúc Anh Đài đều là người đời Đông Tấn. Lương quê ở Cối Kê, Chúc nhà ở Thượng Ngu, hai người cùng học một trường.

Chúc thôi học trước. Sau Lương qua Thượng Ngu tìm đến thăm mới biết Chúc là con gái.

Lương về thưa với cha mẹ hỏi Chúc làm vợ, nhưng Chúc đã hứa gả cho con nhà họ Mã mất rồi. Lương buồn rầu băng khuâng như người mất vía.

Ba năm sau Lương làm quan ở huyện Cạn, thì ốm ngay, khi sắp chết trối lại ý muốn được chôn ở dưới chân núi Thanh Đạo.

Năm sau Chúc về nhà họ Mã qua nơi ấy thì sóng gió nổi lên ầm ầm thuyền không dám đi. Chúc lên bờ, đến mộ Lương gào khóc mất cả tiếng thì tự nhiên đất lở ra, Chúc đâm đầu xuống đấy chết.

Họ Mã đem việc ấy tâu về triều. Quan Thừa Tướng là Tạ An xin phong cho Chúc Anh Đài làm nghĩa phụ.

Đến đời Hoà Đế, Lương lại hiển linh giúp triều đình, được hai chữ nghĩa trung, có miếu thờ ở Cạn Huyện.

(1) Năm ngoái ngày nay trong cửa này.

Mặt người cùng hoa đào khoe tươi.

Ngày nay mặt người ở nơi nao?

Hoa đào vẫn cột với gió xuân như xưa.

Ghi chú: Bài thơ trên câu thứ ba, sai khác bản thông dụng:

Đề tích sở kiến xứ

Khử niên kim nhật thử môn trung,

Nhân diện đào hoa tương ánh hồng.

Nhân diện bất tri hà xứ khứ?

Đào hoa y cựu tiếu đông phong ■

題昔所見處

去年今日此門中

人面桃花相映紅

人面不知何處去

桃花依舊笑東風

HUYỀN THOẠI

PETRUS VŨ ĐÌNH TRÁC

Nói đến Huyền thoại là nói đến căn nguyên phát xuất của một thời không với những ẩn ý của nó. Huyền thoại là những truyện liên quan đến đời sống con người ở đây cũng như ở bất cứ đâu. Vì thế nó liên quan cả tới các vấn đề lịch sử, khảo cổ, nhân chủng học, vũ trụ thiên nhiên, phong tục, tín ngưỡng, tôn giáo, xã hội, giáo dục; nói tổng quát là liên quan tới văn hóa của con người.

Riêng với Việt Nam, Huyền thoại đóng vai trò quan trọng trong công cuộc dựng Nước và là căn bản cho Văn Hóa Dân Tộc.

Hôm nay chúng tôi hân hạnh nói chuyện với quý vị về Huyền thoại Việt Nam, một vấn đề thực bao la cao rộng, không biết có đáp ứng được với sự mong đợi của quý vị hay không. Tuy nhiên đây là một vấn đề khẩn thiết của người Việt trong giai đoạn này. Ít nhất quý vị có thể coi đây như một khởi thảo, để các học giả tiếp tục khai thông cho bước đường còn xa dài.

Chúng tôi sẽ trình bày vấn đề qua 3 điểm chính: 1 là nêu lên đôi ý niệm về Huyền thoại; 2 là giới thiệu một số huyền thoại Việt Nam; 3 là nhận xét vai trò của huyền thoại trong việc dựng Nước và làm căn bản cho văn hóa dân tộc.

I - Ý NGHĨA HUYỀN THOẠI

Danh từ Âu Mỹ dùng chữ Myth để chỉ các loại truyện mang nhiều ẩn ý. Theo nguyên ngữ Hy Lạp, mythos có nghĩa là Lời Nói. Theo nguyên ngữ Ấn Âu là meudh hay mudh, có nghĩa là suy niệm, tưởng nghĩ, nhìn ngắm, nói lên nội dung quan trọng của lời kể. Nhưng có người lại ngụy biện rằng: mythos và logos có thể đối nghịch nhau. Aristoteles cho rằng: myth là truyện biến ngôn hay tưởng tượng, hoang đường. Theo quan niệm Do thái, thì myth chỉ là những truyện bịa đặt, phóng đại.

Nhưng Mythology được phần đông các học giả gọi là Thần thoại (truyện về tôn giáo, thần linh). Vì thế tôi trở về với danh từ Việt Nam Huyền Thoại với ý nghĩa là những truyện ẩn ý, để nói lên một chủ đích.

Có những huyền thoại nói về thần linh, thì gọi là Thần thoại kể cả Tiên Thánh thoại (fairies); lại có những truyện nói về con người, thì gọi là Nhân thoại; còn những truyện ngụ tình gửi ý, thì gọi là biến ngôn; những truyện khôi hài, dạy đời gọi là cổ tích. Vì thế trong phạm vi bài này chúng tôi chủ ý nói về Thần thoại và Nhân thoại, có khi lẫn lộn cả hai, nói chung một tiếng là Huyền thoại.

II - MỘT SỐ HUYỀN THOẠI TIÊU BIỂU

Theo tài liệu sử trong sách Lĩnh Nam trích (1) quái có 15 truyện: Hồng Bàng, Ngự Tinh, Hồ Tinh, Mộc Tinh, Trầu Cau, Đằm Nhất Dạ, Phù Đổng Thiên Vương, Bánh Dầy Bánh Chưng, Dưa Hấu, Bạch Trĩ, Lý Ông Trọng, Việt Tinh, Kim Quy, Man Nương, Núi Tản Viên.

Việt Điện U Linh của Lý Tế Xuyên gồm 35 truyện: Sĩ Nhiếp, Phùng Hưng, Triệu Quang Phục, Ông Hậu Tắc, Hai Bà Trưng, Nàng Mị Ê, Lý Hoảng, Lý Ông Trọng, Lý Thường Kiệt, Thần Tô Lịch, Phạm Cự Lượng, Lê Phụng Hiến, Mục Thiện, Trương Hống Trương Hát, Lý Phục Man, Lý Đô Úy, Cao Lỗ, Hậu Thổ Phu nhân, Thần Đông Cổ, Thần Long Độ, Thần Khai Nguyên, Thần Phù Đổng, Sơn Tinh Thủy Tinh, Thần Châu Đẳng, Thần Bạch Hạc, Thần Hải Thanh, Nam Hải Long Quân, Sóc Thiên Vương, Thần Núi Tam Đảo, Đền Càn Hải, Đoàn Thượng, Đền Thanh Cẩm, Trần Hưng Đạo, Sư Tử Đạo Hạnh, Vợ chồng Triệu Xương.

Nhưng trong cả hai tập cùng ghi lại một truyện: Lý Ông

Trọng, Phù Đổng Thiên Vương, Lạc Long Quân, Thần Núi Tam Đảo. Như thế có tất cả 46 truyện.

Tất cả những Huyền thoại đó đều quy về một mục tiêu là để xây dựng một nước Đại Việt hay Việt Nam - theo đúng ý nghĩa của danh từ - là một nước nổi vượt lên trong miền Đông Nam Á Châu. Mục tiêu khác là để nhìn nhận những đạo lý và tư tưởng làm thành nền tảng Văn Hóa cho một dân tộc Văn hóa chi bang.

Ở đây chúng tôi chỉ nêu lên một ít truyện tiêu biểu nhất như Truyện Hồng Bàng, truyện Trầu Cau, truyện Phù Đổng Thiên Vương, truyện Bánh Dầy Bánh Chưng, truyện Việt Tinh Cương, mà chúng tôi mệnh là NGŨ KINH VIỆT ĐẠO.

III - Ý NGHĨA HUYỀN THOẠI TRONG CÔNG CUỘC DỰNG NƯỚC

Đã gọi là Huyền thoại, tất nhiên những truyện trên đây mang một ý nghĩa đặc biệt của người đặt truyện. Phải xác định rằng những truyện ấy mang nhiều ý nghĩa: dân tộc sử, dân tộc tính, dân tộc hỗn, dân tộc đạo, dân tộc nhân sinh, dân tộc hào khí, dân tộc tôn thắng. Những truyện ấy còn là khuôn thức để hành động, là kỷ cương để bảo tồn, là đường đi để khai phóng.

DÂN TỘC SỬ - Huyền thoại thường mang tính cách huyền sử. Lịch sử thì bám vào thời gian không gian, bám vào sự kiện; còn huyền sử thì vượt thời gian không gian, vượt lên cả sự kiện để đi vào chiều sâu, chiều rộng.

Những kiểu nói 18 đời Hùng Vương không hẳn là có 18 đời thứ tự thời gian nhất định mà là huyền số, như 18 ngàn năm của Ông Bàn Cổ, 18 thước cao của con ngựa Phù Đổng Thiên Vương, 18 đôi chim trên mặt Trống Đồng v.v. Con số đó ám chỉ số nhiều, không hạn định, và còn có ý nghĩa là vô số nữa. Tuy

nhiên con số 18 không phải vô căn cứ. Nó bắt nguồn từ số 3 mệnh danh là số dương: 3 x 3 là 9 và 2 x 9 là 18. Đế Vương là Vị Vọng cao nhất cai trị 9 họ, tượng trưng bằng 9 đỉnh đồng gọi là Cửu Đỉnh. Về con số 2 và 3 sẽ đề cập sau.

Hai chữ Hùng Vương cũng không phải Đế hiệu, mà chỉ có nghĩa là Ông Vua hiển hách. Nó nói lên tính cách Anh Hùng, Thượng Võ của Nhân thoại Lạc Việt. Người Việt khởi đầu là Người Mạnh mang Anh Hùng Tính. Nhân dân bách tính là con cái Người Hùng, cần phải sống mạnh, để được gọi là DÂN ANH HÙNG. Vì thế hai chữ HÙNG VƯƠNG chính là một hiến chương của dòng Lạc Việt, tiền nhân của Việt Nam. Duy sử đã chứng minh nhiều lần: Bách Việt, tiền nhân của Việt tộc và hiện thân của Việt Nam đã cầm chân Hán tộc, tiền thân của Trung Hoa. Nhất là một biến cố vĩ đại trong lịch sử Viễn Đông: thời trung cổ, quân Mông Cổ nổi dậy đánh rập cả đế quốc La Mã, khuất phục hết Âu Châu và Trung Đông, lại áp đảo toàn cõi Trung Hoa, đánh xuống những kinh qua mấy nghìn năm lịch sử, các Việt kia đều bị đồng hóa với Hán tộc, chỉ duy có Lạc Việt và Việt Thường còn tồn tại, làm thành dân tộc Việt Nam tới ngày nay.

Tổ Phụ của Lạc Việt là Tiên Rồng. Hai đại từ này mang ý nghĩa cao quý và thiêng liêng của Tổ Tông Lạc Việt. Dân anh hùng phát sinh từ RỒNG một vật biểu trong Tứ Linh: Long Lân Quy Phụng (2). RỒNG thuộc Dương tính làm chủ Thủy Cung. TIÊN là Tổ Mẫu Lạc Việt cũng là siêu nhân, ngang với Thánh, cha ông ta thường gọi là Tiên Thánh. Tiên Thánh chính là con người khéo tu mà thành. Rồng chỉ sự cao sang quý trọng, Tiên

chỉ tài sắc mặn mà.

Truyền thống Hùng Sứ là như thế, nên vật biểu của Lạc Việt là Rồng. Theo địa lý hình thể đất Việt ngày nay mang hình Rồng, mà họa sĩ Cao Uy đã họa nguyên hình. Theo truyền thống huyền sử như vậy, người Việt ngày nay cũng có những đức tính cổ hữu của Rồng: rất quen và thành công trong nghề thủy sản, có trí thông minh (Trí giả lạc thủy), có óc kinh doanh (trên ngàn dưới bể), có chí độc ngang hồ hải, có tinh thần khắc phục gian nguy v.v. Đặc điểm của Tiên cũng thấm nhuần nơi tâm hồn và thể xác người Việt. Trai thanh gái lịch là hình ảnh của Tiên, có đủ Tiên Ông Tiên Bà Tiên Cô và Tiên Cậu. Riêng con gái Việt Nam được tiếng trong lịch sử là đẹp hơn Hán Tộc và các tộc chung quanh. Trong lịch sử giai nhân của Trung quốc có bốn người đẹp, gọi là Tứ Đại Mỹ Nhân: Hằng Nga, Tây Thi, Điêu Thuyền, Dương Quý Phi. Trong bốn người đẹp, thì ba người là gái Việt Tộc, chỉ có một mình Điêu Thuyền là người Hán tộc.

Theo nhận xét của người Âu Mỹ, gái Việt đẹp hơn tất cả gái Á Châu. Gái Nhật đẹp rắn rỏi khỏe mạnh; gái Tàu đẹp nhờ mỹ phẩm tô tạo, gái Việt đẹp mặn mà tự nhiên: mai cốt cách, tuyết tinh thần, mỗi người một vẻ mười phân vẹn mười. Không lạ gì, vì là con cháu Tiên Nữ. Ngay theo khoa tâm sinh lý: khi mang thai, cha mẹ nghĩ rằng con mình đẹp, nó sẽ đẹp.

Huyền sử Âu Cơ Lạc Long với 100 con con nói lên chế độ Mẫu hệ từ khởi thủy lập quốc, mà giáo sư Kim Định gọi là Nguyên Lý Mẹ. Truyền Tiên Dung cũng nói lên chế độ Mẫu Hệ: Mẹ nắm quyền trong gia đình và định đoạt mọi sự cho con cái. Đồng thời cũng nói lên ý nghĩa Gia đình Việt tộc lúc đầu vẫn đặt trên Tình Yêu tự chủ và dân chủ, cũng như trên Mẫu Tộc. Trong khi đó Hán Tộc và Nhật Bản theo chế độ Phụ Hệ: Cha làm chủ và xướng xuất mọi sự mới thuận ý Trời. Sở dĩ thế là vì người Trung Hoa là dân du mục, phải có Cha lãnh đạo, xông pha đó đây. Trong huyền thoại của Nhật Bản có truyện Khai thiên lập địa kể Izanagi và Izanami là Tổ Phụ loài người; Izanami là gái khởi xướng cầu hôn với Izanagi, nên khi sinh con, chỉ sinh ra quái vật. Hai vị buồn sầu hỏi một Thần vọng tuổi, Ngài trả lời: Izanami phải cầu hôn trước mới có con xinh đẹp. Người đàn ông phải hỏi người đàn bà làm vợ mới hợp ý Trời.

Tất cả các ý nghĩa đẹp trên đây đã tác động tâm tư người Việt từ ngàn xưa, giờ đây đã biến một dân tộc bé nhỏ, trở thành lớn lao, góp mặt trên 40 nước hoàn

cầu, tuổi già cần cù đạo đức, tuổi trẻ khỏe mạnh, thông minh, đoạt những thành tích chân thiện mỹ trong mọi lãnh vực. Tuy nhiên cũng là một dân tộc đoạn trường, nhờ đoạn trường mà quật khởi. Cơ ác mộng cộng sản còn đè nặng trên quê hương cho đến giờ này cũng do cái số đoạn trường ấy. Nhưng đoạn trường làm lại vinh quang nhiều. Giờ quật khởi đến càng thẳng hoa khởi sắc.

DÂN TỘC TÍNH cũng hiểu là Hồn Dân Tộc hay Quốc Hồn, là cái tâm tính bên trong. Dân tộc tính biểu lộ qua tâm tính nhân tình. Đây cũng hiểu là tinh thần của người Việt. Muốn tìm cho ra dân tộc tính, hãy đọc lại huyền ý của các truyện Tiên Dung, Truyện Trầu Cau, Truyện Thánh Gióng và Truyện Thôi Vĩ.

Truyện Tiên Dung nói lên Mẫu tính hay nguyên lý Mẹ, có nghĩa là tinh thần tôn trọng nữ quyền. Trong các nước thuộc khối Viễn Đông, người phụ nữ Việt Nam không bị lép vế như phụ nữ trong các nước khác. Ca dao là những tâm tình phát xuất trung thực nhất của người dân quê Việt; ta thử đọc câu:

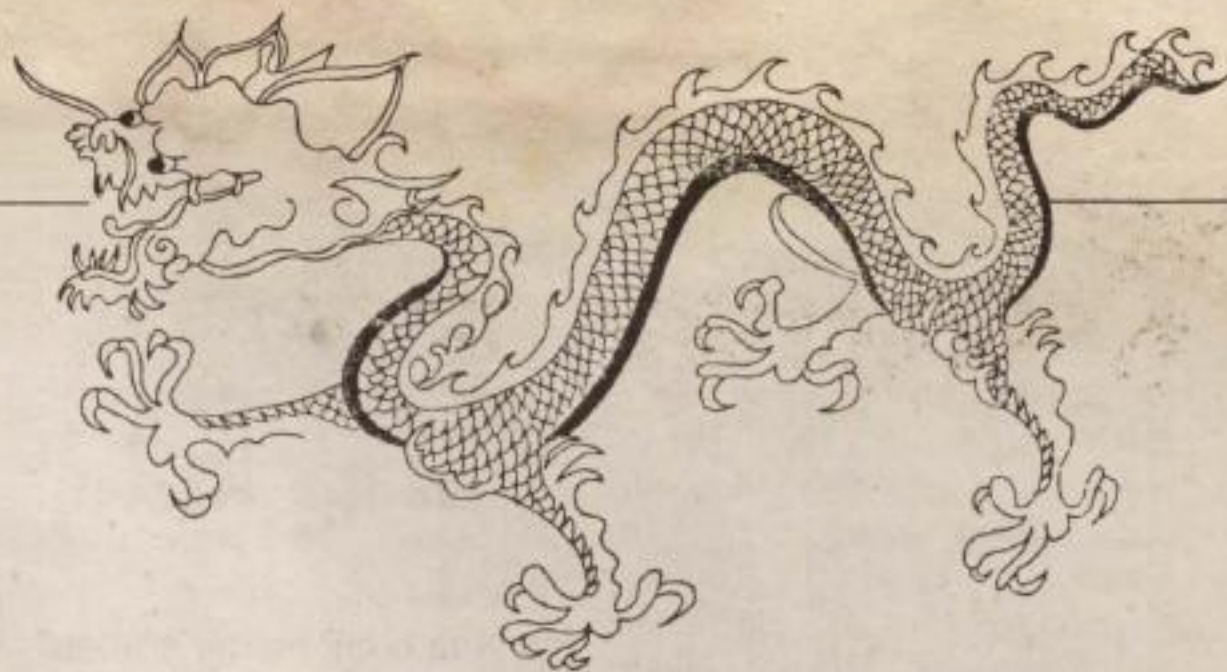
Lạy cha ba lạy một quỳ

Lạy mẹ bốn lạy con đi lấy chồng.

Ba lạy chỉ lòng tôn kính đáng sinh thành, một quỳ chỉ uy quyền. Bốn lạy chỉ sự vâng phục trọn vẹn, vì mẹ là gia chủ, theo ý nghĩa mẹ ở nhà nhiều hơn cha. Những từ Mẫu thân, nội tướng, nội gia đều chỉ mẫu quyền của mẹ. Lấy chồng cũng là một từ mang ý nghĩa nữ quyền. Không phải chỉ có đàn ông lấy vợ, mà con gái cũng lấy chồng, tức cũng có quyền chọn lựa.

Truyện Trầu Cau cũng đề cao nữ quyền. Hai nam chết vì một nữ. "Miếng trầu là đầu câu chuyện". Con trai phải đưa trầu đến nhà gái xin làm quen, xin đính hôn và xin dẫn cưới, đón dâu, qua Lễ Vu Quy và Lễ Gia Tiên. Hai Lễ này nếu được duy trì ngày nay, cũng chỉ là hình thức nói lên dân tộc tính, chứ chưa hẳn là dân tộc tính. Dân tộc tính ở tại tinh thần bên trong, đó là lòng tôn kính Nhân tính qua ông bà Tổ Tiên và tôn trọng Nữ quyền hay Nguyên lý Mẹ.

Các truyện ấy còn nói lên TINH THẦN ĐẠO NGHĨA của Việt tộc. Tinh thần đạo nghĩa thể hiện ở niềm Tin vào siêu nhiên giới: Đấng Tạo Hóa và Thần Thánh, Tiên Phật. Các Đấng ấy thường phù hộ cho người ăn ngay ở lành, có lòng thương người. Do vậy dân tộc tính ở đây là Tinh thần đạo, Giấu kín ngưỡng, đức Hiếu Sinh, lòng thương người, sự ngay thẳng. Tục ngữ ca dao đã tôn vinh những dân tính đó: "Dầu ai chác lợi mua danh, Miến ta, ta được đạo lành thì



thôi" hay như câu khác: "Trời kia còn ở trên đầu còn kinh"... "Thương người như thể thương thân"... "Hoàng thiên bất phụ hảo tâm nhân" v.v.

Đặc biệt các dụng cụ thần thánh như Sách Ước, gậy Thần trong truyện Long Quân, Nỏ Thần trong truyện Mị Châu, Gậy Thần Nón Thánh trong truyện Chữ Đồng Tử Tiên Dung, Ngải Cứu và Ngọc Long Toại trong truyện Thôi Vĩ. Những dụng cụ thần thánh ấy nói lên Nhân tính hòa hợp với Thần Tính, trở thành một nhị hợp Thần Nhân rất cao quý.

TINH THẦN QUẬT KHỞI cũng là một đặc tính của dân tộc. Tự ý thức và tự trọng nhận mình là con Rồng cháu Tiên, người Việt dọc dài mấy ngàn năm lịch sử, lúc nào cũng giữ được bản lãnh quật khởi của dân anh hùng. Tuy bé nhỏ mà nội lực thâm hậu. Ngựa cao mười tám thước cũng như mười tám đời Hùng Vương ám chỉ toàn dân trong Cửu Tộc, tượng trưng bằng Cửu Đinh. Sức quật khởi phi thường gấp đôi bình thường (2 lần 9 là 18). Phù Đổng Thiên Vương đánh tan giặc Ân, không cai trị và hưởng lợi lộc, mà bay lên Sóc Sơn, bỏ áo lại bay lên trời.

Truyện Sơn Tinh Thủy Tinh cũng chỉ nói tới sức vươn lên của Việt tộc trong khi lâm biến. Nước càng dâng cao, núi lại càng vươn cao hơn. Lịch sử đã chứng minh tinh thần quật khởi ấy. Gần một nghìn năm đô hộ Tàu, cha ông ta vẫn khôi phục, đánh đuổi kẻ áp bức. Một trăm năm đô hộ Pháp cũng tan. Rồi bây giờ 50 năm đô hộ cộng sản, dân ta vẫn không lui bước. Sau 50 năm bị trói buộc áp bức, dân ta nghèo khổ, nhưng vẫn không bị xích hóa. Nhất là dân công giáo, vẫn thần nhiên vững niềm tin, không chịu lập giáo hội tự trị, trong khi đó chưa một nước cộng sản nào trên thế giới, sau mười năm mà không ly khai Giáo Hội Roma.

TINH THẦN TƯƠNG THÂN KẾT ĐOÀN cũng là đặc tính của dân ta. Nói như thế có nhiều người phản ứng chống đối, vì đang nhìn thấy trước mắt những hiện tượng chống phá nhau, chia rẽ nhau; hơn nữa còn tìm hết cách loại trừ nhau, tiêu diệt nhau. Có truyện đó là vì thế nhân đa sự ngày nay đã quên mất gốc, mất

tinh thần dân tộc. Khởi đầu lập quốc từ thời Âu Cơ Lạc Long. Tuy là một bên Mẹ Tiên, một bên Cha Rồng; năm mươi con trai theo Bố về Thủy quốc; năm mươi con theo Mẹ làm chủ trên mặt đất. Lời Bố Rồng đã trở thành Hiến Chương Lập Quốc:

"Ta đem năm mươi trai về Thủy Phủ phân trị các xứ, năm mươi trai theo nàng ở lại mặt đất, chia đất mà cai trị; dù lên núi xuống nước, nhưng khi hữu sự, thì cùng nghe, không được bỏ nhau."

Rõ ràng: thủy địa đôi ngả, âm dương cách trở, hoàn cảnh khác biệt, nhưng phải một lòng một dạ với nhau xây dựng hòa bình ấm no. Khi hữu sự thì cùng nghe nhau, quyết không bỏ nhau. Đó là hiến chương, hiến pháp như một mối dây thân tình thắt buộc con Rồng cháu Tiên suốt mười tám đời Hùng Vương có cả hai nghìn năm dư. Dòng giống Việt lúc nào cũng tôn trọng và nhất tâm duy trì sự tương thân tương ái, đoàn kết trong thời bình cũng như thời loạn. Qua những hoàn cảnh đại loạn, tinh thần đoàn kết đã giúp cha ông ta vượt thắng tất cả. Những mấu chốt lịch sử: Hai Bà Trưng, Triệu Nữ Vương, Lê Lợi, Ngô Quyền, Trần Hưng Đạo, nhất là Hội Nghị Diên Hồng là những tang chứng lịch sử cụ thể cho Tinh Thần đại đoàn kết của dân tộc Việt.

Sở dĩ có sự phân tán giữa người Việt khắp nơi ngày nay là do hoàn cảnh bị trị ba lần bốn lượt. Người cai trị luôn luôn gieo tinh thần chia rẽ để phân tán lực lượng, để tránh hiểm họa nổi dậy. Dù sao đi nữa, đặc tính của người Việt muôn thừa vẫn là sự đoàn kết tương thân; sự chia rẽ chỉ là một tai nạn trên đường chính trị. Đã là tai nạn, thì sớm muộn gì rồi cũng tai qua nạn khỏi. Điều quan trọng là người Việt cần phải đề phòng những mưu mô của cộng sản, không còn đủ sức để xây dựng, nên gia công phá đổ những công việc của người Việt quốc gia bằng gây chia rẽ phân tán.

NGAY THẮNG TRUNG THỰC - Đây là đức tính truyền thống của dân tộc Việt từ thừa lập quốc. Vốn là dân tộc sống theo triết lý nông nghiệp, nên tính tình ngay thẳng trung thực, nhiều khi đến chất phác. Trong đời sống nông nghiệp họ tuân theo Kế Sĩ là người sống theo

đạo Thánh Hiền. Trong dân sinh, có bốn nghề chính là Sĩ Nông Công Thương. Một khi trọng Sĩ, thì ưa thích những điều ngay chính đúng mực, vì Kẻ Sĩ là mô phạm của đạo Thánh Hiền, tôn trọng những điều Đức Chân Thiện Mỹ. Tinh thần Thượng Nông cũng đòi người dân phải biết Thiên thời, Địa lợi, Nhân hòa. Thiên thời đòi phải thành tâm; Địa lợi cần giữ đúng lễ lối thiên nhiên; Nhân hòa tất nhiên đòi phải trung tín thành thực.

Truyện Tiên Dung Chữ Đồng Tử thực sự là mẫu mực đạo nghĩa và trung thực. Tiên Dung tự hối, chờ lệnh Cha và sẵn sàng đón mệnh là trung thành. Chính nhờ lòng trung thành ấy, mà Trời phù trợ cho thoát nạn. Chữ Đồng Tử không ham phú quý, tìm Thầy học đạo, được hiền tăng trao ban Gậy thần nỏ thánh, được Trời phù hộ thoát nạn và nên vinh hiển. Sự thật bao giờ cũng thắng. Truyện Dư Hấu cũng nói rõ tấm lòng chân thật của An Tiêm. Vua Hùng đã nói: "Nó bảo là vật tiền thân của nó, thực là không nói dối vậy."

Sau này ca dao cũng xác nhận điều ấy:

Của Trời tám vạn nghìn tư,
Hễ ai ngay thật thì dư của Trời.

TINH THẦN HIẾU HÒA cũng là dấu ấn của dân Việt và là kết quả của nền triết lý nông nghiệp. Nếp sống nông nghiệp là nếp sống tập thể: cùng làm cùng nghỉ, cùng ăn cùng chịu và cùng vui với nhau; khi mưa thuận gió hòa, khi hạn hán thủy tai, cùng chia sẻ vui mừng và lo âu với nhau. Đời sống xã hội vì thế luôn luôn giao hòa, gọi là hiếu hòa. Đi đến đại hòa gọi là thái hòa.

Truyện Bánh Dầy Bánh Chưng đủ nói lên tinh thần hòa hợp giữa Âm Dương, giữa nam quyền và nữ quyền. Đồng thời cũng nêu lên dòng triết lý bao la như trời đất, mà lại gần gũi thực tế như miếng ăn. Bữa ăn là một căn cứ kết giao, là một chân trời thái hòa. Cha ông đã dạy con cháu: Dĩ hòa vi quý. Hòa hợp trong gia đình: thuận vợ thuận chồng, như trong truyện Âu Cơ Long Quân, truyện Trầu Cau; Hòa hợp ngoài xã hội: người trong một nước phải thương nhau cùng, như truyện Tiên Dung Chữ Đồng Tử lập phố buôn bán cho nhân sinh phần thịnh; Hòa hợp giữa giàu nghèo, quý tộc và nhân gian, như truyện Công Chúa Tiên Dung cưới người dân khổ rách áo ôm họ Chữ. Hòa hợp giữa quốc tế, như truyện Mị Châu Trọng Thủy hay Chim Bạch Trĩ.

Đón đọc bài 2:

HUYỀN THOẠI VÀ
VĂN HÓA DÂN TỘC

MẶC THU

Tiếng Thăm

Nửa bóng hoàng hôn, một bóng tà
Chìm đi, phải lúc, hời hồn ma!
Lui về mộ huyết chưa chôn cất
Kìa ánh bình minh đã lộ ra

mặc thu

24/11/96

CUNG TRÂM TƯỚNG THU RỢ

C'est un toqué dormant assis

Ngủ trọ vườn sương mượn cây
Cái chêngh vênh bầu
buốt trầy trụa mai

Ngủ thuê quê bóng lạc loài
Liều Mông di rữ tóc cài quạnh hiu
Ngủ hồng nhờ cuống khăng khiu
Gió càn rỡ thổi đổ xiêu từ mù
Ngủ sù

bách rú hi hu
Ngõng tao loạn đắm lũng tù không gian
Ngủ trườn cầu quá quan san
Vết xe hươu thoát

lấp tràn tuyết Nga
Ngủ lung liêng đốm lửa phà
Hở hênh chiếc quán sông xa ngoài làng
Ngủ ngồi trum hạt* xốn xang
Rung rinh cong tợn thời gian công kênh
Ngủ hồn tựa vách trời vênh
Lao vào nẫu nhĩ bập bềnh hiển nhiên
Ngủ oà sè sáng huyền thuyên
Sâu âm kim kéo về miền triển khai
Lung linh vũ trụ lộng hải
Tùng giòn tuyết rộ trận cười kì khôi
Tội về rợ Bắc thu tôi...

Minnesota 1995

* wave particle trong vật lý hạt nhân

SƯƠNG MAI KÝ TÊN

Anh yêu hãy nói với em
Những lời âu yếm cho mềm lòng tin
Lắng nghe nhịp đập con tim
Thay lời giải thích sao tìm về đây
Hãy đưa cho em bàn tay
Cho em nắm lấy kéo mai xa rồi
Hãy cho em trọn nụ cười
Để mai sau lỡ, cuối đời lại quên
Viết vào đây anh, ký tên
Cho lời anh hứa yêu em mãi còn.
26-10-1996



HUY TRÂM

BÀI THƠ
LÚC BÌNH MINH

Ráng lên em! Dù nơi ấy có xa
Lương có thấp và việc làm có nặng
Ánh mắt phân chia - thợ thầy gắt mắng
Nghĩa cuộc đời thăm thía đến thịt xương
Dù đất nhau đi - rời bỏ Quê Hương
Đầy hay đó - cũng ngoài rìa xã hội
Chỉ có trong ta một điều đáng nói
Sống thương yêu và tôn quý con người
Dứt khoát, ta không khuất tất, đua đòi
Cây văn hiến, em đừng cho trốc gốc
Anh biết hôm nay em về mệt nhọc
Tình đông lân - anh lược bắp đưa sang
Giá có canh chua thêm chút ram rang
Ta lại sống một chiều trên đất mẹ
Gió động bờ tre - gió về lay nhẹ
Giấc mơ đời thanh thản với bình yên
Thôi ráng đi em! Kìa nắng đã lên.

HOÀNG XUÂN SƠN HỒNG TRẦN

Cởi trần
cào sức lưng
da
nóng ới cái nóng ta bà
thế nhân
đột nhiên
địu xuống hồng trần
nặng trĩu thân xác
nhẹ băng phách hồn
thở vào trong
cái bồn chồn
phủi tay còn dính nổi hơn thiệt
đời.

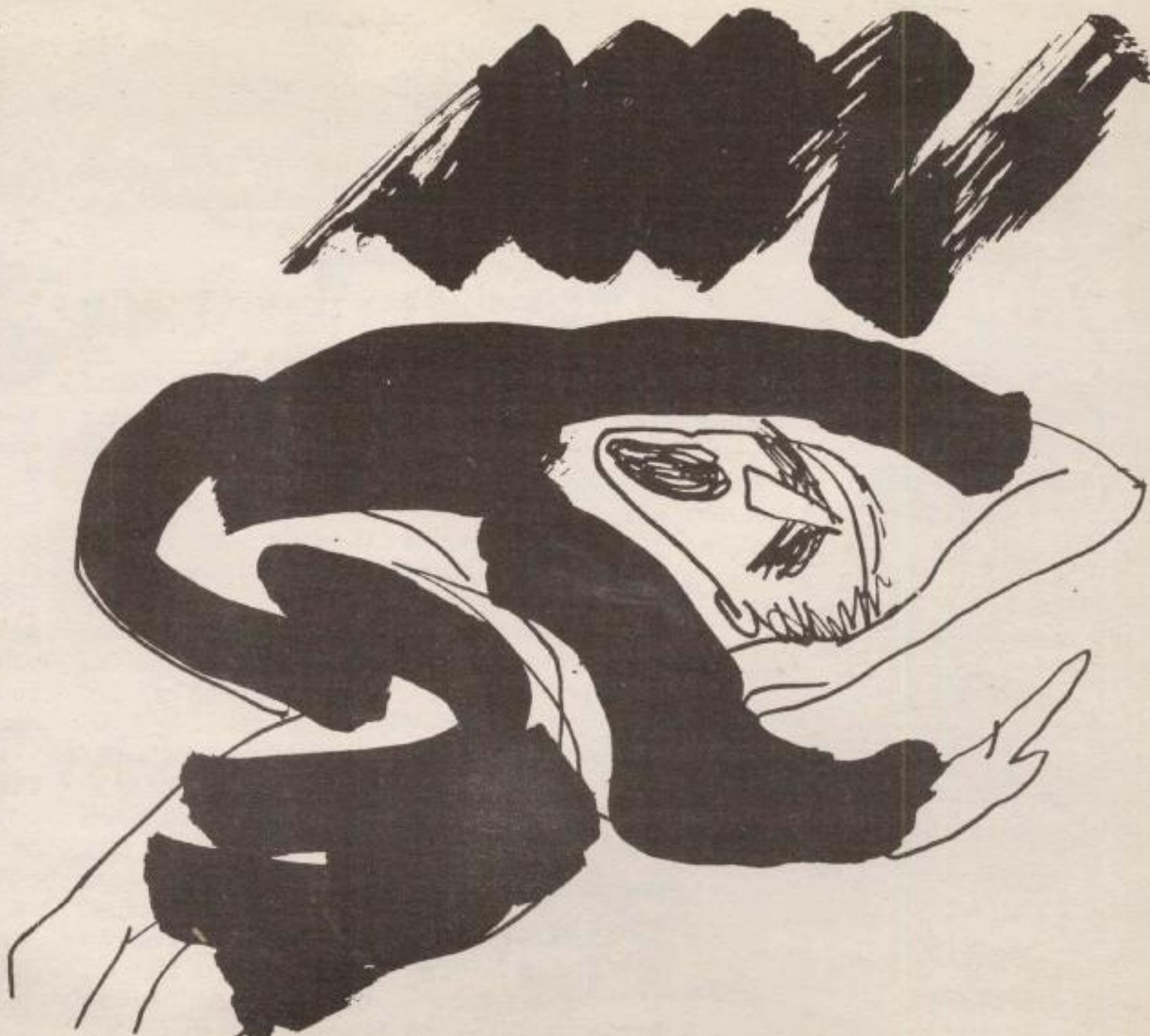
DẠ KÝ *truyện* PHÙNG CUNG

Anh còn thố lộ với tôi trong viện có nhiều giáo sư và tuy cùng một viện nhưng hai ngành múa khác nhau. Thỉnh thoảng hai ngành có thi đấu. Lưỡi nọ quán lưỡi kia vẫn chưa phân thắng bại: Về lý thuyết thì hai bên đều đẩy sức thuyết phục. Cũng theo anh kết luận thì hình như lưỡi lựa đang có đà thắng thế. Anh cũng thề lưỡi cho tôi xem. Tuy đã được nhận vào viện nhưng lưỡi anh cũng mới dài gấp hai lưỡi người thường. Anh tâm sự: có lẽ phải bỏ dở, vì vốn anh không có sở trường; bỏ thì cũng tiếc, nếu theo hết khóa, ra viện thì cũng có chỗ đứng vững vàng - Tôi muốn ngó ý được xem trận đấu lưỡi, chỉ một lần thôi. Hoàng Cẩm hươ tay ra hiệu: "Không được! Không được! Đây là việc cơ mật quốc gia!". Tôi thấy anh nói vậy, cũng không dám vật nài. Anh còn cần thận vỗ vai tôi khuyên: "Chớ có bép xép - oan gia đấy!". Tôi cũng khuyên lại anh, nếu như cảm thấy không hợp sở trường thì xin thôi mà làm thơ, ngâm thơ, tội gì mà lao vào, cho mệt. Hoàng Cẩm suyt một tiếng khê, vừa đủ tôi nghe: "Lúc nào viện thấy không đủ khả năng thì viện sẽ loại, chứ tự mình xin ra thì trước hết mất lưỡi, lưỡi mất, còn ngâm ngợi cái gì. Đến kẻ hành khất cũng phải nhờ cái lưỡi, mới sống nổi. Cậu khuyên đại đột thế" Tôi cảm miệng, cảm thấy hãi hùng! Tôi lại tò mò hỏi anh với điều kiện nào mà được tuyển vào viện? Hoàng Cẩm cười: "Trải qua một quá trình thử thách; trời phú cho mình cái bản chất co giãn, lúc nào cần cứng thì cũng xương đồng da sắt, lúc nào cần mềm thì cũng nhùn nhùn như bánh đa nhúng nước; nhờ vậy đấy!" Nói vừa dứt lời, Hoàng Cẩm liền biểu diễn sức co giãn: anh gồng người lên, tôi sờ vào cứng thật; anh làm mềm, tôi sờ vào người anh chẳng thấy có xương cốt gì hết, toàn thịt và gân nhẽo nhèo. Anh còn cho tôi

biết đây mới chỉ là hình thể nhìn thấy bằng mắt, còn cái phần vô hình - tâm hồn, tư tưởng - sức co giãn còn gấp ba bốn lần là ít. Tôi phục anh, bằng lời nói vui "Chịu ông anh!" Hoàng Cẩm hất nhanh lời vào mặt tôi đẩy về tự phụ "Chứ sao!"

Gặp nhau đã được một lúc, tôi sợ anh quên lỡ giờ tập, tôi nhắc anh. Anh nói cho biết, anh là học viên dự bị, ít giờ tập chỉ bằng một phần tư chính khóa. Anh liền phàn nàn với tôi lẽ ra anh không phải qua dự bị lâu đến thế, tất cả chỉ vì thằng em kết nghĩa nó làm hại. Tôi hỏi anh xem thằng nào? Anh tỏ vẻ bức mình "Cái thằng cùng họ với cậu chứ thằng nào!" Tôi gật đầu biết đó là Phùng Quán, nhưng tôi muốn biết Phùng Quán đã làm việc gì mà gọi là làm hại? Anh vẫn bức nhưng giọng nói đã có phần mềm mại: "Nó mua, trồng cho tôi cây ổi. Khi ổi chín phóng ra toàn mùi "nàng tiên nâu" mới chết người chứ" Tôi vội hỏi: "Sao lại có cái mùi tên lạ vậy?" Anh cười khẩy: "Sao tối dạ thế! Nó là mùi thuốc phiện!" Tôi trách: "Sao anh không nói toạc ra mà còn dùng lời bóng bẩy để làm gì?" Anh chặc lưỡi: "Thì mình có nghề văn thơ thấy chữ đẹp thì

dùng - chữ của đàn anh mình đấy!" Tôi đang mót nghe cái việc lạ lùng mà tôi khó tin này. Anh như đoán biết được ý nghĩ của tôi, nên nắm vai tôi đẩy nhìn đằng sau: "Đây! Đây!" Tôi quay lại như là thần thông biến hóa - tôi đã đứng tại sân nhà anh, cạnh gốc cây ổi. Nhà đi vắng không có ai ngoài tôi và anh. Tôi nhìn lên cây ổi, quả không sai mấy, quả nào cũng bằng nhau, quả nào cũng đỏ da chu: quả nào cũng giống hết cái tẩu Thổ hà. Anh lấy cái móc giắt xuống vài quả. Tôi bửa ra thấy đúng là ổi nghệ, nhưng sức mùi thuốc phiện. Anh hỏi tôi: "Thấy chưa?" Tôi lấy làm lạ quá! tôi không sao tưởng tượng nổi. Tôi khuyên anh: "Sao không phang nó đi?" Anh bĩu môi: "Sao dễ thế?" Tôi hỏi: "Làm sao?" Anh lắc đầu liền mấy cái: "Cây bản mệnh đấy! Nó chết thì mình cũng đi nghĩa trang Văn Điển chứ còn sao?" Tôi quay hỏi anh Phùng Quán có



minh họa
PHẠM HOÁN

LỜI TÁC GIẢ

MARK TWAIN
Nguyễn Tà Cúc dịch



Mark Twain (1835-1910)

"... **L**ương tâm của chúng ta đúng là một sự phiền nhiễu. Nó cứ y như là một đứa trẻ con. Nếu chúng ta chăm chút, chơi đùa với nó, và để cho nó muốn gì cũng được thì nó sẽ trở thành hư đốn và nhảy vào đòi can dự với mọi niềm hạnh phúc hay đau đớn của chúng ta. Cứ đối xử với lương tâm như với bất kỳ một việc gì khác. Khi nó nổi loạn, phết cho nó vài roi. Phải nghiêm khắc với nó, phải tranh luận với nó, phải ngăn cấm cẩn thận để không phải lúc nào nó cũng luẩn quẩn bên cạnh....Như thế, người ta mới có một thứ lương tâm có thể dùng được, một thứ lương tâm được huấn luyện theo ý mình.

Lương tâm nào được chiều dài quá đáng sẽ phá hủy hết mọi thú vui trên đời. Tôi tin rằng tôi đã thu nhỏ được lương tâm của tôi đủ để điều khiển nó. Bởi thế mà bấy lâu nay, tôi không nhận được tin tức gì về nó cả.

Cũng có thể tôi đã giết nó chết bởi sự quá nghiêm khắc của tôi. Giết một đứa trẻ quả là sai trái và khác với những điều tôi đã nói từ nãy đến giờ, lương tâm thật ra không giống một đứa trẻ trên rất nhiều phương diện.

Có lẽ tốt nhất là lương tâm không nên tồn tại, nên chết hẳn đi..."

MARK TWAIN

(trả lời cuộc phỏng vấn
của RUDYARD KIPLING, 1889)

hay qua đây không; anh nói: "Mắt mắt gần một năm rồi!" Cái quan hệ kết nghĩa và cây ổi khiến tôi càng ngổn ngang; thậm chí hơi hoang mang: không có đầu không có cuối. Chẳng hay Phùng Quán có biết việc này không? Tôi cũng muốn tìm Phùng Quán để hỏi xem, nhưng tìm Phùng Quán lúc này thì khó lắm. Theo chỗ tôi biết thì anh ta mang thói xứ sở - như bản đơn ca được ông anh kết nghĩa Thanh Tịnh phối âm, phong phú - chỉ ẩn hiện quanh Hồ Tây vào ban đêm. Gặp được anh ta vào lúc ấy, chỗ ấy có khi mình có số lại mang thân vào cho muối đồn công an nó mở đại tiệc chưa biết chừng - Thôi cứ để thư thả - Tôi nghĩ vậy. Tôi đang cần đi tiểu tiện, Hoàng Cầm biết ý chỉ cho tôi cái chỗ cố định. Tôi ra tới nơi - xin lỗi - đang mới cởi khuya quần: quay lại xem có ai theo quán tính trước khi "khởi sự". Ôi! Chẳng thấy Hoàng Cầm đâu? Chẳng thấy cây ổi đâu? Chẳng thấy nhà Hoàng Cầm đâu? Trước mặt tôi lại có một biển cấm: "Cấm đi ở đây!" Chữ viết bằng vôi trắng, dễ đọc - Hóa ra tôi đang đứng trên một con đường quang quẻ sạch sẽ - ánh sáng như pha lê đang tới tấp từ đâu giội đến - Tôi nghĩ bỗng: "Có lẽ từ ý nghĩ giội đến".

Tôi cứ theo con đường đầy ánh sáng pha lê mà đi. Phía trước tôi không xa là mấy bà đồng nát lông vịt, vừa đi vừa rao mua: tiếng rao cất lên như đồng ca hai bè của bản hành khúc "Đồng nát - lông vịt". Tôi nghe cũng được, giả như tiếng ca nhỏ bớt chút nữa thì đỡ chói tai hơn. Mỗi lúc họ càng tấu to hơn, ra điệu ta đây đang làm chủ mặt đường, làm chủ ít nhất cũng một khoảng không gian tương đối rộng lớn. Tôi đành dừng lại chỗ cho họ đi khuất. Dư âm bản đồng ca cũng không còn lắng vẳng bên tai. Thỉnh thoảng tôi đã trở lại bình thường; nó đón nhận tiếng ồn ào, ồn ào từ phía xa xôi bên trái. Tôi biết đó là tiếng hợp chợ. Tôi liền rẽ bước theo hướng đó, đi chừng hơn một dặm thì đến một cái chợ. Chẳng để mua bán gì, nhưng phởn dạ bước chân muốn học đòi du khách rẽ vào chơi chơi. Chỉ nhìn thoáng cũng đủ nhận biết đây là một cái chợ pha tỉnh, pha quê, gần giống như Chợ Mơ, gần giống như chợ Chi Đông, Phúc Yên; gần giống chợ Nghệ Sơn Tây, gần giống như chợ Hồng Nam Định. Bụng bảo dạ: "Cả đến cái mặt chợ búa trên trần gian - cũng cứ na ná giống nhau, hướng hồ trăm ngàn, vạn mở những cái khác khiến người ta dễ nhầm lẫn là phải". Khi tôi để ý nhìn lên đầu tường của một quán gạch lợp ngói - chìa bày mấy chữ đắp bằng vôi, xung quanh chữ cũng đóng khung vôi vuông vắn như một bức phù điêu - tất cả đều cùng một màu vôi vàng đã cũ. Mấy chữ Pháp lộn chữ Việt "Marché de Yên Thái". Thôi đúng là chợ Bưởi! Hẳn là từ thời vong quốc "để huê" mà bàn tay của hôm nay hoặc bỏ quên chưa xóa; hoặc để làm lưu niệm; hoặc để làm một cáo trạng ngắn gọn của dấu chân đô hộ; hoặc để làm gì khác? Thắc mắc trong đầu là quyền mình; nếu như muốn chất vấn, muốn được giải đáp thì chất vấn cái mặt tường vôi ư?...

Chợ hợp chính phiên. Ba bốn quán ngói còn xung quanh là quán lá, lợp rơm rạ, hoặc trải lên tấm lá cốt sớ sài - bao giờ cũng như bao giờ; tiếng thế nó cũng đầy vẻ vĩnh cửu - Chợ đông, đủ các loại hàng bán. Cái chợ Bưởi được "cưỡi" từ ngày nào, thời nào, ai biết? Tôi thiết nghĩ: "Có lẽ người vùng này cũng đã quên gốc tích nó". Qua cái giọng đặc thù kẻ Bưởi của mấy làng thì quả là trộn không lẫn. Chợ Bưởi còn là nơi đảm nhiệm gây giống gia súc và cây trồng, nhất là cây hoa, cảnh cho nhiều vùng. Chợ còn nổi tiếng: tháng năm cũng gọi khách kinh kỳ; những quý miệng sành ăn, lui tới đặt lưỡi vào của "chái chùa"; đó là bờ thui đặc chủng. Nói

theo lối nói của một nhà văn thì chợ Bưởi đây cũng đã một thời "vang bóng bệ thui". Nhưng vì hy sinh cho một nền công nghiệp phát triển, bờ bệ cũng đã được đổi mới từ thui sang lột...

Bỗng có tiếng huyền não khác thường nhưng êm dịu vì không pha chút thét gào. Tôi lét mắt phía ồn ào thấy lối rầy hàng tôm, hàng cá nổi liền rầy hàng chó mèo có một giai nhân xuất hiện. Quần lĩnh nhóng nhánh, áo cũng lĩnh nhóng nhánh; khăn cũng lĩnh nhóng nhánh - đội rất điệu dàng - Trên cổ mặt hoa da phấn duyên dáng, răng cũng đen nhóng nhánh - tất nhiên không phải răng lĩnh - chẳng qua để cho nó "uy-ni" mềm mại. Giai nhân bước đi nhẹ nhàng tha thướt uốn éo như nhún nhảy, nhún nhảy nhịp "đánh bông" (?) Miệng tùm tùm, mắt liếc qua, liếc lại - khi giai nhân đi đến cách tôi quãng một tầm nước bọt. Tôi xúng cả người "Anh Tô Hoài!", tôi thốt ngất trong bụng. Một người anh về tuổi đời cũng như về văn chương. Từ rừng Việt Bắc trong các khuôn mặt đàn anh quốc thước, sành sử thì tôi chọn mặt anh để "gửi vàng". Anh Xuân Diệu lại nhìn anh bằng con mắt xanh khen "Toujours aimable!" - Tôi không lảm. Anh đã giúp đỡ tôi nhiều về mọi mặt. Quá khứ ân tình ấy tôi có muốn quên cũng không sao quên được. Nhưng liệu có phải anh thật không? Cái valy cũng đen bóng màu lĩnh, bên tay trái người đẹp. Tôi nín vào cái nghề cổ truyền lĩnh Bưởi quê anh để đỡ ngộ nhận. Nhìn cho rõ thì hoàn toàn là một com-rado (*) hăng dẹt lĩnh. Nếu tôi khẳng định như vậy thì nảy ra một thắc mắc làm sao anh tôi phải đổi nghề? Tôi thiết tưởng sự kiếm sống bằng nghề nghiệp tầm cỡ, có bề dày rất đáng kể về thời gian, tôi chưa nói đến bề dày quyền lực cũng như mọi bề dày khác. Cái gì đã thôi thúc đổi nghề? Nếu không muốn nói đến số phận. Cái mũi thềm văn cổ hữu của tôi: tôi đánh hơi thấy mùi sách trong chiếc valy căng phồng. Nếu có tiền, nếu cá cược, tôi xin đặt giá mười ăn một: trong valy không có vài lĩnh! Đầu tôi đang muốn được giải tỏa cái tiếng com-rado! Song tôi vẫn nghi hoặc, vẫn rất băn khoăn. Một thứ bản khoán rồi lộn, nó chao qua, chao lại như đánh võng trong đầu, khiến tôi phải nhắm mắt lại. Khi mở mắt không thấy bóng giai nhân đâu cả. Chẳng biết cái gì đã đẩy tôi đến một không gian khác. Anh Tô Hoài hoàn toàn Tô Hoài, nhà văn Tô Hoài. Tầm vóc anh không thay đổi, chỉ có con đế mền bên cạnh anh là to lớn khác thường, nó xấp xỉ một con ngựa - loại ngựa gié - đang tuổi phát nha. Anh đã dắt nó, hay nó dắt anh không rõ - tranh thủ đại diện ruổi rong trên đất lạ, ê hê! nay đang cùng nhau nghỉ dưới một gốc cây đa cổ thụ rợp bóng mát. Con đế đang lóm lém ăn cỏ, còn anh cũng đang ngồi đọc bản thảo, tay phải cầm bút máy thỉnh thoảng có ghi thêm hay sửa chữa gì đó. Cả người và vật toát lên đầy vẻ hã hê, sung túc. Trước mặt anh là một quan lộ, một rầy người gánh toàn sách là sách. Họ gánh đi bán rong hay chuyển đi phân phối cho đại lý. Họ nhìn anh, anh nhìn họ gật gù cười cười, rõ ràng là quen thuộc nhau cả. Có người nói văn anh đang hợp thời vận! Quyền nào anh viết ra cũng có tầm ít mũi đế mền nhưng chẳng thấm tháp mấy. Có thể ví như người bán trà ấm, vẩy vài giọt ét-te-sen, nhài vậy. Anh đã đạt tới mức quán quân thực hiện khẩu hiệu "nhanh, nhiều, tốt, rẻ". Sách anh được phát hành số lượng không hạn định bày tại quầy sách quốc doanh; cứ như gạo cửa hàng mẫu dịch vậy. - Làm gì có chuyện đóng gạo ngoài cửa hàng! Lòng nhân ái, sợ người người đói vẫn khát sách nên anh trở tài đáp ứng. Ngồi chỗ nào anh cũng viết được. Đứng chỗ nào anh cũng viết được, tay cứ thoăn thoắt tãi nhả đều đều. Có người nói anh viết như đan len! Và anh

đã chiếm lĩnh một góc trong cái tam giác thơm Tô Hoài - Lê Văn Trương - Hồ Biểu Chánh.

Ngồi nghĩ đã lâu lâu, anh đứng dậy, kéo theo con đế, anh vỗ vào lưng đế như vỗ vào lưng ngựa! Hẳn anh đang lấy lưng đế làm chuẩn, tập thể dục thể thao. Anh cứ nhấp nhòm nhảy mãi vẫn không qua lưng con đế mền! Anh bị ngã! Chống tay nhổm dậy: nhìn trước, nhìn sau, xem có ai nhìn thấy không? Anh đứng hẳn dậy, lắc đầu ngán ngấm...

Tại sao anh lại lắc đầu ngán ngấm nhỉ? Ngã thì lại dậy. Phải chăng anh đã nghĩ xa xôi sợ "sinh nghệ, tử nghệ". Theo thiển nghĩ của tôi thì anh lầm rồi! Nghệ của anh chỉ có sinh làm gì có tử!

Tôi đang bận tâm suy nghĩ; tôi vừa chớp mắt một cái bỗng tôi lại thấy mình đang ở giữa chợ. Trong đầu tôi lại nổi vào cái mạch cũ, từ khi gặp giai nhân. Mỗi nghĩ ngờ dâng lên mỗi lúc một cao - không sao tự mình giải đáp được. Tôi định rẽ hẳn vào rẫy hàng chó xem người ta bán, mua, người ta khen, chê tướng mạo lũ chó má. Chợt cùi tay ai đó huých nhẹ vào sườn tôi. Qua cái kiểu huých ấy, tôi đoán ngay là cùi tay của bạn thân. Tôi quay cổ lại, đúng là Đào Công Đạt - Lê Đạt - Cái tên do anh Nguyễn Huy Tưởng đặt cho từ rừng Việt Bắc. Lê Đạt, tôi rất có cảm tình với anh, phục anh mặc dù anh ra đời sau tôi tám tháng. Anh thông minh, anh có tú tài tây và còn học cao hơn nữa. Đầu toàn quốc kháng chiến anh còn theo học trường pháp lý - Đỗ Xuân Sảng. Còn tôi không giấu giếm, chỉ có cái trung học phải thi lại lần hai. Anh hay lấp bắp, lấp bắp vui miệng như tép nhảy. Tôi chỉ hơi khó chịu với anh một chút vì với bất cứ ai anh hay giả giọng "lãnh tụ non". Tôi cũng đại khái biết anh, có giai đoạn anh đã nhậm chức secrétaire particulier cho một vị cỡ nào đó - anh nói chuyện hay chen tiếng Pháp - khi đang nói, anh ngừng lại, dấm nhẹ lên trán, để tìm từ Việt cho thích hợp - na ná như người Pháp lâu năm mới trở về nước - bất đắc dĩ - có kinh nghiệm - phụt tiếng Pháp. Theo tôi không chắc chắn lắm - phần nào để tạo dáng kẻ nhiều chữ?

Lê Đạt là người sòng phẳng, ngay thẳng, đôn hậu, chỉ phải nổi tính đôi khi tắt mắt; hoặc hay cầm nhầm - có kinh nghiệm chữ của người khác khảm sâu trong sáng tác văn thơ của mình - dấu có vết, thì ngọc vẫn là ngọc! Tôi còn quý anh ở một điểm nữa là anh hay cho tôi đi ăn phở. Có lần tôi vui miệng hỏi anh: "Tiền đâu mà cậu cứ cho mình ăn phở mãi thế?" Anh nói nhỏ vừa đủ cho tôi nghe: "Bà cụ mình vẫn có chút buôn bán nhỏ kiếm thêm!..." Tôi cười, không phải chê bai gì. Nhưng anh hiểu lầm như là tôi có ý chê việc buôn bán. Vào cái thời mà gia đình cán bộ vẫn phần nào dựa vào buôn vào bán để cải thiện đời sống đều bị coi là thiếu trong sáng - Anh liền cười văng tục: "Chả thế lấy đéo đâu ra cho mày ăn!..." Tôi chẳng phát ý về câu nói. Tóm lại tôi vẫn thấy có bốn phận đối với anh như bát nước đầy.

Hôm nay, gặp nhau đây, anh lại hỏi tôi: "Đã ăn gì chưa? phở chứ?" Tôi đón lòng thảo của anh: "Gi cũng được!" Nhân dịp gặp anh, tôi khẳng định sự nhìn nhận của mình về anh Tô Hoài, về giai nhân. Tôi đưa mắt hỏi anh, không chắc chữ Lê Đạt khẳng định: "Đúng lúy!" Tôi hỏi lại: "Có chắc không?" Lê Đạt nói: "Chắc!"

Tôi lại hỏi tiếp: "Sao lại như vậy nhỉ?" Lê Đạt cười cười: "Ai mà biết được, ông anh lắm mưu nhiều mẹo; có thể nói là "đương kim vô địch đấy!" Tôi ngờ ngàng hỏi: "Về cái gì?" Lê Đạt đập mạnh bàn tay vào vai tôi: "Thôi đừng vờ! Mày mà không biết à?" Tôi nói: "Không biết thật mà!" Bây giờ Lê Đạt mới nói toạc ra: "Về

cái khôn chữ cái gì!" Tôi công nhận lời nói của Lê Đạt; chẳng những Lê Đạt mà anh em trong Văn nghệ thường cũng nói như vậy. Lê Đạt lúc nào cũng lại đưa tay vỗ vỗ lên trán nói: "Tao nghĩ về văn ông anh đã bội thu còn muốn gì nữa cho nhọc xác!" Tôi chưa kịp đáp lời, Lê Đạt mau miệng tiếp: "Bọn mình nhặt được vài hạt khôn của ông anh rơi vãi thì cũng đã lấy làm mãn nguyện, phải không mày?"

Tôi bản thân cả người, tâm trạng tôi ngổn ngang, không vui, cũng chẳng buồn, chẳng ước ao hay nuối tiếc gì cái hạt khôn của anh Tô Hoài để rơi vãi.

Tiếc thay! Nếu anh không ử một mưu mẹo gì cao hơn; đến bây giờ mới ngoặt bước sang một đường mới khác thì hơi muộn. Dấu sao thì cũng là giả. Có lẽ anh nhạy bén trong lúc thật giả lộn sòng nên mới quyết tâm như vậy chăng? Tôi nghĩ trách ông Xanh kia vẫn còn ông ẹo, đã cho người ta cái ngoại hình hấp dẫn thế này, sao không phóng tay mà còn bủn xỉn đắn đo tiếc rẻ không cho nốt cái chút nhỏ bé cần thiết; để người ta được trở thành một giai nhân hoàn mỹ; để người ta mang cái thân hình ngà ngọc ngay từ tuổi măng măng bẻ gãy sừng trâu, hành hương trên đường tìm Chân Mỹ. Tôi chẳng đại dột gì mà dính Mỹ với Thiên ở đây. Nếu người ta không đem được cái Chân Mỹ đáng hoa ban phát nơi nơi thì ít nhất cũng cho một vùng không nhỏ. Mặt mày thiết tưởng người ta còn gặt hái gấp bao nhiêu lần gặt hái văn chương. Cái tháp ngà Chân Mỹ hẳn mở rộng cửa đón chờ. Người ta khỏi phải khéo khôn, loay hoay; khỏi bị ngộ nhận, rất tội nghiệp!



Lê Đạt kéo vai tôi lên trên đường, tìm ăn phở, vừa để hóng mát, quanh quẩn dưới chợ, thế là đã đủ rồi. Tôi và Lê Đạt vừa lên khỏi dốc đến đầu hàng cây cảnh. Lê Đạt đang bận để mắt tìm hàng phở. Tôi đứng xem cây cảnh. Bỗng từ trong chậu cảnh hoa giấy phơi phới màu đỏ, một người bước ra, dáng vẻ mãn nguyện đang hoàng như từ Pô-bê-đa bước ra. Lê ra tôi phải kinh hãi cái lối tàng hình hóa phép. Nhưng không hiểu sao tôi lại coi là chuyện bình thường; chuyện tầm thường! Tóc rẽ cánh phượng, trên khuôn mặt chim, tròn không lẫn. Nách trái cặp một tập nhạc. Tôi biết ngay là ai rồi. Hình như anh ta đã nhìn thấy hai chúng tôi; anh ta đưa bàn tay lên che miệng cười - cái thói quen cố hữu - Lê Đạt quay đầu lại lấp bắp lên tiếng trước: "Chào cụ Tiên". Chỉ mấy tiếng của Lê Đạt tôi có cảm tưởng như anh đang giỡn, đang yêu cầu con tàu lịch sử dân tộc cái số lùi hàng vài thập kỷ cái thời Tiên thứ chỉ, đầu gà má lợn - Cái thứ bông phèng thiếu ý thức ấy mà lọt đến tai trên thì kiểm điểm một! Cụ Tiên hỏi: "Tụi mày đi đâu đến đây?" Lê Đạt trả lời gọn: "Chơi!" Cụ Tiên ta lại che miệng cười: "Có thể dẫn tao đi Văn

LỜI NGHỆ SĨ

MARILYN MONROE
Nguyễn Tà Cúc dịch

“

"...ôi không thể nào nói dối được...Thiên hạ cũng buồn cười lắm cơ. Họ đặt một câu hỏi và khi được trả lời một cách thành thực, họ lại kinh ngạc quá đỗi. Có người hỏi tôi " Khi đi ngủ có mặc đồ gì ? Một mảnh trên ? Một mảnh dưới ? Hay là một chiếc xiêm mỏng ? " Thế là tôi trả lời thực , " Chỉ tấm nước hoa Chanel số năm thôi. " Này, có biết không, tôi không muốn nói là tôi trần truồng nhưng điều đó có thực. Khi tôi bắt đầu nổi tiếng, người ta không thể tưởng tượng là tôi làm gì những lúc tôi không đóng phim vì tôi chẳng xuất hiện ở đâu cả, kể cả ở những buổi ra mắt phim mới hay các hội hè đình đám. Giản dị lắm. Tôi đi học lại. Tôi không có cả cái bằng Trung học nên ban đêm tôi học thêm tại Đại Học UCLA.

Tôi chọn các lớp về lịch sử Hoa Kỳ, về văn chương và tôi bắt đầu đọc rất nhiều, đọc truyện ngắn của các tác giả xuất sắc. Tác phẩm giúp tôi nhiều nhất là quyển " Thư Gửi Một Thi Sĩ Trẻ Tuổi" của Rainer Maria Rilke. Không có quyển đó, nhiều lúc tôi nghĩ có lúc tôi là một kẻ điên khùng. Tôi nghĩ rằng một nghệ sỹ - tha lỗi cho tôi , nhưng tôi nghĩ là tôi đang trở thành một nghệ sỹ, dù rằng có người sẽ lăn ra cười; bởi thế mà tôi phải xin tha lỗi trước- khi một nghệ sỹ cố gắng để có được sự trung thực, sự chân tín thì thỉnh thoảng người ấy sẽ bị cảm tưởng là mình sắp hóa điên đến nơi. Nhưng không, người ấy chỉ muốn điều ra được, bày tỏ được phần chân tín nhất của chính mình. Và làm được như thế không phải là dễ. ..."

”

MARILYN MONROE, 1960, HAI NĂM TRƯỚC KHI QUA ĐỜI.



LÊ TRỌNG PHƯƠNG

DI RONG

I.
Rồi xong rồi phổ bạn tôi
Hà hơi vào gió: xong rồi lại đi
Bạn tôi vài đứa đôi khi
Phết ngang chấm dọc...thời thì vậy thôi.
III.

Thong dong thoát hăng lưng chừng
Gác cây ngủ đứng bãi rừng tông ngông
Chàng ràng thức giữa đám đông
Thò chân ngựa ngáy lông bông quý thần.

THẾ DỪNG

QUÊ HƯƠNG NỬA ĐÊM

Im lặng sáng...
Lửa
Hương
Tình
Tim như đã chết
Thình lình xót xa!
Có gì đâu...Vẫn là Ta
Cuộc tình kiếp trước đã qua ngàn ngày.

BÙI NGỌC TUẤN

TUYẾT HOA CA

Tặng Tường Vy
và Nguyễn Khắc Nhân

Ta ca chơi hể sáu ngàn năm còn hết
Hoa tuyết loạn trời hể mù mịt nhân gian
Gió nổi tự đâu hể tâm tư cuồng nộ
Văng vẳng trong không hể chim lẻ oán than

Tuyết lạnh bay hể đời hieu quanh
Gió rú gào hể ma tướng lạc âm binh
Sóng chập chùng hể lời sâu giọng trầm
Gió hú lộng hể rờn rợn tử sinh

Tuyết loạn bay hể tuyết loạn bay
Trắng buốt mệnh mang hể đêm hoá lộn ngày
Tâm tưởng tới bởi hể như người lạc nẻo
Tuyết mù trời hể làm kẻ cuồng say

Ta ca chơi hể đua với gió
Hoa tuyết loạn trời hể thẩm tới bàng hoàng
Trăm ngả đời hể lối nào không là tuyệt lộ
Ngồi lặng trên đời hể thân hoá giá băng.

Phủ hàng Lang được chứ?" Lê Đạt hơi ngần ngừ, đưa mắt cho tôi. Cụ Tiên kịp thời theo mắt Lê Đạt, hỏi tôi: "Khá không? Nghe Phùng Quán nói đạo này sáng nào mây cũng lượn thái cực quyền à?" Tôi chưa hiểu hai tiếng "khá không" là khá về mặt nào, khá cái gì? Tôi trả lời: "Múa may vài cái cho nó qua giờ ăn sáng chứ còn quyền gì đâu!" Tôi cũng tin rằng anh ta hỏi là hỏi chứ cũng biết thừa hoàn cảnh tôi nghèo lỡ ra chứ có gì. Lê Đạt đầu cứ gật khê - gật đầu kiểu này không phải là đồng ý. Cụ Tiên chép miệng: "Bấy lâu nay tao chưa xem lại cái tiết mục "Náo long cung!" Thật ra lúc này tôi mới hiểu được rõ ý muốn của cụ Tiên. Cách đây mấy năm, đoàn xiếc Tề Tề cấp nhĩ Trung Hoa có sang biểu diễn tại nhà hát nhân dân; trong đó có tiết mục "náo long cung" gồm đủ loại thủy tộc, ba ba, lươn ếch nhào lộn. Từ đấy cửa hàng ăn Văn Phú mới đặt cho một thực đơn là "náo long cung". Tôi cũng đã có một vài lần được các ông anh Hoàng Cẩm, Tử Phác, Đặng Đình Hưng, Cụ Tiên và Lê Đạt, cho đến dự tiết mục đó - ai trả tiền thì không nhớ.

Trước mặt nhau đây, thấy "Cụ Tiên" vui vẻ tôi cũng mới dám chuyện trò cời mở. Với "Cụ Tiên" tôi vốn ngại, sợ thì đúng hơn. Bởi vì tôi biết cụ tiên có kèm một công tác đặc nhiệm; và đã vài lần lập chiến công tuy thâm lặng nhưng hiển hách. Tôi có lần được Tử Phác nói cho biết chơi với cụ tiên là vẫn phải cảnh giác. Vui vẻ đấy nhưng lỗ miệng chuyện nọ xọ chuyện kia, cụ tiên cho là phạm vào "tín điều", "đet" cho một cái, mình toi mạng! Bởi vậy, cũng như hôm nay, mỗi lần gặp cụ tiên, tôi chỉ giao tiếp lấy lệ để cụ tiên khỏi méch lòng. Tôi vẫn tính bài lảng.

Phở chưa ăn, Văn Phú chưa quyết, chưa đi. Bỗng một loạt đại bác chẳng biết từ đâu, chẳng biết vì sao, ầm ầm rung chuyển cả một không gian. Dưới chợ, trên đường huyện náo, người người đổ xô chen lấn, la hét, gà lợn chó má cũng kêu lên thất thanh. Kẻ chạy xuôi, người chạy ngược, xéo lên nhau mà chạy - đều chạy người không - bỏ của chạy lấy người - Cụ tiên và Lê Đạt đã biến nẻo nào rồi?

Trong cơn kinh hoàng, hoảng loạn, một mình tôi bơ vơ, không biết nên chạy đi đâu? Tiếng nổ mỗi lúc một dữ dội tưởng như vỡ trái đất; tưởng như phụt núi lửa, tưởng như trời xập; tưởng như Trần Châu Cánh hay Hi-rô-si-ma. Cuồng phong, bão tố nổi lên tiếp tay cho tiếng nổ. Cây cối ngã nghiêng, đất, trời chao đảo. Trên không trung, mây ngũ sắc xanh vàng tím đỏ vun vút như cờ thiên lôi từ bắc phương tràn xuống, từ tây phương đổ về. Vừa bay vừa đổi màu biến sắc. Tất cả gặp nhau, tùm lại, tạo một vòm trời đỏ như máu. Tôi đứng dưới vòm trời, ba hồn bảy vía chỉ may ra còn lại một hai. Tôi tự hỏi thế này là thế nào? Đời tôi chưa được nghe ai kể; chỉ khi còn thơ ấu được nghe ông lão hàng xóm nói chuyện đời; nghe xong ngày đêm sợ hãi. Lần ấy chị gái tôi cũng còn bé, chị cóp được mấy hào nghe nói sắp đổi đời đến nơi, hai chị em rủ nhau đem tiền mua kẹo bánh ăn bằng hết, kéo bỏ phí. Câu chuyện đó tôi lớn lên vẫn còn bán tín, bán nghi, khi trưởng thành thì quên mất...

Câu chuyện ông lão hàng xóm kể có lẽ là lúc này đây! Đã bơ vơ vì bạn, lại bơ vơ vì thiếu mặt gia đình! Lúc này thì tiếng nổ không còn, chỉ còn tiếng gầm rú của bão tố như ngàn vạn tiếng nổ gầm, voi rống, nghe càng hãi hùng! Dưới vòm trời tất cả đều nhuộm nhanh màu đỏ. Tôi bỗng choáng váng, đầu nhức, mắt hoa lên. Tôi phải đưa hai bàn tay đập lên mặt, vì cảm thấy mặt đất quá cheo leo! Tôi sợ ngã!

Tôi vừa mở hai bàn tay không biết từ lúc nào và từ trên trời lao xuống, hay từ dưới đất trồi lên; một trái núi - trái núi hình nón - có lẽ là ngọn tháp, tôi chưa kịp phân biệt. Thì cứ gọi cho là một ngọn tháp khổng lồ. Ngọn tháp rung rinh lay động. Trên đỉnh tháp là một tàn vàng chói lóe, hơi giống mặt trời chiếu lúc gần xuống núi; có phần sáng hơn mặt trời. Bên cạnh tàn vang là một lá cờ đại; xung quanh lá cờ đại là hàng ngàn cờ nhỏ - đều màu đỏ rực. Từ cờ đại đến cờ nhỏ đều quay tròn. Diềm cờ không dính tua kim tuyến mà là lưới câu thép ngoại. Cờ tạo gió, gió nhân thành bão, thì ra do cờ bay mà có tiếng gầm rú hãi hùng như vậy. Tôi lạnh cả người, cầm sẵn trong tay một cái chết móc hàm!

Ngọn tháp mỗi lúc một to ra, cao lên, cờ cũng nhiều gấp bội. Có thể nói: đây mới đúng là rừng cờ, là nguồn sinh của cờ - cũng đều diềm lưới câu, cũng quay tít. Tôi đưa mắt nhìn kỹ thêm ngọn tháp thấy từ chân tới đỉnh toàn người là người lớp nọ cưỡi lên cổ lớp kia ngất ngư. Cái tháp người này sẽ là kỳ quan thứ mấy của thế giới đây? Tôi nghĩ vậy - Thật là một sự kỳ lạ! Tạo được ngọn tháp này phải là các nghệ sĩ xiếc mới có hạng! Ai ở trên đỉnh chốt nhĩ? Tôi tự hỏi.

Thoát một cái, chẳng biết từ đâu, người người lớp lớp đang chạy vòng quanh tháp - như đèn kéo quân. Chạy theo hướng cờ bay, chạy dưới bóng cờ. Từ chân tháp đổ ra không sao đếm xuể được số vòng trong, vòng ngoài là bao nhiêu. Tôi cũng là kẻ đang chạy vòng ngoài cùng. Tôi ngỡ ngàng không hiểu là do sự sắp xếp nào mà tôi có mặt trong vòng chạy này? Làm sao tôi không biết? Vòng nào cũng đủ các loại người già, trẻ, đàn bà, đàn ông - bách tính tứ dân: sĩ, nông, công, cổ. Nhiều nhất vẫn là dân áo vải, chân lấm tay bùn - Hình như có cả tây lai. Người nào cũng cầm vũ khí từ tối tân đến thô sơ: - Tối tân đây là súng: nào là Rô-manh-tông, Mút-cơ-tông, Anh-đô-si-noa, cả súng hỏa mai; nào là cuộc, xẻng, mai, thuổng, đòn càn, đòn gánh, nào là tay thước, dao quắm, mã tấu. Có cả mấy vị trư bát giới cũng vác cào lạch ếch, hoặc xích trượng; cả mấy vị áo chùng thâm vác thánh giá chạy vòng gần chân tháp. Trong đế của đại tháp, tôi thấy đủ mặt: ông anh đẹp giai tay cầm côn đỏ, Viện trưởng, Viện phó viện múa lưới. Cụ Tiên hai tay hai súng lục, ông anh Tô Hoài, cả Hoàng Cẩm, Lê Đạt cùng bao nhiêu người khác tôi đã từng gặp mặt ở chiến khu Việt Bắc; đều thành một khối tháp vững chắc sống động. Các vòng người đều nhất loạt hướng tai lên đỉnh tháp nghe lệnh sang sang: "Kẻ thù phía trước! Kẻ thù phía trước!" Giữa người nọ với người kia nhất tề giữ đúng khoảng cách một tấm lê đám trộm.

Đêm xuống lúc nào không biết. Đổ pha đen, không gian là một màu huyết dụ; một thứ mùi rờn rợn, tanh tanh như mùi thép rỉ vảy quanh. Tay tôi, chẳng biết ai đã trao cho một dùi gỗ, và tôi đã nhận làm vũ khí từ lúc nào? Dùi gỗ dài chừng nửa thước tây - bết máu. Chắc là chiến lợi phẩm thu được của kẻ tử trận. Ôi chao! Tôi nhìn thấy gáy người phía trước tôi. Chẳng phải là ai, chính là ông thầy học của mình. Trông vốc dáng của thầy; nhất là sau gáy có hai nốt ruồi đen, to liền nhau. Tôi khẽ lên tiếng: "Phải thầy Đoàn đây không?" Thấy Đoàn giật mình, không dám ngoái đầu, không dám lên tiếng. Nước mắt tôi trào ra, cổ tôi nghẹn lại, tôi lại nói tiếp: "Cung đây! Thầy còn nhận ra con không?" Thấy Đoàn lại giật mình, co cổ lại. Thấy Đoàn biết mình đang ở vị trí kẻ thù của tôi! ! Tôi bàng hoàng! Tôi đang là kẻ thù của ai phía sau tôi? !

Thơ với ai đấy- trước khi là nghiệp thì đã là nghề. Dù nhuận bút cho thơ luôn ít ỏi đến tội nghiệp thì đó vẫn là nhuận bút. Và đôi khi, nhuận bút nhỏ nhoi kia vẫn có thể cho là nhiều, bởi với người yêu thơ, thơ không bao giờ được là thế phẩm. Với Phùng Cung, thơ có lẽ chỉ là nghiệp. Hẳn là thế! Vì nếu không, người thơ ấy đã phải răn mình treo bút sau bao nông nổi mà duyên do là chữ nghĩa. Mười một năm ở tù vì một phúng dụ nghệ thuật vượt ra khỏi khuôn khổ quy phạm của nền văn học hiện thực xã hội chủ nghĩa: "Con Ngựa Già Của Chúa Trịnh" - Ấy là cái giá Phùng Cung đã trả cho những đam mê chữ nghĩa của mình; ấy cũng là cái phần đau khổ người thơ đã gánh cùng bạn bè nghệ sĩ trong phong trào Nhân Văn Giai Phẩm.

Trong Cát Bụi Chân Ai, Tô Hoài đã rất thâm trầm cho người đọc thấy những thống khổ mà Phùng Cung đã trải. Chân dung người tù mãn hạn Phùng Cung ấy sẽ khiến ta trọng hơn một Phùng Cung khác; làm đình và làm thơ; làm đình để sống và để vật lộn với chữ nghĩa khó nhọc và mê mải chẳng khác gì một Hàn Dũ, một Giả Đảo thời xưa. Tài tình ấy của Phùng Cung với thơ đã được thấu hiểu bằng tài tình của một người khác. Phùng Quán.

Trên một số Diễn Đàn năm ngoái, giới thiệu thơ Phùng Cung, Phùng Quán đã cho biết sẽ đi đọc thơ xuyên Việt hồng đủ tiền giúp Phùng Cung khai sinh thơ mình. Dưới tuổi vàng chắt hắt Phùng Quán cũng ngậm cười vì người anh em thơ của mình rất cục cựa cũng đã ra mắt được tập thơ đầu tay. Ở tuổi sáu nhăm. Vâng, đúng, ở tuổi ấy. Tôi hình dung Xem Đêm của Phùng Cung nằm khiêm nhường trên giá của một hiệu sách Hà Nội, lẫn giữa bao nhiêu

bìa sách đỏ và xanh khác. Ở cái thời loạn sách, một cô sinh viên năm thứ hai cũng có thể được bố mẹ chi tiền in một tập thơ, những câu chữ rút ruột mà thành của Phùng Cung sẽ có tác động thế nào đến tâm thế con người? Nếu dừng ở số lượng bài in trong tập Xem Đêm thì ắt phải giật mình: 200 bài. Hai trăm bài thơ, bài nào cũng buộc ta phải lắng mình lại mà ngẫm nghĩ. Tự nghĩ, đây không phải là một sự xa xỉ lời ca tụng. Cũng tự nghĩ: Để mấy người làm được thế trong thơ.

Thơ Phùng Cung là thứ thơ kiệm chữ, phẳng phát gợi nhớ Tanca, Haiku của Nhật. Thơ ấy buộc mỗi chữ phải ở thế thăng hoa. Xem Đêm đạt tới độ ấy: tứ

Có thể là do hoàn cảnh sống riêng, Phùng Cung buộc phải đứng bên lề thế sự và do thế phải luôn luôn hướng nội, một đặc điểm của Xem Đêm là không có bài nào động chạm trực tiếp tới các biến cố lịch sử trong đời sống dân tộc suốt mấy chục năm qua. Nhưng trung thành với mình như thế thì đã là một bản lĩnh nghệ thuật và bản lĩnh thơ của Phùng Cung ở Xem Đêm là ở chỗ thơ ông chứa chở không phải là các biến cố đến rồi đi mà là cái hồn vía của hiện thực được soi ngấm qua một đôi mắt thức. Ấy là những mảng cắt từ một nông thôn Việt Nam khó nghèo: Như Cua Đồng

Phận - lấm

Nam. Thật khó tìm trong diện mạo thơ hôm nay những nét thơ này nếu không phải chỉ là chỉ có ở một thơ Phùng Cung. Thơ ông có cái kiêu hãnh của người từng trải:

Bếp

Gió mứa sùi sụt

Lửa mất

Bếp còn

Ấu ruột ruột rình khua khoắng

Ba vua bếp già lo lắng nhìn nhau

Nắng Hoa Ngâu

Bước em xéo bóng

Đi về hai buổi

Cầm cặp queo hồng

Nắm rau nón cúi

Se sém nổi ong vàng

Điêng nắng - hoa - ngâu

Nếu nói về tài quan sát của Phùng Cung ở đây thì thật chưa đủ. Có bao nhiêu hòa nhập, yêu thương, gắn bó trong những câu chữ đó. Và những yêu thương ấy lại tụ về chất chứa ở một người thôi. Phùng Cung. Trọn tập Xem Đêm, không có bài nào tới những oan khiên trong đời nhà thơ, nhưng lại có rất nhiều bài nói tới những mất mát, thiếu hụt, những sự dữ của đời người, ví như một Ao Hoang, Giã Đất, Quyên Giáo, Đậu Mùa... Xuất hiện với tầng suất gần như thế là những bài dường như chỉ vờn họa lại cái thuần khiết của sáng, chiều, trưa, của nắng mưa... Nhưng có bao giờ thơ tả cảnh lại chỉ là tả cảnh thôi đâu, với những tài thơ thực sự? Ví như chỉ ở một bài bất kỳ này của Xem Đêm:

Vắng

Dưa héo sào phơi

Em đi đâu

Chinh nước gốc cau

Ôm khoanh - trời cũ

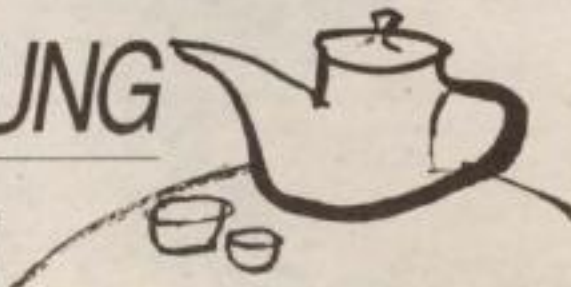
Lá bưởi đầu hồi

Loáng thoáng phân chim

Xem tiếp ĐÊM trang 25

ĐỌC XEM ĐÊM CỦA PHÙNG CUNG

Đỗ Quang Nghĩa



không lộ và chữ thì như nhập hồn. Ví dụ mùa nước lụt, với Phùng Cung, đã là Mùa Nước Mắt:

Đề tiền triều gầy khúc

Đồng ngập trắng

Con lênh đênh công

vắng - bơi - sông

Thương em đứng giữa mùa nước mắt.

Ở một bài bất kỳ nào khác, cũng có thể tìm mình chứng cho điều đã nói, chẳng hạn. Gặp Em.

Lâu lắm gặp em

Em chỉ khóc quay đi

Bước - héo

Áo - gầy

Gió - và - nón - cũ

Tôi hiểu em

Tôi chẳng nói được gì

Tối ngày đào khoáy

Lưng nắng - về

Hoa văn tiền sử

Chài chài đồng chiêm

Mấy kiếp rồi

Hay Vạc

Nắng - đập cánh đồng xơ xác

Bước liêu xiêu

Cái vạc ăn ngày

Phùng Cung ở mặt này của hiện thực, đã đạt tới độ sâu sắc chưa từng thấy trong thơ ca Việt Nam mấy chục năm đổ lại đây. Thơ ông nói rất giỏi, rất giản dị về cái nghèo, cái lam lũ, cái thanh sạch và cam chịu cho đến giờ vẫn thống trị nông thôn Việt

Tôi rùng mình kinh hãi, hai chân chao đảo, loạng choạng, xéo phứa lên một bãi cứt. Tôi bị trượt chân văng ra khỏi vòng hiểm họa! ngã xấp mặt, nhờ một "bãi cứt cứu sinh". Tôi đau ê ẩm, nhưng vô cùng sung sướng. Tôi định thần, để ghi nhớ công cứu sống tôi. Tôi nghĩ sau này tôi phải viết một bài "Cứt tụng". Dù ai có chê bai cũng đành chịu vậy thôi. Trong đầu tôi mới xuất được một từ: "Cứt không thêm với tay vịn gió đổi mùi; nguyện hồi thối hết mình để người đời khỏi ngộ nhận!..."

Tôi nằm ngơ, lúc này tôi mới nhận biết mình đang nằm trên đồng máu - máu chiến thắng kẻ thù đồng loại! Gió mặt đất va vào tôi những tiếng khóc thê thảm tập thể từ đâu vọng lại. Tôi nghiệp thầy Đoàn bây giờ ở đâu? Thầy Đoàn đang là kẻ thù của ai? - Tôi cầu khẩn đất trời ra tay cứu vớt để những đau thương tràn ngập được giải thoát. Lòng tha thiết bằng an của tôi có lừa dối tôi không? Chiêm bao trong chiêm bao - Vậy hẳn là tụi trẻ con mất dạy tình nghịch bày trò chơi đại dột.



Phùng Cung

Phùng Cung

Chợt có tiếng từ đỉnh tháp đài sang sảng lói tai: "Bắt lấy nó! Bấm nát thằng đào ngũ!" Tôi sợ quá, cứt máu đầy người vùng dậy chạy trốn. Tiếng súng ưu binh "chúu chúu" cùng tiếng chân chạy huỳnh huých đuổi phía sau tôi. Nghe mỗi lúc một gần, tôi không dám quay đầu nhìn lại. Tôi cầm cổ chạy, hờm đá cheo leo, vực thẳm ngay trước mặt. Hàng ngàn vạn con rắn đỏ, rắn vàng, to bằng thân cây cau, dựng đầu, giương bành, múa đuôi âm âm như bão tố dưới vực. Cùng đường, trước mặt, sau lưng, hai cái chết rừng rợn! Vừa lúc lại một loạt đạn rít lên sát vành tai bên trái, tôi nghiêng đầu tránh đạn, xáy chân đâm vút xuống vực, chỉ kịp rú lên một tiếng "Trời!" Tôi giật mình choàng tỉnh: Một cơn ác mộng khủng khiếp!

Cánh tay tôi làm bất cả hai thằng con ốm xò vào nhau trên ngực tôi. Chúng hoảng hốt, ngơ ngác. Dưới ánh sáng của bóng đèn bốn mươi nèn, trống ngực tôi rộn rã liên hồi. Từ vô thức tôi buột miệng: "Đầu sao thì thằng anh vẫn là anh thằng em!" ■

LỄ ĐÊM

ĐỖ KHÁNH HOAN dịch M. DE ASSIS



Nhà văn châu Mỹ La-tinh đầu tiên khiến độc giả Bắc Mỹ, nhất là châu Âu say mê đọc. Họ mê tài ông kể chuyện, họ mê tài ông viết văn, và theo họ, ông hoàn toàn khác với người đi trước và người cùng thời. Hơn thế, họ còn hiểu ông thuộc hàng nhà văn sáng tạo, không mô phỏng hay bắt chước người khác. Bước vào nghề vào lúc phong trào tả chân đang cao ở châu Âu, lúc văn chương châu Mỹ La-tinh còn đang ở tình trạng xơ xác ông tự tách mình sang bên thứ nhất để tránh ảnh hưởng, thứ đến để tìm đường đi cho riêng mình.

Văn chương khắp vùng ông ở suốt thế kỷ XIX nói chung vẫn còn có giới hạn cơ bản. Trừ ông ra, nhà văn ở đó thuở ấy vẫn còn non nớt, nếu có gì nổi bật thì chẳng qua chỉ là mô phỏng, bắt chước khuôn mẫu châu Âu, nhất là Pháp. Trong số họ không thiếu khuôn mặt trứ danh, lãng mạn, hiện thực, tả chân, trau chuốt, tượng trưng, song đó chỉ là hình bóng mờ mờ ảo ảo đã xuất hiện trên đường phố Paris.

Ông ra đời ở Rio de Janeiro, Ba Tây, cha người "mulato", mẹ người Bồ đào nha. Ở châu Mỹ La-tinh người ta dùng từ mulato, mulata để chỉ đứa trẻ trai hay gái cha là người da đen (hoặc da trắng) và mẹ là người da trắng (hoặc da đen). Như vậy ông là con lai mà bố không thuộc hàng con cháu người thực dân thuộc địa. Tuy thế, dù nghèo nàn song gia đình lại thuộc thành phần trí thức, văn nghệ trong xã hội Ba tây.

Ông ham văn chương ngay từ lúc còn nhỏ. Tuổi mới mười lăm đã có thơ đăng báo. Năm ngoài 30 mới đi làm cho nhà nước. Ông từng sự tại Bộ Nông nghiệp, Thương mại và Công chánh. Chức vụ là giám đốc kế toán và thời gian phục vụ kéo dài 34 năm!

Năm 1897 chính phủ thành lập Hàn Lâm Viện ông được đề cử làm chủ tịch; ông là chủ tịch đầu tiên và ngôi ghế này cho đến khi qua đời. Dẫu bận bịu vì công vụ, khốn khổ vì chứng động kinh, song ông vẫn làm việc hết mình và hăng say sáng tác. Ông viết đủ loại, nhưng thành công nhất là tiểu thuyết (9 cuốn) và truyện ngắn (trên 200). Ngoài ra ông còn chuyển ngữ nhiều tác phẩm giá trị. Ngoài tiếng mẹ đẻ ông sử dụng thành thạo tiếng Anh, tiếng Tây ban nha.

Về quan niệm và phương thức sáng tác ông là quái tượng của thời đại. Cuối thế kỷ XIX nhà văn Pháp Émile Zola và phong trào tả chân có ảnh hưởng rất mạnh ở châu Mỹ La-tinh. Nhưng ông coi thường và không những thế còn đánh giá thấp đường lối sáng tác kiểu này. Theo ông khuynh hướng tả chân không có giá trị trong sáng tác văn chương, khuynh hướng ấy chỉ làm công việc của anh phó nhòm chụp hình ngoại giới, và khi nháy xong kết quả chỉ là mở ảnh không hồn - nông cạn và vô nghĩa. Bởi thế ông tự đề ra lối viết riêng rồi theo sát trong tiểu thuyết cũng như truyện ngắn.

Về hình thức, truyện của ông xây dựng

công phu. Pha trộn màu tâm lý với màu hài hước qua bút pháp trong sáng ông sáng tạo nhân vật. Truyện của ông không ôm đồm, không gồm nhiều thứ; ông thích giới hạn mục tiêu do hình thức tự truyện yêu cầu, dưới tay ông hình thức đó nhiều khi trở thành "độc thoại nào nê". Chỉ cần vài nét phác tả ông đã vẽ xong thật sinh động bối cảnh xã hội. Khi ông bắt đầu sáng tác "con gái thường yêu lắm người và phải lấy đúng người mãi về sau mới được tự do lựa chọn tấm chồng." Về nội dung truyện của ông dài hay ngắn đều là thăm dò, khai thác tâm lý vừa tinh vi vừa mơ hồ, lúc minh bạch, lúc lấp lửng y hệt lòng dạ con người trong sinh hoạt thường nhật phải kinh qua tình huống đặc thù, khác biệt khiến người đọc có cảm giác mông lung, lằng lằng. Và đọc truyện của ông người đọc còn có cảm tưởng như đang đi qua khu rừng lúc rậm rạp lúc thưa thớt, khi có ánh nắng lọt vào khi có đám mây che kín.

Qua đời đầu thế kỷ, lúc sáng tác văn nghệ châu Mỹ La-tinh còn đang ở thời kỳ phôi thai, lần mò tìm đường hướng, đề tài, và đến nay thế kỷ gần chấm dứt ông vẫn được kể là nhà văn thượng thặng. Ông thuộc hàng tiền bối, tiên phong, sư phụ. Bắt đầu thập niên 40, người ta lại say sưa đọc ông và nhận thấy ngòi bút, tác phẩm của ông thật ý nhị, tinh tế ít đồng nghiệp có được. Mười năm sau độc giả Mỹ mới đọc và dịch tác phẩm của ông. Cùng thời gian độc giả Canada nhiệt tình tán thưởng. Cả hai đều đồng ý dù thời gian cách nhau thật xa, song ông không có gì là cổ, ngược lại ông vẫn mới như nhà văn mới của họ.

Trong số sáng tác phong phú ông để lại (thơ, kịch, tùy bút, tiểu thuyết, truyện ngắn) phải kể Don Casmurro (1900). Tác phẩm quan trọng tiêu biểu văn tài đồng thời phổ biến nhiều mặt xã hội. Tiểu thuyết sâu sắc khai thác chủ đề: tình yêu dành cho tha nhân tương qua với tình yêu dành cho mình phải chăng là tiềm năng phi phạm trong đời sống con người? Lễ Đêm bạn đọc sắp sửa tham dự trích từ "Papeis Avulsos" (1882). Không biết ở ta thế nào chứ ở Hoa kỳ đã có hai bản dịch. Bản thứ nhất của Isaac Goldberg, "Brazilian Tales", xuất bản ở Boston năm 1921 và bản thứ hai của W.L. Grossman, đại học California ấn hành năm 1963.

Cho đến bây giờ tôi vẫn chưa hiểu hết câu chuyện giữa tôi và mệnh phụ ấy. Chuyện xảy ra nhiều năm về trước. Lúc đó tôi mười bảy, bà ấy ba mươi; và hôm đó là đêm Nô-en. Do dự định sắp đặt tôi sẽ đi dự lễ với ông hàng xóm; tôi sẽ gọi ông ta vào khoảng nửa đêm rồi hai người cùng đi.

Ngôi nhà hai tầng là nhà chường khế Menezes. Tôi ở trong đó. Bà vợ trước của ông là chị họ tôi; bà vợ sau của ông tên Conceicao. Mấy tháng trước khi tôi tới bà ấy và thân mẫu tiếp đón rất niềm nở. Tôi rời Mangaratiba đến Rio để học sửa soạn thi vào trường cao đẳng. Tôi sống âm thầm với đồng sách cao ngất. Ít tiếp xúc. Thỉnh thoảng mới ra ngoài tản bộ. Gia đình này ít người. Chỉ có ông chường khế, bà vợ, bà mẹ vợ và hai người nô lệ làm đầy tớ. Nếp sống cổ kính. Mười giờ tối là mọi người lên giường. Mười rưỡi là cả nhà đã ngon giấc.

Từ trước tới giờ tôi chưa bao giờ đi xem hát. Nhiều lần ông Menezes cho tôi hay ông hay đi, bởi thế tôi bèn ngỏ ý muốn đi cùng. Nhưng lần nào nghe thấy thế bà vợ cũng cau mày và hai chị đầy tớ cười khúc khích. Ông chẳng nói chẳng rằng mà cứ đi đến nhà hát bộ rồi rời nhà mãi sáng hôm sau mới về. Sau này tôi mới hiểu đi xem hát chỉ là uẩn từ hoa mỹ mà thôi. Sự thật ông đang thậm thọt với một bà; bà này đã có chồng, nhưng hai người sống ly thân. Ông vắng nhà mỗi tuần một lần. Thoạt đầu Conceicao buồn lắm, nhưng miết rồi chị cũng quen dần. Quen với hoàn cảnh dẫn tới tình cảnh cam chịu, và cuối cùng chị hầu như chấp nhận sự việc là đương nhiên.

Conceicao thật dễ thương. Ai cũng bảo chị là thánh. Chị thật xứng đáng với danh hiệu vì nhẫn nhục chịu đựng cảnh chồng thờ ơ mà không than trách. Nói đúng ra chị là người tâm hồn và tính tình rất thân thiện, trầm tĩnh, không hơi một tí là rú lên cười, động một chút là òa ra khóc. Lúc nào chị cũng tiết ra vẻ phục tòng và thùy mị. Khuôn mặt trung bình. Không đẹp, không xấu. Chị thuộc hạng người hiền hậu, không nói xấu ai, tha thứ tất cả, không biết thù ghét và rất có thể không biết yêu là gì.

Đêm Nô-en ấy - tôi nhớ năm đó là năm 1861 hoặc 1862 - Menezes đi xem hát. Đáng lẽ tôi về Mangaratiba rồi, nhưng đổi ý ở lại tới Giáng sinh để xem lễ trong thành phố lớn ra sao. Mọi người trong nhà vào phòng ngủ theo giờ thường lệ. Tôi ngồi một mình ở phòng khách phía ngoài, vận đồ chỉnh tề và sẵn sàng ra đi. Từ phòng khách tôi có thể qua tiền phòng rồi ra cửa mà không làm ai mất giấc ngủ. Nhà có ba chiếc chìa khóa để mở cửa ra vào. Menezes giữ một, tôi cầm một, còn một để ở trong nhà.

- Ừ này Nogueira, trong lúc ngồi như thế cháu sẽ làm gì cho hết thì giờ hử? Má chị Conceicao hỏi.

- Thưa bác cháu đọc sách.

Tôi đang cầm trên tay cuốn "Ba Người Ngự Lâm Pháo Thủ". Đây là bản dịch trước kia đã in từng kỳ trên tờ Nhật Báo Thương Mại. Tôi ngồi ở bàn kê ngay giữa phòng. Ngọn đèn dầu leo lét cháy. Trong khi mọi người ngon giấc tôi nháy phốc lên lưng ngựa già của D'Artagnant rồi lao mình vào phiêu lưu. Chẳng mấy chốc tôi mê man vì truyện. Thời gian trôi mau. Hiếm khi mau như thế, nhất là khi mình phải chờ đợi người nào. Tôi



Tem Cộng Hoà Dahomey với chủ đề Giáng Sinh

NGUYỄN SỸ TẾ

TỈNH DẠ
NOËL DES DAMNÉS

Cửa khuya cài một vạt sao
Phấn hương theo gió lọt vào vườn trinh.
Cỏ cây cất khúc giao tình
Nhờn nhớ một đoá hoa quỳnh gọi trắng.

Garden Grove 11-1996

NOËL DES DAMNÉS

1.
Va-t-en! Soleil déprimant!
C'est dans la nuit qu'on sent mieux
l'espace.
Et Terre! Fais ton tournant
Pour qu'une nouvelle année se trace.

Ô Nuit des Temps, nuit de foi!
Que la grâce vienne!
Le coeur sait fait la loi,
Que l'on s'en souviennne!

2.
Par-dessus les monts neigeux,
Espris de joie et de bienveillance,
Soyez, flambeaux bienheureux,
Messagers de la sainte naissance!
Ô Nuit des Temps, nuit d'espoir,
Que le mal finisse!
Autour d'un doux abreuvoir,
Qui on se réunisse!
3.
Au camp de concentration,
Noël n'existe rien qu'en mémoire.
Là tout est désolation:
Le froid, la faim, la longue nuit noire...
Ô Nuit des Temps, nuit d'envol!
Que la chaîne tombe!
Pour reverdir ce nu sol,
Que l'enfer succombe!

(Inédit - Ya Zun, Noël 1979)

VIÊN LINH

GIÁNG SINH CỦA
NHỮNG KẺ BỊ ĐOẠ ĐẦY
(phỏng dịch)

1.
Biển đi! Mặt trời gièm xiêm
Cho đêm về cảm hiện bao la.
Quay tròn Trái Đất cho ta
Mang năm mới đến, dấu nhà gần bên.

Nghìn năm Đêm, chỉ một đêm
Lòng tin vẫn đó, ơn trên vốn còn!
Trái tim hẳn biết vuông tròn
Trong đen trắng gọi vàng son kiếp người.

2.
Đỉnh cao tuyết phủ trắng ngời
Trắng niềm vui, trắng ý đời từ tâm.
Trắng lên. Trắng nữa. Trắng ngần.
Tin vui Giáng thế đến gần bên song.
Nghìn năm Đêm, Đêm đợi mong,
Đau thương này dứt trong vòng tuổi mơ.
Nước reo, xum họp đến giờ,
Nước reo, gọi những bóng mờ hiển linh.
3.
Đêm nay trong trại tử hình
Giáng sinh chỉ tới trong hình bóng xưa.
Chuông vang gọi kẻ tội đồ
Chuông quên đối lạnh, chuông mờ tối đen.
Nghìn năm đêm, giờ muôm đêm
Rụng rơi xiềng xích, xanh lên đất mỡ.
Ngục xưa, trả lại quân thù
Bao nhiêu năm, chỉ một giờ đêm nay.

nghe tiếng đồng hồ điểm mười một giờ. Nghe thì nghe chứ không thèm chú ý. Nhưng, lát sau, bỗng dưng trong nhà có tiếng động khiến tôi ngừng đọc. Tiếng chân người bước trong hành lang nối liền phòng ăn với phòng khách phía ngoài. Tôi ngẩng đầu nhìn. Tôi thấy hình dáng Conceicao xuất hiện ở cửa.

- Cậu vẫn chưa đi hả? Chị hỏi.

- Dạ, chưa chị. Đã đến nửa đêm đâu.

- Kiên nhẫn quá chừng.

Chân đi đôi dép mỏng chị nhẹ bước vào phòng. Chị mặc áo ngủ màu trắng, rộng thùng thình, dây thắt buông lỏng. Khổ người mảnh mai gợi lên hình ảnh thơ mộng xuất hiện đúng lúc thật hợp với tình tiết cuốn tiểu thuyết tôi đang đọc. Tôi gấp sách. Chị bước tới ngồi xuống ghế đối diện gần sa-lông. Tôi hỏi có phải tôi làm chị mất giấc không vì cứ lục đục mãi ở đây. Chị liền đáp:

- Đâu có. Chị thường thức giấc như vậy.

Tôi đưa mắt nhìn và tỏ vẻ nghi ngờ. Rõ ràng mắt chị không phải mắt người mới vừa ngủ dậy. Nhưng tôi vội xua đuổi ý nghĩ khỏi đầu khi cho rằng chị có ý dối mình. Nếu bảo tôi làm chị mất ngủ hoặc chị nói dối để khỏi làm tôi buồn lòng thì quả thực không đúng chút nào: hai ý nghĩ không xuất hiện cùng lúc trong óc tôi. Như đã nói tôi biết chị là người hiền hậu và dịu dàng.

- Em chắc không còn lâu nữa, tôi tiếp lời.

- Cậu kiên nhẫn thật. Thức chờ trong khi ông bạn ngủ khi! Lại chờ một mình mới ghê chứ! Có sợ ma không hở? Chắc là lúc thấy chị em giật bắn mình.

- Lúc nghe tiếng chân người em ngạc nhiên. Song, liền đó em nom thấy chị.

- Đang đọc cái gì thế? Thôi khỏi nói chị biết rồi. "Ba Người Ngự Lâm Pháo Thủ" chứ gì.

- Vâng, đúng. Truyện thú vị mê ly lắm.

- Cậu thích đọc tiểu thuyết không?

- Dạ, thích.

- Đọc "Người Yêu Thơ Ngây" chưa?

- Của Macedo phải không ạ? Em đọc khi còn ở Mangaratiba. (Joaquin Manoel de Macedo (1820-82), tác giả "Moreninha", thiếu nữ tóc nâu (1844) và "Moco Louro," thanh niên tóc vàng (1845)).

- Chị mê tiểu thuyết hết chỗ nói, tiếc là không có thì giờ. Cậu đọc cuốn nào rồi hở?

Tôi kể tên vài cuốn đã đọc. Chị lắng nghe, đầu ngả vào lưng ghế, mắt lim dim nhìn tôi. Thỉnh thoảng chị đưa lưỡi liếm môi. Lúc tôi ngừng lời chị không nói gì. Hai người ngồi im một lúc. Lát sau chị ngẩng đầu, xòe tay vỗ nhẹ vào nhau, rồi đưa lên nâng cằm, khủy tay đặt trên thành ghế nhưng cặp mắt tròn xoe, nháy cảm cứ đăm đăm nhìn tôi.

- Có lẽ chị ấy ngán mình rồi, tôi nghĩ thầm trong bụng. Nhưng liền đó tôi lại thốt lời nói lớn tiếng: Chết chưa, chị ơi khuya rồi, em....

- Đâu có, hãy còn sớm. Chị vừa nhìn đồng hồ, mới mười một rưỡi à. Còn khối thì giờ. Mất ngủ một đêm hôm sau cậu có tỉnh táo không?

- Có lần trải qua rồi chị ạ.

- Chị thì chịu chết. Nếu mất ngủ một đêm thì hôm sau thế nào cũng phải chợp mắt một chút, dù chỉ là nửa giờ. Nói thế thì nói chứ theo thời gian chị cũng quen cậu ạ.

- Ô, không. Em thì khác hẳn chị ơi!

Tôi nói liền thoáng khiến chị mỉm cười. Thông thường, dáng điệu của chị rất khoan thai, thái độ rất thản nhiên. Nhưng không

hiểu sao lúc này bỗng dưng chị đứng phắt dậy đi tới phía đối diện trong phòng, rồi trong giây phút xao xuyến, bối rối do tính đoan trang, kín đáo cứ đi đi lại lại giữa cửa sổ và cửa phòng ông chồng. Người mảnh mai, chị lật đật cất bước; thân hình di chuyển trông có vẻ cực nhọc, khó khăn lắm. Từ trước tới giờ chưa lần nào tôi có ấn tượng mạnh như lần này. Chị ngừng nhiều lần hết ngấm bức màn cửa lại loay hoay xếp đặt mấy thứ trong tủ đựng bát chén, cuối cùng bước tới rồi đứng ngay cạnh chiếc bàn kê sát khít chỗ tôi ngồi. Chị quần quanh nghĩ ngợi; chị quay lại ngạc nhiên hết sức khi thấy tôi hãy còn thức mà lại phục sức chỉnh tề. Tôi lặp lại những gì chị biết rồi. Tôi nói chưa bao giờ dự lễ đêm nơi đô thị, do vậy nhất định không hụt chuyến này.

- Cũng như dưới quê thôi. Lễ đêm ở đâu chẳng vậy. Giống nhau cả ấy mà.

- Mong là thế. Nhưng ở thành phố dĩ nhiên là linh đình, long lầy và có nhiều người tham dự hơn. Tuần lễ thánh ở Rio đầy đủ, chu đáo gấp mấy lần ở quê. Em chẳng biết tí gì về ngài Thánh Gioan hoặc Thánh An Thúc, chị ạ.

Chị ngả người dần dần về phía trước, khuỷu tay chống trên mặt bàn cầm thạch, mặt úp vào lòng hai bàn tay, tay áo không gài khuy tụt xuống thật tự nhiên. Tôi nom rõ hai cánh tay trắng ngần, song không đến nỗi khẳng khiu. Trước kia tôi đã nhìn thấy hai cánh tay ấy, tuy không thường xuyên nhưng lần này hai cánh tay gây ấn tượng rất đậm trong lòng tôi. Ánh đèn lờ mờ ấy thế mà tôi có thể nhìn rõ từng đường gân xanh. Cuốn truyện làm tôi thức đã đành, sự hiện diện của chị khiến tôi tỉnh táo hơn nhiều. Tôi tiếp tục nói chuyện với chị về ngày thánh lễ ở dưới quê và ở thành phố, nói huyền thuyên đủ chuyện mình nhớ, đi từ đề tài này đến đề tài kia, đôi lúc vòng vo trở về đề tài cũ. Tôi cất tiếng cười vì muốn chị cười để có dịp nhìn hàm răng trắng bong, đều đẹp. Cặp mắt không đen nhánh mà đen đậm; sống mũi thanh tú uốn hơi cong cong làm khuôn mặt lúc nào trông cũng có vẻ hời hợt, thắc mắc điều gì. Lúc tôi nói hơi to chị suy nghĩ.

- Khẽ thôi, má đây bây giờ.

Chị vẫn ngồi yên tại chỗ, không đổi vị trí khiến tôi cảm thấy thính thích trong lòng, hai người mặt gần mặt như vậy chẳng cần lớn tiếng người kia mới nghe thấy. Chị và tôi nói như thì thầm; tôi thì thầm nhiều hơn vì có nhiều chuyện để nói. Nhiều lúc chị có vẻ nghiêm nghị hẳn, cặp mày hơi chau. Lát sau, nghe chán rồi, chị đổi vị trí và thế ngồi. Chị vòng qua bàn đi ra sa-lông. Ngoái đầu lại lúc chị sắp bước xuống ghế tôi nhìn rõ đầu mũi đôi dép. Nhưng, trong nháy mắt, tấm áo ngủ vừa dài vừa rộng chị mặc che kín tức thì. Tôi nhớ mũi dép màu đen. Chị nói rất nhỏ nhẹ:

- Phòng má ở mãi út đằng kia, nhưng bà thính ngủ lắm. Nếu mất giấc bây giờ thì trời ơi phải lâu lắm cụ mới ngủ lại được.

- Em cũng vậy chị ạ.

- Sao? Vừa hỏi chị vừa nhào người về phía trước nghe cho rõ hơn.

Tôi liền xích ghế gần sa-lông và lặp lại điều vừa nói. Nghe thấy sự trùng hợp giống nhau chị mỉm cười vì bản thân cũng là người khó ngủ. Chị và tôi đều khó ngủ, hơi một tí là mất giấc.

- Chị giống má lắm. Thức rồi thì chẳng làm sao nhắm mắt được nữa. Cứ trần trọc trên

giường. Hết nhòm dây đánh diêm đốt nến đến đi tới đi lui rồi lại vào giường. Vậy mà vẫn không chợp mắt được mới chết chứ.

- Như đêm nay.

- Ấy không, không phải. Chị vội tiếp lời.

Tôi không hiểu điều chị vừa phủ nhận; có lẽ chị cũng không hiểu điều mình vừa thốt ra. Chị đưa tay cầm hai đầu dây lưng áo ngủ rồi khẽ đập vào đầu gối. Đứng đầu gối phải vì chị ngồi bất chéo chân. Chị bắt đầu kể những giấc mơ, và chị bảo trong đời chỉ gặp có một cơn ác mộng, ác mộng xảy ra lúc chị còn nhỏ tuổi. Chị hỏi có bao giờ tôi nằm mơ thấy mình rơi vào ác mộng không. Thế là chuyện bắt đầu chuyển mạch, nhưng từ từ và liên tục. Vì thế tôi quên cả thời gian lẫn lễ đêm. Mỗi lần tôi ngừng kể một chút hoặc giải thích tình tiết qua loa, chị liền đặt câu hỏi đồng thời đưa ý kiến mới toanh. Một lát trôi qua, tôi lại tiếp tục kể. Thỉnh thoảng chị chêm lời lưu ý.

- Khẽ, nhỏ thôi...

Chốc chốc tôi im lặng không nói gì. Đôi lần tôi nghĩ chị buồn ngủ. Nhưng cặp mắt đối diện nhắm một lát lại mở tức thì. Không có vẻ buồn ngủ hay mệt mỏi tí nào. Nhắm lại chỉ để có thể nhìn rõ hơn. Có lúc như thế tôi nghĩ chắc hẳn chị nhận ra tôi bị chị thu hút, và tôi nhớ chị lại nhắm mắt. Nhắm vội vàng hay nhắm từ từ tôi không nhớ rõ. Ký ức trong tôi đêm đó dường như dọa trụ hay lộn xộn. Tôi xáo trộn đủ thứ với nhau, tôi mâu thuẫn với chính mình. Có điều tôi nhớ rõ mồn một ấy là từ nãy đến giờ chăm chú theo dõi câu chuyện (chứ không để ý đến gì khác) có lúc bỗng dưng chị trông xinh đẹp lạ thường. Chị đứng dậy, hai tay khoanh lại. Để tỏ ra mình lễ độ tôi cũng nhúc nhích đứng dậy, nhưng chị bảo không cần làm như thế, cứ ngồi tự nhiên. Nói rồi chị đặt tay lên vai tôi. Tôi ngồi im tại chỗ. Trong bụng tôi nghĩ thầm chắc hẳn chị muốn nói điều gì đây. Chẳng hiểu sao chị lại rùng mình như gặp lạnh, rồi quay lại ngồi xuống ghế. Chị ngồi đúng chỗ ban nãy tôi ngồi đọc truyện. Chị đưa mắt nhìn gương treo trên sa-lông, đoạn nói về hai bức tranh treo trên tường.

- Mấy bức này cũ rồi. Chị đã dặn Chiquinho mua bức mới.

Chiquinho là tên nhà thường gọi chồng chị. Mấy bức tranh nói rõ sở thích của ông ta. Một bức là chân dung Cleopatra, tôi không còn nhớ chủ đề bức kia, song tôi nhớ trong tranh có hình mấy người đàn bà. Cả hai trông nhạt màu. Ngày đó thực tình tôi không nhận ra cả hai đều rất thường.

- Tranh đẹp đấy chứ, tôi khời mào.

- Ủ, nhưng mờ lắm rồi. Không những thế, nói thật cậu hay, chị thích tranh vẽ hình các thánh. Loại này chỉ treo trong nhà mấy người độc thân chưa vợ thôi hay trong cửa hiệu hớt tóc thì hơn.

- Hiệu hớt tóc! Em chưa bao giờ nghe chị tới...

- Nhưng, chị có thể tưởng tượng khách đến đó nói chuyện gì trong lúc chờ đợi. Chuyện gái gả, chuyện tán tỉnh, chuyện chim chuột. Và dĩ nhiên chủ hiệu muốn dùng tranh loại họ khoái để lôi cuốn khách hàng. Theo chị, tranh loại này không nên treo trong nhà. Đúng thế phải không nào. Chị nghĩ khác người. Ý nghĩ lại lắm. Thực lòng chị không thích tranh như thế. Chị có hình Đức Mẹ Trinh Khiết Hoài Thai, thánh bốn mạng của chị. Đẹp mê hồn. Nhưng hình là tượng nên chẳng thể treo trên tường. Chị không muốn bày ở đây tí nào. Chị

giữ ở trong phòng nhỏ bé của mình.

Nói đến phòng nguyện khiến tôi sức nhớ lẽ đêm. Tôi nghĩ đã đến giờ đi và định nói cho chị hay. Cứ mở miệng lại ngậm miệng trước khi thốt lời để có thể còn được nghe chị nói thật dịu dàng, duyên dáng, ngọt ngào khiến tâm hồn tôi mê mẩn như vừa uống thuốc an thần. Chị nói lúc còn nhỏ, kể cả khi lớn rồi, chị sùng đạo lắm. Tiếp theo chị kể những buổi dạ vũ, những lần cuộc bộ, những cuộc đi chơi ngoạn cảnh ở đảo Paqueta, chuyện này dính chuyện kia, đan kết chặt chẽ, kéo dài hầu như bất tận. Đến lúc chán quá khứ chị quay sang nói chuyện hiện tại, chuyện gia đình, chuyện nhà cửa, chuyện trước khi chị lập gia đình ai cũng bảo sợ lắm, nhưng thực ra không có gì là sợ lắm cả. Chị không nói đến chuyện lấy chồng, nhưng tôi biết khi lập gia đình chị mười bảy.

Chị ngồi im không đổi chỗ như ban nãy. Cặp mắt hình như nhỏ đi, chị lại dần dần nhìn mấy bức tường.

- Mình phải thay giấy dán tường mới được, chị nói như thể nói riêng với mình.

Tôi tỏ lời đồng ý, nói qua loa để xua đuổi cảm giác ngất ngây đang xâm chiếm lòng mình, hoặc cái người ta gọi là trạng thái tê cóng khi lưỡi cứng đờ, giác quan tê liệt. Tôi phần muốn phần không muốn chấm dứt cuộc chuyện trò. Tôi tìm đủ cách thôi không nhìn chị, không nhìn vì quý mến chị, nhưng lại sợ chị nghĩ tôi không muốn nhìn chị nữa trong khi thực tình tôi rất thích nhìn, tôi lại quay về phía chị. Buổi chuyện trò kết liễu từ từ. Ngoài đường im phăng phắc.

Chị và tôi ngừng nói, rồi cả hai ngồi im lặng một lúc (chẳng rõ kéo dài bao lâu). Tiếng động duy nhất là tiếng chuột gặm trong phòng; tiếng động khiến tôi không còn chấp chờn nữa. Tôi muốn kể cho chị hay giây phút mơ mơ màng màng, kết nối không biết bắt đầu như thế nào. Chị có vẻ trầm ngâm. Bất thành linh có tiếng gõ cửa và tiếng người réo gọi:

- Lẽ đêm! Lẽ đêm!

- Ông bạn quý đó, vừa nói chị vừa đứng dậy. Tức cười thật. Đáng lý cậu gọi người ta ai ngờ người ta lại đến gọi cậu. Mau lên, mau lên rồi đấy. Đi đi.

- Đến giờ rồi à?

- Chứ còn gì!

- Lẽ đêm! Tiếng người từ ngoài dội vào, tiếng tay đập cửa dồn dập.

- Mau lên, mau lên. Đừng để người ta đợi. Chết chửa tôi đoảng quá. Thôi để mai hãy nói chuyện.

Dáng chấp choạng, chị nhẹ bước vào hành lang. Tôi ra ngoài đường cùng người bạn đến nhà thờ. Trong giờ lễ, Conceicao cứ hiện hình giữa tôi và linh mục. Cảm giác rừng mình, thích thú như điện giật chạy suốt cơ thể năm tôi mười bảy tuổi. Sáng hôm sau, lúc ăn điểm tâm, tôi kể lại lẽ đêm và người đi lẽ tôi gặp trong giáo đường, nhưng không muốn chị chú ý lắng nghe. Suốt ngày hôm đó tôi thấy chị như mọi ngày - thùy mị, dịu dàng, tự nhiên - và không có ý gọi lại buổi chuyện trò đêm qua.

Vài ngày sau tôi về Mangaratiba. Tháng ba trở lại Rio tôi hay chồng chị đã chết vì trúng gió, và bây giờ chị sống ở quận Engenho Novo. Tôi không gặp hoặc tới thăm. Sau đó tôi được biết chị tái giá với viên lục sự làm việc trong văn phòng chồng chị trước kia.

HẢI PHƯƠNG

NHẬT KÝ VIẾT TRÊN CÁT
TỪ LE BEAU RIVAGE ĐẾN
LA JOLLA TOWERS



1.

Gió biển mang hơi muối mặn thổi tung cánh đồng tóc rồi em bay ta như con chim lưu lạc đôi cánh định mệnh rã rời đậu lại trên nhánh rừng lá biếc hoang liêu
giây phút lâm chung lộng lẫy của thế kỷ hai mươi
hồi chuông ngày Phục Sinh giục già
nhật nguyệt giao hoan lóng lánh hoàng hôn
túi cần khôn khép mở đáy vô thường
mà trái tim ta thì dạt dào nguồn cơn sóng vỗ
mà biển thì xôn xao niềm khúc không lời cuối.

2.

Cuối cùng nào cũng thế là như khi mới bắt đầu
nơi giòng sông và cửa biển gặp nhau
nơi chiếc xe đạp cũ và trái banh bưỡi
chờ theo đầy trang sách giáo khoa thư
lăn theo ta trên từng mỗi dặm trường
là khi trời đất giao điệu bồi hồi
tất cả là một tất cả là hai
tất cả là không tất cả là không có
tất cả vũ trụ này diệt diệt sinh sinh
vô lượng thời gian ba ngàn thế giới
như ngày như đêm đất đai thai nở mùa màng
như cánh đồng tóc rồi em bay cùng gió biển mùa đông
mang mang cùng hư vô cùng bụi cát dưới chân mềm
và cùng ta "trong cơn yêu dấu"
trái tim nguy nga nhóm lửa thấp tình khuya
cháy rực lời thơ hôn mê truy lùng hạnh phúc.

3.

Hạnh phúc nào cũng thế
trái trần gian ứa mật đắng tồn sinh
như ta đến cuộc đời này không chọn lựa nhưng hồi cuối cùng rồi ở lại
như phép lạ cùng với sóng biển vỗ về trái tim chứa chan mộng mị
trăng lưu vong chảy xiết chờ đầy một giòng sông ký ức xanh mát quê nhà
rạng rỡ em.

4.

Và biển và em rạng rỡ
cũng như khi ở Le Beau Rivage con sông nghìn năm chờ đầy trăng soi bóng Tháp Bà ôm quần quít vòng eo tình ái biển Nha Trang.

La-Jolla Village Towers
8-1996

NGUYỄN THANH CHÂU

NGUYỆT TRẦM KHÚC

một chốn nào. một đời ai vắt vẻo
gió muôn xưa hơi thở lạnh từ tâm
lai kiếp tiếng gà chìm sâu huyền tượng
má xuân hồng đâu nữa giọt sầu cầm
một chốn ai. một đời nào lạ lắm
đắm cơn khuya giấc mộng
đáy nguyệt trầm...



Cứ vào mỗi dịp lễ Giáng Sinh, người Việt Nam chúng ta không thể quên bài hát "Đêm Thánh Vô Cùng" mà mọi người trên thế giới đều hát theo ngôn ngữ của mỗi dân tộc. Bạn có biết đâu bài ca đó đã ra đời cách đây 178 năm trong một trường hợp thật hãn hữu và ngẫu nhiên. Người Pháp đặt tên nó là Douce Nuit, còn người Anh và Mỹ gọi nó là Holy Night, người dân Áo Quốc đặt tên là Stille Nacht, Heilige Nacht. Mời các bạn theo dõi câu chuyện lý thú sau đây về bài ca bất hủ đó.

Tuyết đang nhè nhẹ rơi trên những mái nhà dựng bằng đá và gỗ cổ kính tại Oberndorf, một làng nhỏ gần thị trấn Salzburg, Áo Quốc. Bên trong những căn nhà ấy, mọi người đang sửa soạn trang hoàng bằng những cây thông, nến và hoa quả để chờ đón Giáng Sinh. Rồi bỗng chuông trên những mái nhà thờ cũng thi nhau reo vang báo hiệu giờ hành lễ nửa đêm cho dân làng.

Nhưng trong nhà thờ thánh Nicolas, không khí chẳng thấy gì nhộn nhịp vào đêm Giáng Sinh năm 1818 ấy chút nào. Vị cha xứ Joseph Mohr vừa nhận thấy chiếc đại phong cầm đã quá cũ kỹ bởi nó đã từng làm việc trong suốt thời gian 26 năm trước nên không còn ở trong tình trạng tốt nữa. Cha xứ đã cho gọi người thợ chuyên môn đến sửa chữa, điều chỉnh lại bộ máy mà sao mãi chưa thấy tới. Ông lo lắng không biết liệu có sửa kịp lễ nửa đêm Giáng Sinh cho đoàn hợp ca hát hay chẳng. Mà dịp lễ trọng đại thiếu ca hát sẽ mất đi nhiều ý nghĩa đáng tiếc. Vị linh mục trẻ tuổi xuất thân từ một gia đình quân nhân nhưng lại rất có năng khiếu về âm nhạc. Ông đã từng tham gia ca hát với cây vĩ cầm và lục huyền cầm sử dụng khá tốt trong lớp học ở thời niên thiếu.

Xuất thân linh mục năm 1815, ông được bổ về làm cha xứ ở Oberndorf vào 2 năm sau đó. Tuy giữ chức chăn chiên nhưng thỉnh thoảng ông cũng vẫn cầm chiếc lục huyền cầm để viết những bài ca dân gian khiến đám tín đồ phải nhiều phen ngạc nhiên. Đêm Giáng Sinh ấy trong nhà thờ thiếu chiếc đại phong cầm đã làm cho ông buồn lòng nên bỏ vào văn phòng ngồi suy nghĩ mông lung. Ông biết rằng những bản thánh ca không thể phụ họa bằng cây đàn lục huyền, bỗng ông quyết định viết ngay tại chỗ một ca khúc mới để thay thế. Tay cầm ngòi bút lông ngỗng trước tờ giấy trắng, ông miên man nghĩ đến hình ảnh một nữ tín đồ đang bỗng dưng trẻ mới sơ sinh mà ông vừa rửa tội cách đây có vài ngày. Cảnh tượng đó gợi lại trong đầu óc tới hình ảnh Chúa Hài Đồng đã ra đời trong đêm Giáng Sinh gần 2000 năm về trước trong máng cỏ.

Được nguồn cảm hứng dồi dào ấy, ông cứ viết nhanh trên giấy với đoạn điệp khúc Stille Nacht, Heilige Nacht. Đêm dịu dàng, Đêm Thánh Vô Cùng! Những dòng chữ đơn sơ mộc mạc như một bài thơ của tuổi thơ ấu cứ thế tuôn ra dào dạt thành sáu phiên khúc tựa từ trên trời rơi xuống trần gian. Nhưng đó mới chỉ là lời ca viết ra tự đáy lòng trong Đêm Thánh Vô Cùng ấy, bây giờ phải làm sao đem phổ nhạc cho kịp Thánh lễ nửa đêm. Ông vội nghĩ tới Franz Gruber, người bạn có năng khiếu âm nhạc, 31 tuổi, con một người thợ dệt, lúc ấy đang dạy học ở làng Arndorf kế cận.

Vào thời kỳ đó, âm nhạc chưa phải là cách kiếm sống cho kẻ có năng khiếu và Gruber

tuy là giáo viên trường làng nhưng vẫn kiêm thêm nhiệm vụ chơi đại phong cầm tại nhà thờ cho các dịp lễ lạc. Do đó, giáo dân ở nhà thờ Saint Nicholas cũng đều biết đến tên tuổi Gruber. Khi linh mục Joseph Mohr tìm đến nhà Gruber ở trên lầu trường học, ông đưa cho bạn coi bản thảo lời ca mới viết xong để nhờ sáng tác một điệu nhạc cho ban hợp xướng trình bày với lục huyền cầm phụ họa cho kịp thánh lễ sắp cử hành.



LỊCH SỬ BẢN ĐÊM THÁNH VÔ CÙNG

Nguyễn Hiền

Sau khi vị linh mục lui gót trở về nhà thờ, thì Gruber ngồi trước cây dương cầm, nảy ngay ra một giai điệu hết sức đơn giản, độc đáo và dễ hát để làm vừa lòng bạn. Lúc ông chạy đến nhà thờ, cả hai người vội vã chia các bè hợp ca. Chính vị linh mục Mohr đảm nhiệm bè kim nam (tenor) kiêm phụ họa đàn lục huyền cầm cho bài hát trên, còn nhạc sĩ Gruber giữ bè trầm nam (bass). Sau mỗi phiên khúc, ban hợp xướng của nhà thờ cùng hát phần điệp khúc. Sắp xếp và tập luyện vừa xong thì các tín đồ đã kéo đến dự thánh lễ đông đủ. Họ đang chờ đợi tiếng đại phong cầm mở đầu cuộc lễ trọng như thường lệ trong một vẻ trang nghiêm khác thường.

Đúng lúc ấy vị linh mục ra đứng giữa bàn thờ long trọng tuyên bố với mọi người là đặc biệt thánh lễ năm nay ông muốn đưa ra một bản thánh ca mới sáng tác chưa ráo nét mực. Ông mời Gruber ra trước đứng cạnh ông rồi tự tay đeo chiếc lục huyền cầm nảy vài hợp âm mở đầu. Tiếng hát của đôi bạn cùng với ban hợp xướng vang lên giữa khung cảnh nhà thờ đêm ấy trong bài thánh ca bốn bè đã làm mê hoặc đám tín đồ hiện diện như cơn gió mát

vùng núi Alpes thổi nhẹ nhàng vào tâm hồn họ. Đây là một thành công đối với nhà thờ Thánh Nicolas chưa bao giờ thấy từ trước đến giờ.

TƯỢNG CHỨNG ĐI VÀO QUÊN LÃNG

Đòng lịch sử đáng lẽ cứ lặng lẽ trôi đi đối với đôi bạn thân một đạo một đời Mohr và Gruber nói trên sau khi họ viết xong bài ca Đêm Thánh Vô Cùng để giải quyết những khó khăn do chiếc đại phong cầm bị trục trặc trong thánh lễ đêm Giáng Sinh năm đó. Họ coi như đã làm xong một việc và cũng chẳng có ý định cho trình bày lại bài ca ấy lần thứ hai. Rồi mùa xuân đến, cây đại phong cầm của nhà thờ Thánh Nicolas đã sửa xong và linh mục Mohr được đổi đến một xứ đạo khác.

Bản thánh ca do ông viết lời ca tưởng chừng đã đi vào quên lãng, nhưng vào giữa những năm 1824-1825, khi Carl Mauracher người nghệ sĩ phụ trách sửa chữa chiếc đại phong cầm của thánh đường Saint Nicholas đang thử lại phím đàn bỗng ông nhìn thấy bản nhạc còn nằm trước kệ đàn. Ông hết sức ngạc nhiên trước giai điệu cùng lời ca bản Đêm Thánh Vô Cùng, nên xin được chép lại một bản sao, đem khoe với bạn bè quen biết.

Chẳng bao lâu bài ca đó tràn ngập phổ biến khắp lục địa Châu Âu, khiến mọi người đều chú ý. Trong số đó có bốn anh chị em gia đình Strasser lúc ấy rất nổi tiếng, thường đem bài đó ra hát trước công chúng mỗi khi họ đi lưu diễn để bán găng đeo tay do gia đình sản xuất. Giữa năm 1831-1832, họ đồng ca bài đó tại Hội chợ Leipzig ở Đức Quốc và ít lâu sau một nhà xuất bản đem in bài hát dưới cái tên Tirolerlied mà chẳng hề ghi tên 2 người bạn là tác giả của nó.

Rồi cứ theo cái đà ấy, bản thánh ca bất hủ lại được gia đình Rainer chuyên nghề hát dạo đem nó lưu lạc sang Hoa Kỳ và từ đó phổ biến ra khắp thế giới. Một vài người không biết xuất xứ bài hát nên đã gán cho anh em nhạc sĩ Haydn là tác giả.

Trong khi đó Joseph Mohr và Franz Gruber là những người đích thực khai sinh ra nó cứ vẫn âm thầm sống ở làng họ tại Áo Quốc mà chẳng biết chút gì đến số phận bài ca do mình đã viết ra trong một trường hợp lạ lùng và ngẫu nhiên. Khi linh mục Mohr chết vì bệnh phổi năm 1848 vào tuổi 55, ông cũng không biết gì về mức thành công của bài hát do ông sáng tác.

Còn về phần Franz Gruber, chỉ đến năm 1854 sau khi nhạc trưởng tại thánh đường Frederic Guillaume IV xứ Prusse làm cuộc nghiên cứu về xuất xứ bài hát đã nêu rõ tên tuổi tác giả thì lúc đó ông mới biết tin. Năm ấy Gruber đã 67 tuổi, ông vội viết thư gửi đến Berlin cho biết nguyên nhân và hoàn cảnh khiến ông sáng tác giai điệu cho bản Đêm Thánh Vô Cùng. Và cho đến năm 1863 khi ông qua đời, còn nhiều người chưa công nhận ông là tác giả bài ca này cùng với Mohr, bạn ông.

Ngày nay, ở Áo Quốc, người ta đã dựng một tượng đài vinh danh Joseph Mohr và Franz Gruber, 2 đồng tác giả bản thánh ca bất hủ toàn thế giới ai cũng biết đến. Mỗi mùa Giáng Sinh, điệu nhạc này cứ tiếp tục vang lên khắp chốn trần gian, nhưng liệu có mấy ai còn nhớ đến tên tuổi họ trong cát bụi thời gian vô tình đưa mọi sự đi vào lãng quên? ■

KỶ NIỆM DÃ QUỲ *Truyện*

NGUYỄN ĐẠT



La Mung Ki

NGUYỄN ĐỨC VINH BÀI THƠ GIÁNG SINH

Tôi yêu ngày lễ Giáng Sinh
Đã đành vì nghĩa an bình thiêng liêng
Cũng còn chút kỷ niệm riêng
Của thời thơ ấu hồn nhiên thuở nào

Lễ đêm trầm, nến ngọt ngào
Du dương đàn nhạc len vào giấc mơ
Chợt choàng tỉnh giữa nhà thờ
Khi chuông dồn dập gần xa đổ hồi

Sang canh lễ đã vãn rồi
Người người lũ lượt cười vui trở về
Buche Noel, kẹo ê hề
Cháo gà...thêm cả xôi chè phương đông

Suốt năm tối mịt cây thông
Đêm nay cũng đỏ, tím, hồng...đèn treo
Trời sao lấp lăm trong veo
Tưởng như đưa vắng tiếng reo thiên thần

Cánh tung trắng nõn hát mừng
Chúa sinh nghèo khó nơi hang bò lừa
Chết vì tội lỗi người ta
Mà sao Nhân Loại hận thù chưa nguôi?

Anh lại sắp lên Đà Lạt, trở về nơi yên nghỉ, trở về nhà, dù bây giờ trên ấy anh chẳng còn ai thân thuộc. Đà Lạt từ lâu như vườn cỏ trước nhà cho anh duỗi dài thân thể nghỉ ngơi, cho đầu óc anh thanh thản như cụm mây trắng lững thững trên cao. Anh sẽ thấy mình giống nguyên mẫu một bức tranh của Chagall, vẽ nhà thơ nằm dài trên vườn cỏ trong buổi chiều xanh êm ả.

Thật giản dị, hành trang một chuyến đi xa hơn ba trăm cây số: Túi vải quàng vai và một ít tiền trong ví. Anh ra bến xe, chẳng phải xếp hàng mua vé như những năm trước đây, cứ nhắm cái xe nào đi Đà Lạt đã đông khách là bước lên. Có chiếc xe còn đứng một chỗ ở hàng ghế cuối cùng, tuy ngồi sẽ bị xóc nhiều, nhưng anh lên là xe rời bến ngay.

Người khách ở hàng ghế trước loay hoay với đôi chân dài, không thu xếp yên ổn được vì cái chắn ngang ở hàng ghế trên. Anh vui lòng đổi chỗ. Ở trường hợp này, anh có may mắn không là người cao lớn. Ngồi kế anh là một cô gái, có lẽ bằng tuổi em gái anh đang học lớp mười hai phổ thông trung học. Anh bắt chuyện:

- Cô đang học lớp mười hai phải không?

Cô gái nhìn sang anh, đáp:

- Dạ.

Gương mặt cô gái có vẻ gì đấy khiến anh chú ý, một nỗi mệt nhọc bất hoại.

- Cô ở trên Đà Lạt?

- Dạ.

Anh phải hỏi sao để cô gái trả lời dài hơn.

- Chắc cô về Sài Gòn có việc, rồi vội lên lại Đà Lạt cho kịp Giáng Sinh?

- Dạ.

Bây giờ anh hiểu cô không trả lời gì hơn tiếng "dạ". Anh chỉ còn biết châm thuốc hút. Thấy bất tiện mỗi khi gạt tàn thuốc, anh bảo:

- Cô cho tôi đổi chỗ để gạt tàn thuốc ra ngoài.

Cô gái không dạ nữa, nhưng đổi chỗ cho anh ngay. Bây giờ anh đã ngồi yên ổn bên hông xe, nhờ cô gái đưa giúp cái túi vải của anh, để sắp vào chỗ gọn ghẽ. Cô gái trao chiếc túi vải, nói:

- Cái túi vải của anh giống của các nhà sư.

Giọng anh nồng nhiệt:

- Tôi thích loại túi này. Tôi có nhiều bạn là nhà sư, họ cho tôi đấy.

Cô gái rụt rè hỏi anh:

- Thế anh đang làm gì?

Anh nghĩ nên nói đùa vui:

- Tôi đang làm người đồng hành với cô lên Đà Lạt.

Cô gái mỉm cười, rồi nghiêng nhìn ra ngoài, lúc này xe đang qua cầu, những cuộn nước nhỏ lửa trên sông rộng ngát. Anh mong cô gái nói chuyện trở lại. Anh nói:

- Tôi đoán cô vừa gặp chuyện gì đấy khá buồn.

Anh nhận xét, một nỗi mệt nhọc bất hoại không phải là vẻ mặt bình thường của cô. Hình như cô gái đang chịu đựng một nỗi buồn nặng nề.

Chiếc xe qua khỏi cầu, xóc lên khá mạnh, cô gái bị trồi sát sang bên người anh. Bây giờ anh lại nói với cô gái:

- Tôi có làm công việc gì nhất định đâu.

Các nhà sư bạn tôi gọi đùa tôi là thiền sư du phương.

Anh nghĩ cô gái không hiểu thiền sư du phương là gì. Anh nói sơ lược về cuộc sống của anh, lúc ở núi này, lúc ở rừng kia, theo Phật mà xét mình.

Cô gái mỉm cười và nói:

- Được sống như thế thì thật thích.

- Còn cô theo đạo phải không?

Anh nói "đạo" là muốn nói đạo Thiên Chúa.

- Dạ.

- Tôi không theo đạo nhưng Giáng Sinh là một...- anh ngập ngừng, vì anh định nói là một mùa, nhưng nghe kỳ cục...Đi chơi trong đêm Giáng Sinh tôi cũng thấy mình như có đạo.

Cô gái bây giờ có lẽ đã thấy thân thiết. cô nói :

- Mà Giáng Sinh trên Đà Lạt là đẹp nhất phải không anh ?

- Đúng. Giáng Sinh trên Đà Lạt là đẹp nhất. Giáng Sinh nào tôi cũng có mặt ở Đà Lạt.

Cô gái đột ngột nhìn anh, hỏi :

- Vậy là dịp Giáng Sinh năm rồi anh cũng ở Đà Lạt ?

Anh cũng ngạc nhiên, nhìn cô gái đắm đắm. Có gì đấy trong câu chuyện mùa Giáng Sinh của anh, mà cô gái đã biết được ? Anh nói :

- Năm trước tôi đã có một kỷ niệm đáng nhớ ở Đà Lạt.

Cô gái hỏi nhanh:

- Chắc anh đã đi chơi trong đêm Giáng Sinh với người yêu của anh ?

- Ô không. Tôi chỉ là người ngắm nhìn hai người yêu nhau. Lúc nào tôi cũng chỉ ngắm nhìn tình yêu.

Anh không hiểu điều gì đấy ở cô gái, xúi anh kể lại câu chuyện. Anh đã nói, dừng lại hồi tưởng, anh nói tiếp... Vừa kể lại, vừa hoàn chỉnh câu chuyện...

"... Đà Lạt từ lúc ấy đã trở thành hình ảnh, mà nói như một nhà thơ, một hình ảnh của vĩnh viễn sau bao điều thay đổi... (Thơ R. M. Rilke). Buổi sáng sau Giáng Sinh một ngày, quán cà phê ở bến xe Đà Lạt, ngay dưới phía bờ dốc đá của con đường trên cao. Một chiếc xe đồ đã mở máy nhưng chưa chạy, còn đợi thêm khách. Tôi không chú ý tới chiếc xe làm gì, nhưng có một cô gái đứng gần bên chiếc xe, một cô gái mặc áo dài, không mặc áo len nên tôi được thấy nguyên vẹn chiếc áo dài trên thân hình mảnh khảnh của cô. Đây là cái đẹp tinh khiết, là tơ lụa vừa dệt xong. Cô gái có mái tóc dài đen ít thấy như vậy. Trong đôi cánh tay thả thẳng xuống, nép sát vào người, một chiếc cặp học trò. Hiển nhiên cô tiền người yêu trên xe và Sài Gòn, trước giờ cô đến trường. Chiếc xe vẫn gầm gừ. Người lên xe nhón nháo tìm chỗ. Cậu trai mà cô gái tiền đưa không nhúc nhích được nhiều trên ghế của chiếc xe chật cứng, cố ngoái đầu ra ngoài nhìn cô gái đứng dưới. Còn cô gái, lúc nhìn lên, lúc cúi đầu xuống như cố đè nén xúc động, mái tóc thả hai dòng trên gương mặt xinh đẹp ngây thơ và chịu đựng một tình cảm quá sức. Họ cứ như thế, quyến luyến chẳng rời, và cứ đọng trong đó. Hình như họ không nói được gì với nhau, hay có nói thì tiếng động đủ thứ ồn ào ở đây cũng át đi không ai nghe được. Xe rời bến lúc cô gái cúi đầu xuống. Cô chợt nhìn lên thì chiếc xe đã ra gần tới cây cầu ngoài bến. Gương mặt cô gái tái nhợt. Hình ảnh lúc ấy in trong tâm trí tôi như bức khắc họa. Đà Lạt với tôi thu gọn trong hình ảnh ấy : Cô gái đứng thông đôi cánh tay, bàn tay nắm chặt chiếc cặp học trò, phía sau lưng là bức tường đá xếp từ con đường trên cao xuống mặt rộng của bến xe Trên bờ vách đá,



THƠ CHỮ HÁN NGUYỄN DU

Phiên Âm

SƠN CỬ MẠNH HƯNG

Nam khứ Trường An thiên lý dư,

Quần phong thâm xứ dã nhân cư.

Sài môn trú tĩnh sơn vân bế,

Dược phổ xuân hàn lũng trúc sơ.

Nhất phiến hương tâm thiên ảnh hạ,

Kinh niên biệt lệ nhạn thanh sơ.

Cổ viên đệ muội âm hao tuyết,

Bất kiến bình an nhất chỉ thư.

Chuyển Nghĩa Nôm

CẢM HỨNG MAN MÁC KHI SỐNG Ở

NÚI

Đi hơn nghìn dặm về phía nam thành Trường An, (1)

(Đến) sống với đám dân quê ở sâu trong núi.

Ngày vắng, mây núi buông che cánh cửa liếp,

Xuân lạnh, bờ tre vườn thuốc lúa thừa.

Một tấm lòng nhớ quê hương dưới ánh trăng,

Năm này qua năm khác, hề nghe tiếng nhận đầu mùa, (2) dòng lệ biệt ly lại tuôn trào.

Mất hẳn tin tức em trai em gái ở vườn cũ,

Không hề nhận được một bức thư báo bình an.

Chú Thích

- (1) Trường An: trong thơ chữ Hán của Nguyễn Du thường hay dùng Trường An để chỉ thành Thăng Long. Lúc này ông đang trốn nhà Tây Sơn vào ẩn cư ở dãy Hồng Lĩnh. Trong bài Tập Thi I, thi nhân có viết:

Hoàng khuyến truy hoan Hồng Lĩnh hạ

Bạch vân ngoại bệnh quê giang biên

những bụi đã quỳ buông xuống đầy hoa vàng ngây dại..."

Câu chuyện của anh hóa ra đã thu hết đoạn đường mệt nhọc, đến nỗi anh không ngờ xe đã vào bến. anh ngó về phía bức tường đá, hoa đã quỳ nở vàng. Cô gái đồng hành hỏi anh về đâu, trong lúc cô cũng nhìn đắm đắm về phía anh đang nhìn. Anh bảo anh sẽ tìm một nhà nghỉ gần đâu đây. Cô gái nói địa chỉ nhà cô ở và mời anh tới dự bữa réveillon đêm Giáng Sinh.

Anh hơi run không chỉ vì lạnh, đúng hơn vì giây phút anh sắp dự vào. anh đến nhà cô gái như tín đồ đi dự lễ nửa đêm ở nhà thờ, ngôi nhà thờ Đà Lạt có hình con gà trên nóc tháp, con đường nhà thờ cao nhất giữa các con đường của thành phố.

Bữa réveillon chỉ có cô gái và anh. Cô cho biết, hai chị em cô ở đây để đi học, gia đình cô ở Trại Hầm, có vườn mận chung quanh nhà.

不 知 幾 一 首 未 展 為
兒 園 幸 片 圓 心 舉 去
帶 弟 別 湖 亭 盡 深 步 少
如 妹 淚 心 寧 靜 夢 亦 有
一 幸 帶 燈 塔 山 雲 千 萬
既 耗 考 期 什 雲 人 里 興
幸 絕 初 六 臨 別 所 餘

Chuyển Thơ Nôm

CẢM HỨNG MAN MÁC KHI SỐNG Ở

NÚI

Thăng Long nghìn dặm bỏ vào Nam,

Ẩn chốn quê mùa giữa núi non.

Bờ trúc xác xơ, vườn thuốc lạnh,

Cửa liếp mây ngày tịch mịch buồn.

Vàng vô ngập trời trăng tưởng tiếc,

Năm năm giọt lệ nhạn kêu sương.

Em trai em gái khu vườn cũ,

Tin thư bặt, nhớ càng thương.

TRẦN LAM GIANG

(Chó vàng dắt chạy Non Hồng

Mây trắng ngả bệnh bên giòng Quế Giang-T.L.G. dịch).

(2) Nhận thanh: tiếng nhận, chỉ việc đưa tin. Nguyễn Du nghe tiếng nhận đầu mùa thu, liền tưởng đến tin thư mà nhớ thương em trai em gái ở quê nhà.

- Chị em đi chơi với bạn rồi dự lễ nửa đêm. Còn em dự lễ chiều rồi.

Trong lúc anh uống rượu, thứ rượu nho đỏ cô gái mua tại một cơ sở của các bà phước ở khu vực Bình Triệu, Sài Gòn mang về, anh nhiều lần định hỏi người bạn năm trước của cô gái bây giờ như thế nào. Nhưng cuối cùng anh quyết định không hỏi nữa. Cuối cùng câu chuyện đẹp đẽ ấy chỉ là nỗi đau buồn, đổ vỡ, có thể anh đã biết như vậy. Ngay lúc xuống xe, anh nhận ra cô gái đồng hành chính là cô gái đứng trước bức tường đá đầy hoa dại.

Cô gái hỏi anh, giọng nhỏ như hỏi thầm :

- Anh chỉ ngắm nhìn, ngắm nhìn, rồi lại đi nơi này nơi kia à ?

Anh biết trả lời ra sao bây giờ ? Anh nhìn gương mặt rạng rỡ xinh đẹp của cô gái, nhìn đôi mắt, vào lúc làn gió lạnh buốt của mùa đông lùa khắp các khe hở trên vách và lối cửa căn nhà gỗ. ■

THÁC CÒN VƯƠNG TƠ

ROSEMARY BROWN NGUYỄN HỮU HIỆU

TỪ THẾ GIỚI BÊN KIA

Ý KIẾN VỀ CUỐN "THÁC CÒN VƯƠNG TƠ"

"Ai ai cũng yêu sự huyền bí. Dù người ta đứng ở phía nào trong vấn đề giao cảm với người chết đi nữa thì Rosemary cũng vẫn hiển nhiên là một bí ẩn âm nhạc."

Time

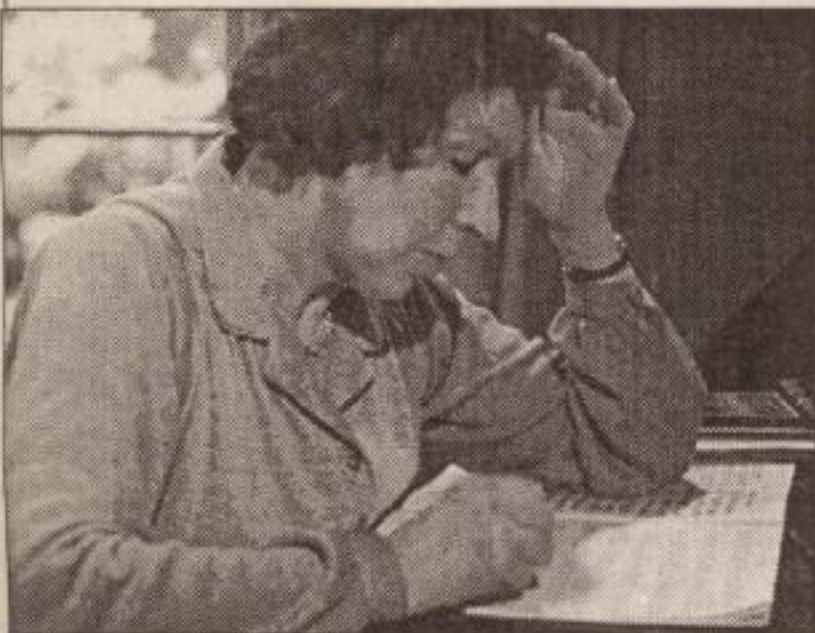
"... Bà có vẻ là một đồng cốt có cả hai khả năng thiên nhân và thiên nhĩ. Sự kiện này có thể so sánh với điều mà hàng trăm đồng cốt khác đã làm - Điều khác biệt duy nhất là ở đây ta có một số đại nhạc sư can dự vào mà thôi"

Maurice Barbanell

Chủ biên tờ Psychic News

"Tôi tin rằng chư vị này dùng Rosemary để chứng minh rằng có đời sống sau cái chết. Trong cái thế giới duy vật này, điều đó sẽ giải thoát rất nhiều người khỏi hồ nghi và sợ hãi..."

Sir George Traveyan



Hình : Bà Rosemary Brown đang được linh hồn Chopin đọc cho chép bản Mazurka in D Flat trong buổi trực tiếp truyền hình (live) của đài truyền hình Hoa Kỳ vào tháng 10 năm 1980

CHƯƠNG MỘT KHỞI ĐẦU

Lần đầu tiên khi thấy đại nhạc sư Franz Liszt, tôi mới độ lên bảy, và đã quen với việc nhìn thấy những linh hồn của những kẻ thường được gọi là người chết.

Lúc đó tôi ở trong phòng ngủ thượng tầng của một ngôi nhà cổ, đồ sộ, ở Luân Đôn, nơi tôi hiện còn đang ở. Buổi sáng đặc biệt đó, tôi nhớ là tôi đã dậy rất sớm, và đang nằm nường trên giường, hưởng thụ hơi ấm của giường chiếu, và chờ nghe tiếng mẹ gọi khi đến giờ phải trở dậy. Bao giờ bà cũng gọi các anh em tôi và tôi dậy trước giờ đi học rất lâu - có khi trước giờ chúng tôi phải đi học cả tiếng rưỡi đồng hồ, để chúng tôi có thời giờ tắm rửa, mặc quần áo và ăn sáng mà không phải bắt đầu một ngày mới vội vội vàng vàng.

Một phần của ngôi nhà được cho thuê hầu mang lại chút ít tiền phụ thêm vào tài chính của gia đình, do đó mà lúc ấy tôi đã phải ngủ trong phòng ngủ của cha mẹ tôi. Căn phòng là một cái râm thượng với trần nhà cong vút, cái đó gợi cho tôi nhớ tới một cái nhà thờ, và bởi thế nó mang lại cho tôi một cảm giác bình yên.

Đồ đạc rất giản dị và giường tôi kê ở trong góc. Đó là một cái giường mua lại và chỗ giữa trũng xuống một cách đáng ngại. Ngay cả cái trọng lượng nhẹ nhàng của tôi cũng khiến những tấm ván đầu giường và chân giường chụm vào nhau khi tôi trèo lên giường.

Chính ở trong cái căn phòng mộc mạc gần như thô sơ ấy mà Liszt đã hiện ra với tôi lần thứ nhất. Tôi đã không hề sợ hãi một chút nào khi thấy ông đứng ở bên giường mình. Tôi đã quen với sự nhìn thấy những vô sắc thể (discarnate beings) - hay vong hồn như đa số gọi - từ khi tôi còn nhỏ xíu, vì thế mà sự hiện hình này không có gì là dễ sợ cả. Thực ra, tôi không nghĩ rằng mình kinh ngạc nữa. Khi chúng ta còn nhỏ thì chúng ta đâu có biết sợ trời sợ đất gì.

Vào cái thuở ban đầu khi ông mới đến ấy, ông đã đến như một ông cụ rất già. Mái tóc dài của ông trắng phau và ông mặc một cái áo mà tôi cho là một cái áo khoác dài màu đen. Bảy tuổi đầu, tôi chưa biết một tấm pháp y như thế nào. Nhưng tôi nhớ tôi đã nghĩ rằng

thật tức cười khi người ta mặc một cái áo như thế, có điều cuộc thăm viếng của ông ngắn ngủi đến độ tôi gần như chưa có thì giờ để ngạc nhiên về bất cứ một điều gì trong những điều đó thì ông đã đi rồi.

Vì lý do nào đó, ông không hề nói ông là ai buổi sáng hôm ấy. Tôi giả thiết rằng ông biết là tôi ngẫu nhiên thấy hình ông ở đâu đó và do đó có thể nhận được ra ông. Quả thực, nói cho cùng, đâu có thể nhầm lẫn Liszt với bất cứ một người nào khác được, nhất là ông là một cụ già với mái tóc bạc phơ và bận những tấm áo dài đậm màu.

Tất cả những điều ông nói buổi sáng hôm ấy, ông nói chậm bởi khi ấy tôi còn là một đứa trẻ, là khi ông ở trong thế gian này ông đã là một nhạc sư kiêm nhạc sĩ dương cầm.

Rồi ông dặn: "Khi nào cháu lớn, ta sẽ trở lại và sẽ dạy nhạc cho cháu."

Thật là rõ ràng quá. Một lời phát biểu rành mạch đơn giản, không có câu nào phức tạp và chữ nghĩa nào dài dòng cả, gói ghém thế nào để cho một đứa trẻ thơ có thể hiểu được. Có thể ông cũng đã nghĩ rằng tên ông rắc rối lắm, tôi khó mà ghi nhận được lúc ấy cũng nên. Nhưng toàn thể kinh nghiệm ấy thì rất, rất là sống động, và tôi không bao giờ quên ông đã đến như thế nào hoặc đã nói những gì.

Tôi không nhắc tới cuộc thăm viếng của ông với bất kỳ ai lúc đó cả, chủ yếu là vì tôi đã quá quen với sự nhìn thấy người từ thế giới bên kia đến nỗi tôi chẳng hề nghĩ nhiều về những cuộc lui tới của họ, trừ phi họ nói hay làm một điều gì mà tôi cảm thấy có thể quan trọng và tôi phải nói với những người khác.

Dường như chẳng có một lý do nào để nói về cuộc thăm viếng đặc biệt ấy, lúc đó cũng vậy mà nhiều năm sau này cũng thế, trước khi ông trở lại để chu toàn lời hứa hẹn của ông. Và thế rồi ông đã chu toàn trên một cao độ mệnh mông mà ngay cả bây giờ tôi hãy còn khó mà tin được rằng điều đó mà lại có thể xảy ra.

Ngày nay Liszt là người tổ chức và lãnh đạo của một nhóm gồm những đại nhạc sư lừng danh thường đến thăm tôi tại nhà tôi và đọc cho tôi những sáng tác mới của quý vị ấy. Nhóm này hiện nay có cả thảy 12 vị. Đó là: Liszt, Chopin, Schubert, Beethoven, Bach, Brahms, Schumann, Debussy, Grieg,



THÔNGIỆP CỦA CÁC CỐ ĐẠI NHẠC SƯ

Berlioz, Rachmaninov và Monteverdi. Tôi xếp đặt các đại nhạc sư theo thứ tự mà quý vị ấy thông tri giao hảo. Những vị khác như Albert Schweitzer, chỉ hiện ra ngắn ngủi và đọc cho tôi chút ít nhạc rồi dường như không trở lại. Mozart chẳng hạn, chỉ hiện ra đúng có ba lần. Nhưng sau sáu năm làm việc với các vị ấy, hiện nay tôi có trong ngăn kéo và các tủ chạn cùng khắp căn nhà rộng lớn của tôi, khoảng 400 bản nhạc - ca khúc, những bản nhạc soạn cho dương cầm, vài tứ tấu khúc cho đàn giây hây còn dang dở, đoạn đầu của một opera (nhạc kịch) cũng như một số concerto (hợp tấu) và hòa tấu khúc phần nào đã hoàn chỉnh.

Công việc tôi vướng mắc vào lớn lao đến khiếp hãi, căn bản nhạc lý của tôi rất giới hạn, điều đó có nghĩa là tôi quá non nớt trong việc ghi xuống bằng ký âm những kỹ thuật thuần túy âm nhạc, và xa lạ với kiến thức phối âm cho dàn nhạc như thế nào; thế rồi thêm vào đó lại còn phận sự giữ liên lạc với những nhân vật từ thế giới bên kia - những người đôi khi không truyền đạt rành mạch được như người ta mong muốn.

Tuy nhiên, nhiều bản nhạc ngày nay đã hiện hữu trên giấy mực. Một số bản đã bắt đầu được nghe trình tấu nơi công chúng, và tháng Năm năm 1970, chỉ hơn sáu năm sau khi Liszt liên lạc trở lại với tôi một chút, người ta đã tung ra một đĩa nhạc lớn thu thanh nhạc của tám đại nhạc sư khác nhau "từ thế giới bên kia". Tự nhiên là các đại nhạc sư hài lòng với việc đã thông (breakthrough) bức tường ngăn cách hai cõi âm dương này.

Liszt và các đại nhạc sư khác chẳng hoài công làm tất cả những cố gắng cho tôi chép nhạc của các vị vì bất cứ một lý do phù phiếm nào. Việc truyền thông chẳng phải lúc nào cũng dễ dàng đối với các vị và có một mục đích rõ rệt đằng sau công việc mà tôi nghĩ rằng có thể giải thích hay nhất bằng những lời lẽ của Sir Donald Tovey, một nhạc sĩ và nhạc sư rất lỗi lạc từ trần vào năm 1940. Ngài cũng là một trong số những người đến thăm viếng tôi và hy vọng đọc cho tôi chép một tác phẩm sẽ mang tựa đề là "Bất Tử". Một đêm, nói rõ hơn là đêm mồng một tháng Giêng năm 1970, khi tôi đang trần trọc, thì Ngài tới và nói rằng: "Thôi, nếu bà không ngủ được thì ta cũng có thể làm được vài việc."

Hơi ngần ngại, tôi ra khỏi giường, khoác cái áo choàng mặc trong nhà lên và ra ngồi đó trong khi Ngài đọc cho tôi chép lời giải thích của Ngài về mục đích đằng sau cái công việc mà các đại nhạc sư đang làm với tôi. Ý định của Ngài là những lời lẽ này nên được dùng trên mép bìa đĩa nhạc như một sự giải thích cho cứu cánh và lý tưởng mà chúng tôi và những vị khác đang làm.

- "Cái đó tốt hơn là bà cố gắng giải thích lấy", ngài dậy vậy, nhưng bằng một vẻ khoan hòa nhún nhún.

Tôi cho rằng những lời lẽ của Ngài cũng nên lập lại ở đây nữa. Sir Donald cũng vốn là một nhà văn rất xuất sắc thuở sinh tiền, phát lộ những ý chỉ đằng sau thứ âm nhạc siêu tuyệt này rõ ràng hơn tôi bội phần.

Ngài đọc: "Khi quý vị nghe đĩa hát này, hẳn quý vị sẽ ngạc nhiên tự hỏi phải chăng thứ nhạc mà quý vị nghe là sản phẩm của tài năng Rosemary Brown, hay phải chăng nó quả thực phát xuất từ những nhạc sư quá vắng hiện vẫn còn đang sáng tác từ thế giới bên

Linh hồn của Sir Donald Tovey, nguyên là nhạc sĩ kiêm nhà văn thuở sinh tiền, nay là phát ngôn viên của nhóm, giải thích động cơ thúc đẩy các cố nhạc sư truyền đạt nhạc cho thế giới qua Rosemary Brown.

"Qua việc truyền thông âm nhạc và đàm thoại, một nhóm các nhạc sĩ có tổ chức, gồm những người đã từ giã thế giới của quý vị, đang cố gắng thiết định một thứ huấn giới cho nhân loại, chủ trì rằng cái chết thể xác chỉ là một sự chuyển đổi từ một trạng thái ý thức này qua một trạng thái ý thức khác nơi người ta vẫn giữ được cá tính của mình (...)"

"Chúng tôi không truyền đạt âm nhạc cho Rosemary Brown chỉ với mục đích cung hiến cho thú thẩm âm có thể bắt nguồn từ đó; mà chính là vì những hàm ngụ liên hệ với hiện tượng này mà chúng tôi hy vọng sẽ kích thích sự chú ý có ý thức và miễn cảm và khơi động những con người thông minh và vô tư khiến họ suy xét và thám hiểm những cõi miền ẩn mật của tâm trí và tâm thần con người (man's mind and psyche).

"Khi con người đã thăm dò được cái chiều sâu huyền bí của ý thức bị che khuất của nó rồi thì nó sẽ có thể nhân cái đã ấy mà xoải cánh bay lên được những đỉnh cao tương ứng."

kia. Âm nhạc này tự nói đã khơi dậy một vài sự ngưỡng mộ và một số chỉ trích (như hầu hết mọi thứ nhạc), nhưng tôi sung sướng mà ghi nhận rằng sự ngưỡng mộ nhiều hơn là chỉ trích. Tôi cũng ghi nhận rằng những người chỉ trích âm nhạc vẫn thường làm như vậy, chẳng phải như là kết quả thẩm định theo một vài tiêu chuẩn chính xác nào, mà chỉ là kết quả của một biện pháp của hoài nghi thuyết.

"Nhiều ý tưởng đã được hình thành để giải thích sự trỗi lên của thứ âm nhạc này, nhưng chứng lý biểu thị rằng những nhạc sư của quá khứ có thể hây còn đang sống trong những kích thước khác hẳn kích thước của quý vị, và đang nỗ lực giao tiếp, không thể bị gạt đi một cách chiếu lệ hơi hợt như thế được. Ngay cả những kẻ ngoan cố nhất khăng khăng nhất định không tin vào Tri giác Siêu cảm giác* cũng không thể chứng minh một cách quả quyết rằng không có đời sống sau cái chết

-----* Extra - Sensory - Perception, viết tắt là E.S.P. - N.H.H.

của thể xác, và những kẻ hay chế giễu một ngày kia có thể thấy mình đối diện với những cảnh huống không thể khước bác được của một sự giao cảm chân chính từ phía những người đã cởi bỏ những dây nhợ ràng buộc hữu tử.

"Nhân loại ngày nay đang tiến vào một thời đại giải thoát mỗi ngày một gia tăng khỏi biết bao giới hạn của nó trong quá khứ. Những sự thành tựu kỹ thuật và những tiến bộ y khoa đã cung hiến cho con người sự tự do càng ngày càng lớn vượt thoát những áp lực và bệnh tật. Vấn đề lớn nhất của con người vẫn là chính nói và chiều hướng của nó đối với đồng loại. Để hiểu mình một cách trọn vẹn con người phải trở nên ý thức được sự kiện rằng nó không chỉ gồm có một hình thể tạm bợ mà thôi, một hình thể mà thân phận bắt buộc phải tiêu ma theo tuổi tác và tử vong. Nó còn có một linh hồn bất tử cư trú trong một xác thân bất tử và được phú cho một tâm trí độc lập với óc não vật lý.

"Qua việc truyền thông qua âm nhạc và đàm thoại, một nhóm nhạc sĩ có tổ chức chu đáo, gồm những người đã từ giã thế giới của quý vị, đang cố gắng thiết định một thứ huấn giáo cho nhân loại, chủ trì rằng cái chết của thể xác chỉ là một sự chuyển đổi từ một trạng thái ý thức này qua một trạng thái ý thức khác nơi người ta vẫn giữ được cá tính của mình. Sự nhận thức được sự kiện này sẽ hỗ trợ con người mở một cánh cửa nội quán lớn nhìn vào bản thể mình và mở ra kho khả thể giúp con người có thể làm nên những sự việc siêu thế tục. Sự hiểu biết rằng việc đầu thai vào thế giới của quý vị chẳng qua chỉ là một giai đoạn trong cuộc sống vĩnh hằng của con người sẽ tán trợ những sách lược viễn kiến hơn nhiều so với những sách lược vẫn thường được chấp nhận hiện nay, và cổ vũ cho một quan điểm quân bình hơn liên quan tới mọi vấn đề.

"Chúng tôi không truyền đạt âm nhạc cho Rosemary Brown chỉ vì mục đích cung hiến cho thú nghe nhạc có thể bắt nguồn từ đó; mà chính là vì những hàm ngụ liên hệ với hiện tượng này mà chúng tôi hy vọng sẽ kích thích sự chú ý có ý thức và miễn cảm và khơi động những con người thông minh và vô tư khiến họ suy xét và thám hiểm những cõi miền ẩn mật của tâm trí và tâm thần của con người.

"Khi con người đã thăm dò được cái chiều sâu huyền bí của ý thức bị che khuất của nó rồi thì nó sẽ có thể nhân cái đã ấy mà xoải cánh bay lên được những đỉnh cao tương ứng."

Sir Donald Tovey đã phải mất hai tiếng đồng hồ để đọc cho tôi chép thông điệp đó, và chỉ lúc đó tôi mới được phép đi ngủ trở lại. Nhưng điều ông viết, qua tôi, là sự giải thích về âm nhạc - chỉ dành cho những người tâm trí cởi mở đủ để chấp nhận nó. Và tôi ý thức rõ ràng rằng những người đó chẳng phải là tất cả mọi người. Bất hạnh thay có nhiều người đã cười ngạo vào công việc tôi làm mà chẳng thèm để ra một phút để suy xét nó một cách nghiêm cần. Tôi chẳng mong được đón nhận một cách trọng vọng cũng như không cho rằng người ta phải cả tin - hiển nhiên là việc gì thì cũng phải truy cứu khảo tra - thế mà có một số người lại chỉ gạt phắt cái bằng chứng của đời sống sau cái chết với không một lý lẽ nào ngoài tiếng cười nhạo báng.

(còn tiếp)

XEM ĐÊM

Tiếp theo ĐÊM trang 15

Có chăng mối liên hệ hữu cơ giữa hiện thực và kẻ nghiêng ngả nó ở hiện tượng làm nên một đặc điểm thi pháp này của Phùng Cung? Để mới hóa thơ, nhà thơ có thể đưa ra một tuyên ngôn thơ mang tính bùng nổ; và biến tuyên ngôn thành hiện thực bằng những thi phẩm tân kỳ mà buổi đầu xuất hiện có thể làm người đọc sững sờ, phẫn nộ. Cũng có thể, người thơ sẽ lặng lẽ tiến chiếm những tiêu chí trên con đường hiện đại hóa thơ ca chỉ bằng những vần thơ nặng những tự tình. Người yêu thơ cuối thế kỷ này đang được chứng kiến lại một hiện tượng đã xảy ra từ đầu thế kỷ: thơ đang quấy cựa, đang đòi tung phá, đang được mới hóa. Góp phần vào tiến trình đó của thơ ca là những Lê Đạt với Bóng Chữ; Đặng Đình Hưng với Bến Lạ và Ô Mai; là những Hoàng Hưng; Dương Tường... Rất nhiều tên tuổi nữa. Dường như Phùng Cung không đi chung một con đường với các nhà thơ vừa nói, nhưng vẫn là một mục đích ấy. Không thể coi là ngẫu nhiên hiệu tượng Phùng Cung ưa một lối viết ngắn, súc tích hơn cả thơ Đường, cũng như liên tục tạo từ mới hoặc tạo hàm nghĩa mới cho từ... Có không ít bài ở Xem Đêm chỉ gồm có một câu:

Nghĩa trang

*Lặng nhịp sương rơi
Chiều - gạo - đổ
Đế gào chân mộ
Trăng lên...*

Cây khế

*Này em
Cây khế gãy rồi
Nổi chua vẫn hỏi thăm
Người trồng cây*

Nghiến đứt hình thức thông thường của thơ sáu tám là hiện tượng thường thấy ở thơ ca hiện nay song chưa thấy ai ngắt nhịp 5/3 như ở câu tám bài trên (?Rất lạ!) Khó có thể phủ nhận rằng trong văn xuôi đương đại, Tô Hoài là người đi xa nhất trong việc khai thác khả năng biểu cảm của tiếng Việt, cũng như làm phong phú nó. Dù có là họa sỹ cũng không dễ gì diễn tả cho hết các sắc độ của màu vàng qua sự mô tả của Tô Hoài. Phùng Cung chính là một người như thế của thơ ca Việt Nam đương đại. Nắng của Phùng Cung là nắng, nắng - ngả - tương, nắng - non, nắng - phơi - rơm, nắng - đồng - trinh, nắng - hàn - vi, nắng - hoa ngâu, nắng - thừa, nắng - cũ... Và gió nữa: gió cõn, gió quẩn, gió trong cả hình ảnh vấy lộng buồm... Nắng gió đây là nắng gió của thị giác mà trước hết là nắng gió của tiềm thức. Và những hình ảnh như thế xô dạt trong suốt Xem

Đêm như là sáng tạo riêng của họ Phùng thi sĩ. Phùng Cung mang lại cho thơ vì điệu khi làm sống dậy những hình ảnh của khứu giác. Chưa hề thấy ở đâu sự xuất hiện thường xuyên đến thế của kiểu hình ảnh này như ở Xem Đêm: Gió quẩn lùm ngải cứu - Mùi ngò cảm đầy vườn; mùi cháo - canh; mùi tép rang hàng xóm thơm - nghiêng, trứng nhà ai rán - thơm - mùi - thiếu mỡ; Ai đốt rác lá tre bên ngõ - Lối đi đầy mùi - khối - cuối - năm, mùi - dòng - giống... Sự cụ thể hóa cái tưởng chừng khó cụ thể ấy đã là một nét đặc sắc của không gian nghệ thuật thơ Phùng Cung. Phùng Cung tỉ mỉ nhay cảm trong quan sát, cẩn trọng trong cấu tạo hình ảnh. Đó tuyệt nhiên không phải là cái tỉ mỉ của lối tư duy liệt kê. Sau câu chữ như họa như khắc kia là những miền tâm cảm của một người ít ngủ. Hình ảnh này của chủ thể trữ tình thường hay thấy ở thơ những bậc ưu thời mẫn thế thuở xưa. Phùng Cung Xem Đêm, những đêm của họ Phùng là những đêm nghiêng - gió - chập - chờn - mưa - gõ - lá; ngọn đèn con đời - lay - gió - cả ao sâu cá quấy nhẩn mưa rào; là Đêm Xá Tội, là những Đêm Chợt Nghe.

*Trong gôi vọng tiếng ru
Lặng tai mới rõ
Tiếng tóc mình chuyển bạc*

Phải đọc những Nghe Đêm, Xem Đêm ấy mới có được hình

dung không sai về gương mặt thơ Phùng Cung, Phùng Cung dồn chứa trong thơ cái tinh tế trước đời sống vì mô và cả vĩ mô. Đọc Xem Đêm, thấy mừng vì mình còn biết nhân hậu, và đôi lúc thấy rằng mình chắc sẽ là cảm giác của không phải một người, khi đọc bài này: Tội nghiệp, chẳng hạn:

*Tội nghiệp nhà thơ
Họm mình
Lâm lạc
Bờ không biết sống
Nên không biết chết
Nửa thế kỷ
Bị lai đây
Trong cõi tung hồ*

Thơ Phùng Cung là thế thâm trầm, thấm thía, tan trong tình và thẳng hoa từ tình. Rồi có thể sẽ tới một ngày, thơ ca Việt Nam sẽ chuyển hẳn sang cái mà hôm nay ta gọi là thơ hiện đại và đi xa hơn thế. Thơ sẽ có thể chỉ gồm những nguyên âm hoặc phụ âm; sẽ xuống dòng nhiều như nhảy cầu thang hoặc sẽ không xuống dòng như trôi miên man trên biển, thơ có thể khai tử toàn bộ chấm và phẩy và toàn bộ các ký hiệu dấu/; ();-;. Và người yêu thơ sẽ giải mã được toàn bộ chấm và âm thanh ấy (chắc chắn hiện đại tới đâu thì thơ cũng không thể triệt tiêu được âm thanh trong tính tuyến). Hoặc không giải mã được thì cũng sẽ chấp nhận... Tôi nhớ tới sự toàn thắng của Thơ Mới năm mươi năm hơn về trước. Trước khi tuyên xưng Thơ Mới, Hoài Thanh, Hoài Chân đã Cung chiêu anh hồn Tản Đà như là người bắc cầu cho hai thế kỷ thơ. Người ta có thể chưa gọi Phùng Cung là một nhà thơ hiện đại theo nghĩa trên, nhưng với một phong cách đoạn tuyệt với nền thơ đương thời mà vẫn chất chứa cái hồn cốt của thơ Việt Nam muôn thuở, chắc chắn thơ Phùng Cung sẽ làm thiên hạ tốn không ít giấy mực và thời gian. Như Tản Đà đã từng. Thơ đang rất cần những kẻ âm thầm sống cho thơ như thế, và tài như thế. Tiếc thay, không nhiều ■

Limburg/Đức

Nguyệt San Việt Nam

Tạp chí thông tin - văn học - nghệ thuật - xã hội - khoa học - thời sự - nghị luận - bình luận chính trị...

PO. Box 74013. Hillcrest Park PO. Vancouver. B.C. V5V 5C8 Canada. Phone/ Fax : (604) 879.1179

- Nguyệt San Việt Nam là một tạp chí phát hành tại Canada và toàn cầu, do các nhóm " Freedom for Vietnam " ở Âu châu, Úc châu, Mỹ châu và nội địa Việt Nam chủ trương và thực hiện. Anh em thuộc nhóm Bắc Mỹ, Tây Canada được ủy nhiệm hình thành tờ báo tại thủ phủ Vancouver, B.C. Canada do Hải Triều giữ tổng biên tập và trách nhiệm tổng quát.

- Nguyệt San Việt Nam hy vọng sẽ là tạp chí chuyên nghiệp dung chứa và cô đọng tất cả những gì quan trọng xảy ra trên thế giới và trong cuộc đời, để độc giả có thể đọc và theo dõi tin tức từ tình hình Việt Nam đến tình hình thế giới, từ những cột mục văn học đến những chuyện lạ bốn phương, từ những phiếm luận đến những mục y học, khoa học... trong một môi trường xã hội Tây phương mà bà con vất vả làm lụng không đủ thời giờ đọc báo và theo dõi ngay đến những chuyện liên hệ đến thân phận của quê hương...

- Nguyệt San Việt Nam mang hoài bão đóng góp cho tiến trình hình thành một Việt Nam Tự Do, nó phảng phất một chút dĩ vãng, một chút hiện tại và vô cùng tha thiết về tương lai. Những ai đã đọc Sóng Thần Sài Gòn trước 75, Lửa Việt tại hải ngoại sau 75... sẽ tìm thấy trong Nguyệt San Việt Nam một tổng hợp tinh hoa của hai tờ báo đó qua sự điều hành trực tiếp của Hải Triều, cựu Biên Tập Viên Sóng Thần Sài Gòn, Chủ Bút Tạp Chí Lửa Việt, cộng tác viên nhiều tờ báo ở hải ngoại, kể cả một số những bài viết phát về Việt Nam của đài phát thanh Diễn Đàn Dân Chủ.

- Nguyệt San Việt Nam sẽ không đặt nặng những chủ đề địa phương và cá nhân, chấp nhận đề cập trực tiếp công khai và minh danh những vấn đề gai góc và tế nhị liên hệ đến tình hình đất nước... bằng một trái tim trong sáng, xây dựng.

- Việt Nam Nguyệt San chỉ nhận đặt mua báo dài hạn bằng đường bưu điện/máy bay (kể cả cước phí) để tin tức và bài vở khỏi mất thời gian tính trước những diễn biến đổi thay nhanh chóng của thời cuộc.

Trong nội địa Canada	: 40 đô la Canada cho một năm báo + ủng hộ (nếu muốn)
Trong nội địa Hoa Kỳ	: 45 đô la Mỹ cho một năm báo + ủng hộ (nếu muốn)
Âu, Á và Úc châu	: 55 đô la Mỹ cho một năm báo + ủng hộ (nếu muốn)

(Chúng tôi vô cùng trân trọng đối với bất cứ hình thức ủng hộ nào cho tờ báo, kể cả quảng cáo, mua báo dài hạn, giới thiệu hay đặt mua tặng thân nhân, bạn bè...Chỉ phiếu xin đề Nguyệt San Vietnam theo hộp thơ trên.)

Đại diện nhóm chủ trương
(Hải Triều)

mua dài hạn
KHOI HÀNH
2 mỹ kim 1 số
24 mỹ kim 1 năm
mười hai số

Liên lạc:
P.O. Box 3156
Santa Ana CA. 92703



Viên Đông
thuần túy món Bắc



Ăn Chơi
Ngon Hơn
Ăn Thiệt

VIÊN ĐÔNG I

9684 Westminster
Garden Grove, CA 92644
(714) 539 4614
Giờ mở cửa: 9AM - 9PM
Nghỉ ngày thứ Ba

VỀ CHÂN DUNG MA

CHARLES DICKENS

TRUYỆN MA DO CÁC VĂN HÀO VIẾT

Lời Tòa Soạn: Đây là truyện đầu trong "Bốn Truyện Ma" (Four Ghost Stories) Tựa đề do người dịch đặt.

Một năm trước đây, một họa sĩ Anh Lê nổi tiếng được Phu nhân F. nhờ vẽ chân dung chồng bà. Công việc được thỏa thuận là ông ta sẽ phải thi hành việc ủy thác tại Lâu đài F., ở vùng quê, bởi họa sĩ đã hứa vẽ cho nhiều người đến nỗi ông không có thể bắt tay vào công việc mới cho đến khi mùa Luân Đôn đã qua. Tình cờ ông ta lại quen biết thân tình với chủ nhân nên việc dàn xếp đều thỏa đáng đối với mọi người liên hệ, và vào ngày 13 tháng Chín năm ấy ông ta vui vẻ ra đi để thực hiện lời cam kết đó.

Ông ta đáp chuyến xe lửa tới ga gần Lâu đài F. nhất, và khi chuyển xe mới khởi hành thì ông ta thấy mình là hành khách lẻ loi duy nhất trong toa. Tuy nhiên sự đơn lẻ của ông không kéo dài lâu. Tới ga đầu tiên ngoại thành Luân Đôn, một tiểu thư vào toa xe và ngồi ở góc đối diện với ông. Trông nàng rất yếu điệu thực nữ, trong dáng vẻ nàng người ta thấy rõ có một sự pha trộn giữa vẻ dịu dàng và nét u hoài, dáng vẻ chẳng sớm thì muộn sẽ lôi cuốn ngay sự chú ý của một người đàn ông có khiếu quan sát và mẫn cảm. Mới đầu cả hai chẳng ai thốt lên một lời gì. Nhưng rồi hồi lâu sau người đàn ông phong nhã đưa ra những nhận xét thông thường trong những cảnh ngộ tương tự như thế, về thời tiết và cảnh đồng quê, và thế là tăng băng tan, họ bắt đầu chuyện trò. Họ nói về hội họa. Nhà nghệ sĩ rất đỗi ngạc nhiên bởi sự thấu hiểu ngọn ngành mà tiểu thư kia dường như có về chính ông ta và những việc ông làm. Ông hoàn toàn tin chắc rằng là ông chưa hề gặp nàng trước kia. Sự ngạc nhiên của ông tuyệt nhiên không giảm sút khi nàng đột nhiên hỏi liệu ông có thể vẽ truyền thần, theo trí nhớ, một người mà ông ta chỉ gặp một hay đôi lần không? Ông ta còn đang lưỡng lự chưa biết trả lời sao thì nàng lại nói thêm: "Thí dụ, liệu ông có nghĩ rằng ông có thể vẽ tôi theo trí nhớ không, chẳng hạn?"

Ông ta đáp rằng cái đó ông ta không chắc chắn lắm, nhưng may ra ông ta cũng có thể làm được.

"Hay quá", thiếu nữ nói, "thế thì ông hãy nhìn lại tôi lần nữa đi. Có thể ông sẽ phải vẽ

một bức tranh truyền thần của tôi đấy không chừng".

Ông phải tuân theo lời thỉnh cầu kỳ cục đó, và nàng nói thêm, bằng một vẻ khá nao nức: "Thế nào, liệu ông có thể làm được không ạ?"

"Tôi nghĩ rằng được," ông đáp: "nhưng tôi không dám đoan chắc."

Tới lúc đó thì tàu ngừng lại. Vị tiểu thư đứng dậy, cúi nhìn họa sĩ mỉm cười một cách thân thiện và từ giả ông, vừa nói thêm khi rời toa xe: "Chẳng bao lâu nữa chúng ta sẽ gặp lại nhau". Con tàu lạch cạch chạy đi để ông H. (nhà nghệ sĩ) một mình vẫn vờ với những suy tưởng riêng tư.

Tàu đến đúng giờ và cỗ xe ngựa của Phu nhân F. đã chầu chực ở đó để đón người khách mà chủ nhân trông đợi. Cỗ xe chở ông tới cuối lộ trình, một trong "những ngôi nhà bề thế của Anh Cát Lợi", sau một cuộc xe vui vẻ, và đặt ông xuống cửa tiền đình, nơi chủ nhân và phu nhân đang đứng đón ông. Cuộc chào hỏi nhã nhặn qua nhanh, ông được hướng dẫn tới phòng dành cho ông: bởi giờ ăn tối đã cận kề.

Sau khi rửa ráy xong, và xuống phòng khách, ông H. rất đỗi ngạc nhiên và cũng rất đỗi vui mừng, khi nhìn thấy, ngồi trên một trong những cái trường kỷ không có lưng dựa, là người bạn đồng hành trẻ trên chuyến tàu. Nàng chào ông, miệng mỉm cười và cúi đầu tỏ dấu quen biết. Nàng ngồi bên ông trong bữa ăn, nói với ông đôi ba lần, xen vào câu chuyện chung và tỏ ra hoàn toàn thân mật thoải mái. Ông H. chắc nàng là bạn thân của bà chủ nhà. Buổi tối trôi qua một cách thú vị. Câu chuyện hầu hết hướng về nghệ thuật nói chung, và về hội họa nói riêng, và ông H. được mọi người yêu cầu cho xem một vài bản phác họa mà ông đã đem theo từ Luân Đôn về. Ông sẵn lòng cho họ xem, và thiếu nữ chăm chú xem một cách vô cùng thích thú.

Về khuya tiệc mới tàn và ai nấy lại về phòng riêng.

Sáng hôm sau, từ lúc còn sớm, ông H. đã bị ánh mặt trời tươi sáng cảm dỗ mời mọc ra khỏi phòng, và đi dạo trong hoa viên. Phòng khách mở ra vườn; khi đi ngang qua đó, ông hỏi một người giúp việc đang cúi húi sắp đặt bàn ghế, chẳng hay tiểu thư đã xuống nhà hay chưa?

- "Thưa tiểu thư nào, thưa ngài?" người giúp việc hỏi lại với vẻ ngạc nhiên.

- "Tiểu thư đã ăn tối qua ở đây ấy."

- "Không có tiểu thư nào đã ăn tối qua ở đây, thưa ngài." Người giúp việc kia vừa đáp vừa nhìn sững ông.

Họa sĩ không nói gì thêm nữa; tự nhủ rằng người giúp việc kia hoặc là ngốc nghếch hoặc là có một trí nhớ quá tồi tệ. Thế rồi, rời phòng khách, ông đi thơ thẩn ra vườn.

Khi ông trở lại nhà vừa hay gặp chủ nhân và hai bên trao đổi những câu thăm hỏi buổi sáng thông thường.

- "Chắc cô bạn trẻ của ngài đã dời khỏi đây?" họa sĩ nhận xét.

- "Thưa cô bạn trẻ nào ạ" vị chủ nhân lâu đài hỏi.

- "Vị tiểu thư đã dùng bữa tối tại đây đêm qua ấy."

- "Tôi chịu không nghĩ ra ngài muốn nói tới ai." nhà quý tộc đáp, vẻ vô cùng kinh ngạc.

- "Chẳng phải hôm qua có một tiểu thư đã dùng bữa tối và qua đêm ở đây hay sao?" đến lượt ông H. ngạc nhiên, gạn hỏi.

- "Không," chủ nhân đáp: "chắc chắn là không rồi. Không có ai ở bàn ăn ngoài chính ngài, phu nhân của tôi và tôi ra."

Sau dịp này thì đề tài trên không được đề cập tới nữa, tuy nhiên nhà nghệ sĩ của chúng ta không thể nào tin nổi rằng ông đã là nạn nhân của một ảo tưởng. Nếu tất cả sự vụ này là một giấc mơ, thì đó là một giấc mơ gồm có hai phần. Vị tiểu thư kia, chắc chắn đã là bạn đồng hành của ông trên chuyến xe lửa thế nào, thì cũng chắc chắn như thế nàng đã ngồi bên ông tại bàn ăn. Tuy nhiên nàng không trở lại; và mọi người trong lâu đài này, trừ một mình ông ra, dường như không hề hay biết tới sự hiện hữu của nàng.

Ông hoàn thành bức chân dung đã hứa và trở lại Luân Đôn.

Trong suốt hai năm trường tiếp theo, ông đeo đuổi nghiệp dĩ: danh tiếng tiếp tục nổi như cồn và làm việc miệt mài. Vậy mà trong suốt khoảng thời gian đó, chẳng có một lúc nào ông lại có thể quên, dù chỉ một nét đan thanh trên khuôn mặt thanh xuân của người bạn đồng hành kiểu diêm ấy. Ông chẳng có



Charles Dickens

một dấu tích nào để khám phá nàng từ đâu tới hay nàng là ai. Ông thường nghĩ tới nàng nhưng không nói với ai về nàng cả. Có một sự huyền bí bao trùm lên cả sự việc khiến ông phải im lặng. Thật là một điều hoang đường, kỳ quái, bất khả giải minh.

Thế rồi, công việc khiến ông phải đi Canterbury. Một người bạn cũ của ông ta sẽ gọi là ông Wylde- cư ngụ tại đây. Ông H. khắc khoải mong gặp bạn, và lại chỉ có vài

giờ rảnh rang thôi, nên vừa tới khách sạn là ông vội viết thư ngay, nắn nỉ ông Wylde tới gặp mình tại đó. Tối giờ hẹn, cửa phòng mở và ông Wylde được đưa vào. Ông ta là một người hoàn toàn xa lạ với họa sĩ; và cuộc gặp gỡ giữa hai người hơi ngỡ ngàng. Sau khi giải thích qua lại mới vỡ lẽ ra là người bạn ông H. đã rời Canterbury ít lâu trước đó, và người đàn ông hiện đang đối diện với họa sĩ là một ông Wylde khác; lá thư nhằm gửi cho người vắng mặt lại được trao cho ông ta, và ông ta đã theo lời triệu thỉnh trong thư, ngỡ rằng nó có liên quan đến một công việc nào đó.

Sự nguội lạnh và bờ ngỡ ban đầu rồi cũng qua đi, hai con người phong nhã đi vào một cuộc mạn đàm thân mật, cởi mở hơn; vì ông H. đã giới thiệu danh tính mình và tên tuổi đó không ai xa lạ gì với người khách cả. Sau khi họ đã trò chuyện được một lát, ông Wylde hỏi ông H. chẳng hay ông đã từng vẽ, hay có thể sẽ đảm nhận vẽ, một bức chân dung mà chỉ căn cứ vào sự mô tả hay không? Ông H. trả lời chưa bao giờ.

- "Sở dĩ tôi hỏi ông câu hỏi kỳ cục đó," ông Wylde nói, "là vì, khoảng hai năm về trước, tôi mất một đứa con gái thân yêu. Tôi chỉ có mỗi một mình cháu và yêu thương cháu lắm. Cháu mất đi là một mối đau thương lớn lao đối với tôi, và nỗi thống hận của tôi càng sâu xa khi tôi chẳng có một tấm chân dung nào của cháu cả. Ông là người có một thiên tài đặc biệt. Nếu ông có thể vẽ cho tôi một tấm chân dung của con tôi thì tôi sẽ biết ơn ông lắm lắm."

Thế rồi ông Wylde tả tỷ mỉ từng nét và dáng vẻ của con gái ông, mẩu mắt và tóc cô ta và cố gắng cho họa sĩ một ý niệm về sự diễm tả của nét mặt thiếu nữ. Ông H. chăm chú lắng nghe, và, vừa thông cảm sâu xa với nỗi đau buồn của ông ta, vừa phác họa. Ông



NỮ LUẬT SƯ PHẠM ĐÀO BẠCH TUYẾT Esq (TINA PHAM) ATTORNEY AT LAW (714) 775-4952



- Luật sư thực thụ Tòa Án Tiểu Bang California và Hoa Kỳ
- Tiến sĩ Luật Khoa Hoa Kỳ. Cao học tâm lý học.
- Hội viên Hội Luật Sư Đoàn Hoa Kỳ, California & Orange County.
- Hội viên Luật sư Đoàn Tố tụng California (CA Association of Trial Lawyers).

- Giáo sư Đại Học Santa Ana College.
- Nguyên Giáo Sư Cố Vấn và Cố Vấn Gia Đình.
- Bằng Hành Nghề Tâm Lý Gia Giáo Dục Hoa Kỳ.

VỚI SỰ CỘNG TÁC CỦA MỘT SỐ LUẬT SƯ HOA KỲ NHIỀU NĂM KINH NGHIỆM

P
H
U
T
R
A
C
H

LUẬT GIA ĐÌNH :

Ly dị - Ly thân - Xé hôn thú (Nullity) - Xác lập quan hệ Cha-Con - Lập con nuôi - Cấp dưỡng con (Đòi tiền cấp dưỡng dù là con ngoại hôn. Xin miễn trả cấp dưỡng vì thất nghiệp. Xin giảm tiền nợ Welfare...) Cấp dưỡng Vợ/Chồng - Xin Lệnh cách ly (Restraining Order)
Đặc Biệt : Ly dị một người mất tích, một người ở Việt Nam hoặc ở một nước khác.

THƯƠNG MẠI và ĐỊA ỐC :

Soạn thảo các khế ước thương mại - Đọc và cố vấn những giao kèo mua bán, thuê mướn, sang nhượng nhà tiệm. Tranh tụng thương mại: Giuyết nợ - Bội tín - Lừa gạt - Vi phạm khế ước (break contract)...
Thành lập công ty - Xin giấy phép mở các cơ sở thương mại. Đuổi nhà. Đòi nợ...

LUẬT DI TRÚ :

BẢO LÃNH: Vợ/Chồng, Hôn thê/Hôn phu, Con/Con nuôi, Anh chị em ruột - Nhận theo dõi hồ sơ.
DU HỌC: Giới thiệu trường học (học nghề, học chữ) - Xin cấp student visa.
ĐẶC BIỆT: Nhận biện hộ tại các tòa án di trú, giúp miễn bị tống xuất.

HÌNH LUẬT :

- Trộm cắp trong siêu thị
- Oa trữ đồ gian
- Tàng trữ vũ khí bất hợp pháp. Áu đả.
- Say rượu lái xe. Các tội tiểu hình và đại hình khác.

BANKRUPTCY :

CỐ VẤN: Nên hay không nên khai phá sản - Thương lượng với chủ nợ để khỏi phải khai phá sản - Nếu phải khai phá sản, giúp giữ lại nhà và lương. Can thiệp để khỏi bị các chủ nợ quấy rầy.
ĐẶC BIỆT: Nhận biện hộ tại các Tòa án Bankruptcy cho các trường hợp bị chủ nợ thừa ngược (adversary).

TAI NẠN :

Luật sư Tuyết trực tiếp đòi bồi thường cho thân chủ, không phải qua trung gian nên thân chủ sẽ nhận được tiền bồi thường cao hơn những nơi khác.
ĐẶC BIỆT: Nhận biện hộ trước tòa cho những trường hợp phải bồi thường mà không có bảo hiểm.

ĐẶC BIỆT :

Đã từng cố vấn gia đình, Luật sư Tuyết thông hiểu những phức tạp gia đình và trở ngại hôn nhân

VĂN PHÒNG

14314 Brookhurst St., Garden Grove, CA 92643

(Cùng khu siêu thị Quang Minh, gần bên nhà hàng Mỹ Nguyễn)

Tel. (714) 775-4952

TRUNG TÂM BĂNG NHẠC BÍCH THU VÂN

9200 BOLSA AVE. # 137-138 WESTMINSTER, CA. 92683 . TEL: (714) 897-4519

Một Sắc Thái Chọn Nhạc Phong Phú
Những Sản Phẩm Âm Nhạc Xuất Sắc

Thanh Hà • Ngọc Hương

Những Cuộc Tình
Không Trở Lại

Bích Thu Vân

1. GIỌT MƯA HAY GIỌT LỆ TÌNH *Diễn An* THANH HÀ
2. ĐƯỜNG XƯA *Quốc Dũng* NGỌC HƯƠNG
3. GỌI GIẤC MƠ XƯA *Lê Hoàng Long* THANH HÀ
4. CÒN YÊU EM MÃI *Nguyễn Trung Cang* NGỌC HƯƠNG
5. ÁNH ĐÈN MÀU *NNO / lời Việt: Phạm Duy* THANH HÀ
6. ẮN TÌNH MONG MANH *Ngọc Trọng* NGỌC HƯƠNG
7. MƯA TRÊN NGÀY THÁNG ĐỎ *Từ Công Phụng* THANH HÀ
8. PHƯỢNG BUỒN *NNO / lời Việt: Khúc Lan* NGỌC HƯƠNG
9. ƯỚT MÌ *Trịnh Công Sơn* THANH HÀ
10. CHỦ NHẬT BUỒN *NNO / lời Việt: Phạm Duy* NGỌC HƯƠNG

Thực hiện: BÍCH THU VÂN PRODUCTIONS Họa âm: QUỐC THẮNG

Phòng thu: QUỐC THẮNG Hình ảnh: THANH HÀ Trình bày: MISSION COLORS

Phát hành: BÍCH THU VÂN 9200 Bolsa Ave. #137 & 138, Westminster, CA 92683 / Tel (714) 897-4519

© Copyright 1997 by BÍCH THU VÂN PRODUCTIONS. All rights reserved. Unauthorized duplication is a violation of applicable laws.

NHỮNG CUỘC TÌNH KHÔNG TRỞ LẠI, cuốn băng và CD mới nhất do BÍCH THU VÂN sản xuất vừa tung ra thị trường trong không khí cuối thu và đón mừng Giáng Sinh, gồm 10 nhạc bản chọn lọc của những Lê Hoàng Long, Phạm Duy, Lê Trung Cang, Ngọc Trọng, Từ Công Phụng, Trịnh Công Sơn, Khúc Lan, Diên An và Quốc Dũng, tạo một không khí lãng mạn nhớ nhung trong êm đềm, với hai giọng ca nữ trẻ trung nổi tiếng nhất hiện nay: THANH HÀ và NGỌC HƯƠNG. Trong khi sinh hoạt âm nhạc cống hiến những giọng ca khoẻ cho Nhạc Ngoại Quốc, người ta tìm thấy rất ít những giọng ca phong phú cho Nhạc Việt, đó là Thanh Hà và Ngọc Hương. NHỮNG CUỘC TÌNH KHÔNG TRỞ LẠI quý tụ hai tiếng hắt đang được hâm mộ này, là một cuốn băng không thể thiếu cho những người yêu âm nhạc.

Băng nhạc do BÍCH THU VÂN sản xuất như một đáp ứng cần thiết cho khối người nghe ngày càng tinh tế, đang muốn tìm những âm thanh mới, tình điệu mới, giọng ca mới, đến từ tâm tình tuổi trẻ thời đại và những sáng tác muôn vẻ tân kỳ đến từ tâm hồn và đất nước người.

không biết bức vẽ phác có giống tý nào không nhưng hy vọng người cha mất mát có thể nghĩ là nó giống. Nhưng người cha lắc đầu khi nhìn bản phác và nói: "Không, không giống chút nào cả." Họa sĩ lại cố lần nữa và một lần nữa ông lại thất bại. Đường nét thì rất khéo nhưng nét biểu hiện thì không phải của nằng; và người cha quay đi, cảm ơn ông H. vì những nỗ lực tử tế của ông, nhưng hoàn toàn tuyệt vọng, không tin tưởng vào bất cứ kết quả mỹ mãn nào. Đột nhiên một tư tưởng bỗng lóe lên trong đầu họa sĩ: ông vẽ một tờ giấy khác, tay thoăn thoắt vẽ một bức phác họa với những nét mạnh bạo, đoạn trao cho ông bạn giám khảo. Lập tức, một vẻ tươi sáng, nhận biết, sung sướng thấp thoáng khuôn mặt người cha, và ông ta reo lên: "Đúng là cháu đó! Chắc chắn ông đã nhìn thấy con tôi rồi, nếu không thì không bao giờ ông lại có thể vẽ được một bức truyền thần tuyệt hảo như thế này!"

- "Con gái ông mất bao giờ?" họa sĩ hỏi, xúc động tâm linh.

- "Hai năm trước nhằm ngày 13 tháng Chín. Cháu mất vào buổi chiều, sau có vài ngày đau ốm."

Ông H. trầm ngâm, nhưng nín lặng không nói gì. Khuôn mặt kiêu diễm thanh tân đã khắc sâu trong ký ức ông như thể bằng một mũi nhọn kim cương, và những lời nói có tính cách tiên tri lạ lùng của nằng nay đã hiện thực rồi.

Một vài tuần sau, sau khi hoàn thành một bức chân dung toàn thân tuyệt đẹp của thiếu nữ, ông gửi bức tranh cho thân phụ nằng, và tất cả những người đã từng thấy thiếu nữ đều tấm tắc khen: tranh với người sao khéo giống nhau!



GIỮA TOÀ SOẠN VÀ BẠN ĐỌC

—Ông PHAN KỲ, (Reseda, Ca.)- Cảm ơn những điều ông viết trong thư. Khởi Hành cố gắng cung cấp những "tài liệu văn học chân xác" như ông chờ đợi. Chúng tôi đã gửi số 157 tới ông.

—Anh HÀ NGUYỄN DU, (Ca.)- Kỳ này đăng một bài thơ của anh. Mong gặp. Tôi ngồi tại Toà soạn Khởi Hành từ 9 giờ đến 10 giờ 30 mỗi sáng; và tại Toà soạn Nhật báo Việt Báo Kinh Tế từ 11 giờ sáng đến 7 giờ chiều mỗi ngày, trừ thứ bảy và chủ nhật.

—Anh TRẦN KHANH, (Arlington, TX)- Anh là độc giả của Khởi Hành từ số 1 ở Saigon: thật vui mừng chúng ta lại gặp lại nhau. Thư trả lời Cuộc phỏng vấn về các nhà xuất bản của anh đến muộn quá, tuy nhiên hy vọng anh sẽ tham dự cuộc phỏng vấn sắp tới. Tôi cũng thích ba bản nhạc anh thích: Thiên Thai, Suối Mơ của Văn Cao và Hòn Vọng Phu của Lê Thương.

—Ông NGUYỄN THANH VỌNG, (Buena Park, Ca.)- Chúng tôi đã chuyển thư ông cho nhạc sĩ Anh Việt Trần Văn Trọng, bốn báo chủ nhiệm sáng lập. Tuy nhiên nhạc sĩ Anh Việt hiện đang ở Làng Hồng của Thiền sư Nhất Hạnh ở Pháp, và sẽ chỉ trở về Hoa Kỳ vào khoảng Noel. Lúc đó ông có thể liên lạc lại.

—Madame LỘC ĐÀO, (San Diego, Ca.)- Cảm ơn chị đã trả lời cuộc phỏng vấn của Khởi Hành, nhưng phần trả lời về âm nhạc nguy hiểm quá. Nhờ chị nghĩ lại xem? Mong chị

cho mượn cuốn báo có tài liệu về mối tình của nhạc sĩ Hoàng Giác, tác giả bản Ngày Về và Khúc Ca Ngày Mùa.

—Anh TUẤN HỒ, (Tacoma, WA.)- Đọc thư anh thấy quý anh. Anh đang mua dài hạn hai tờ báo, không thể mua thêm Khởi Hành, không sao, chúng tôi sẽ gửi biểu anh cho đến khi anh mua được Khởi Hành, chỉ mong anh gửi tiền tem (78 xu), cho mỗi số. Thư anh đăng kỳ này. Anh làm ơn cho biết tại Tacoma có nhà sách nào không? Chúng tôi đang cần đại diện trên đó. (Trước khi đưa in số 2 thì nhận được thư sau của anh và cái ngân phiếu 24 mỹ kim. Cảm ơn anh.)

—Anh LÊ NHẢN TIẾN, (Arlington, TX) Thư trả lời cuộc phỏng vấn của anh không kịp đăng trên số 1. Mong anh theo dõi.

—Một độc giả không rõ tên, thích nhất ba nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn, Phượng Khánh và Bửu Sao:- Trong thư em không đề tên và địa chỉ, mà phong bì thì hiện không thấy, cho nên mong em liên lạc lại với Khởi Hành.

—Anh NGUYỄN NGŨ, (Oakland, Ca.)- Chúng tôi đã đọc bài anh về vụ ông bà Đỗ Duy Tông chết vì không biết dùng lò than mới 6 ngày đặt chân tới Hoa Kỳ. Truyện ngắn Đêm Hồn Em Nụ Đầu còn đang đọc. Tạm thời đã gửi biểu anh Khởi Hành số 1. Anh làm ơn xem giùm tại Oakland có tiệm sách Việt ngữ nào không; chúng tôi đang cần đại diện trên đó.

—Anh TRẦN VĂN SƠN, (El Monte, Ca.)- Anh từng cộng tác với Khởi Hành trước 1975 tại Việt Nam, thật mừng giờ "nghe thấy nhau". Sẽ đăng thư anh trong số tới. Thư sáu chữ rất ít người làm, người hay nhất 6 chữ của chúng ta là Vũ Hoàng Chương. Đã gửi Khởi Hành số 1 tới anh. Có rảnh, ghé Toà Soạn Khởi Hành, hay Toà Soạn nhật báo Việt Báo Kinh Tế. (Xin xem phần trả lời Anh Hà Nguyễn Du ở trên để biết giờ giấc.)

—Ông TRI N LAM, (Rahway, New Jersey). Chúng tôi đã gửi Khởi Hành số 1 tới ông. Cảm ơn ông đã mua dài hạn Khởi Hành.

—Ông CHÁNH NGUYỄN, (Utica, N.Y.)- Chúng tôi rất cảm động khi nhận thư ông, một H.O. 45. Nếu chỉ có hai ông bà ở Mỹ, sao không dọn về Cali, nơi đông người Việt, cho đỡ hiu quạnh? Lục Kinh Bát Quái do tôi viết không phải là Kinh Dịch 64 Quẻ đâu. Nếu ông muốn mua Kinh Dịch, liên lạc với nhà sách Tú Quỳnh, (714) 531-4284, hỏi cô Vương Ngọc Yến, cô sẽ gửi sách cho ông.

—Ông VÕ PHAN TRUNG, (Ewingsville, TX)- Cảm ơn ông đã trả lời cuộc phỏng vấn của Khởi Hành. Chúng tôi đã gửi Khởi Hành số 1 tới ông.

—Anh LÊ THỨ LANG, (Dallas, TX)- Khi Khởi Hành xuất bản, cũng là lúc anh vào Quân Đội, vắng đúng là một kỷ niệm không thể nào quên. Khởi Hành xuất bản như một tuần báo vào năm 1968, lúc ấy là tiếng nói chính thức của Hội Văn Nghệ Sĩ Quân Đội, mà chủ tịch là nhạc sĩ Anh Việt, tức Đại tá Trần Văn Trọng, xuất thân Khoa 1 trường Sĩ Quan Nam Định, tác giả bài Bến Cũ, như anh đã biết. Tôi đã chuyển thư anh cho ông ngay trong tháng 10. Đã gửi số 1 cho anh.

—Ông NGUYỄN, (Nữu Ước)—Rất mừng gặp lại một người đọc của thời Sáng Tạo, Thế Kỷ Hai Mươi. Số trước có đăng thư của cựu chủ nhiệm Thế Kỷ Hai Mươi, nhà thơ Trần Hồng Châu, hẳn anh đã đọc. Đã nhận ngân phiếu 24 mỹ kim một năm Khởi Hành của anh. Đã gửi luôn 2 số. Cảm ơn anh.

—Anh NG. CAO HOÀNG, (Pasadena, CA.) Mừng là thư vẫn đến địa chỉ cũ. Đã nhận ngân phiếu. Cảm ơn anh.

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT



Chủ Nhiệm kiêm Chủ Bút Sáng Lập
Anh Việt TRẦN VĂN TRỌNG

Tổng Thư Ký Toà Soạn
VIÊN LINH

Toà Soạn
9306 Bolsa Ave, Westminster, CA 92683
Điện thoại: (714) 897-2599 / 894-4950
FAX: (714) 894-7333
E-mail address: KhoiHanh a aol.com

ĐẠI DIỆN TẠI CÁC ĐỊA PHƯƠNG

LÊ TRỌNG PHƯƠNG, Bonn, Đức
THẾ DŨNG, Berlin, Đức
HỒ TRƯỜNG AN, Troyes, Pháp
VŨ LAN PHƯƠNG, Ba Lê, Pháp
LÊ TÀI ĐIỂN, Ba Lê, Pháp
SƯƠNG MAI, San Jose, HK
TRẦN BÁT NHẢ, Louisiana, HK
NGUYỄN ĐƯỜNG BÉ, Atlanta, HK
NGUYỄN HỮU HIỆU, Virginia, HK
NGUYỄN MINH NỮ, Virginia, HK
NGUYỄN YÊN, Houston, HK
PHẠM NGŨ YÊN, Austin, HK
NGỌC BÍCH, Los Angeles, HK
TRIỀU HOA ĐẠI, Florida, HK
TRẦN ĐÌNH THỌ, Victoria, Úc
ĐẶNG V NHÂM, Copenhagen, Đan Mạch

Bài gửi cho báo khác xin miễn gửi cho Khởi Hành. Bài viết một mặt giấy, hay gửi trong đĩa, e-mail. Toà soạn không trả lại bản thảo. Những bài được đăng không nhất thiết phản ánh chủ trương của Khởi Hành. Khởi Hành dành quyền cắt bỏ nếu cần. Muốn trích đăng bài vở trên Khởi Hành phải có thỏa thuận trước với toà soạn và phải ghi rõ xuất xứ và số báo.

GIÁ BÁO

Mỗi số 3.50 mỹ kim.

Mua dài hạn 24 mỹ kim một năm
Ngoài Hoa Kỳ thêm 1 mỹ kim bưu phí mỗi số.

Thư từ bài vở liên lạc gửi cho

VIÊN LINH
P.O. Box 3156
SANTA ANA, CA. 92703, USA.

NĂM THỨ SÁU-SỐ 158
BỘ MỚI, SỐ 2, THÁNG 12-1996



VANCO FOODS

supermarket

10932 Westminster Ave., Garden Grove, CA 92843
Tel. (714) 530 2999

LITTLE SAIGON

supermarket

10932 Westminster Ave., Garden Grove, CA 92843
Tel. (714) 531 7272



LITTLE SAIGON
Supermarket
10932 Westminster Avenue
Westminster, CA 92683

NO PURCHASE NECESSARY

\$20	\$20	\$20	\$10	\$10	\$10	\$5	\$5
\$20	\$20	\$20	\$10	\$10	\$10	\$5	\$5

THIS CARD IS WORTH UP TO \$1000. Bring it back to the store for a cash prize. \$1 Value Minimum Award.

VOID IF TAMPERED WITH
AUTHORIZED PERSONNEL MUST REMOVE SEAL

DASH FOR CASH

AWARD SECTION
DO NOT OPEN THIS SEAL

VOID IF TAMPERED WITH
AUTHORIZED PERSONNEL MUST REMOVE SEAL

VANCO FOODS
SUPERMARKET
10932 Westminster Avenue
Garden Grove, CA 92843

NO PURCHASE NECESSARY

\$20	\$20	\$20	\$10	\$10	\$10	\$5	\$5
\$20	\$20	\$20	\$10	\$10	\$10	\$5	\$5

THIS CARD IS WORTH UP TO \$1000. Bring it back to the store for a cash prize. \$1 Value Minimum Award.

VOID IF TAMPERED WITH
AUTHORIZED PERSONNEL MUST REMOVE SEAL

DASH FOR CASH

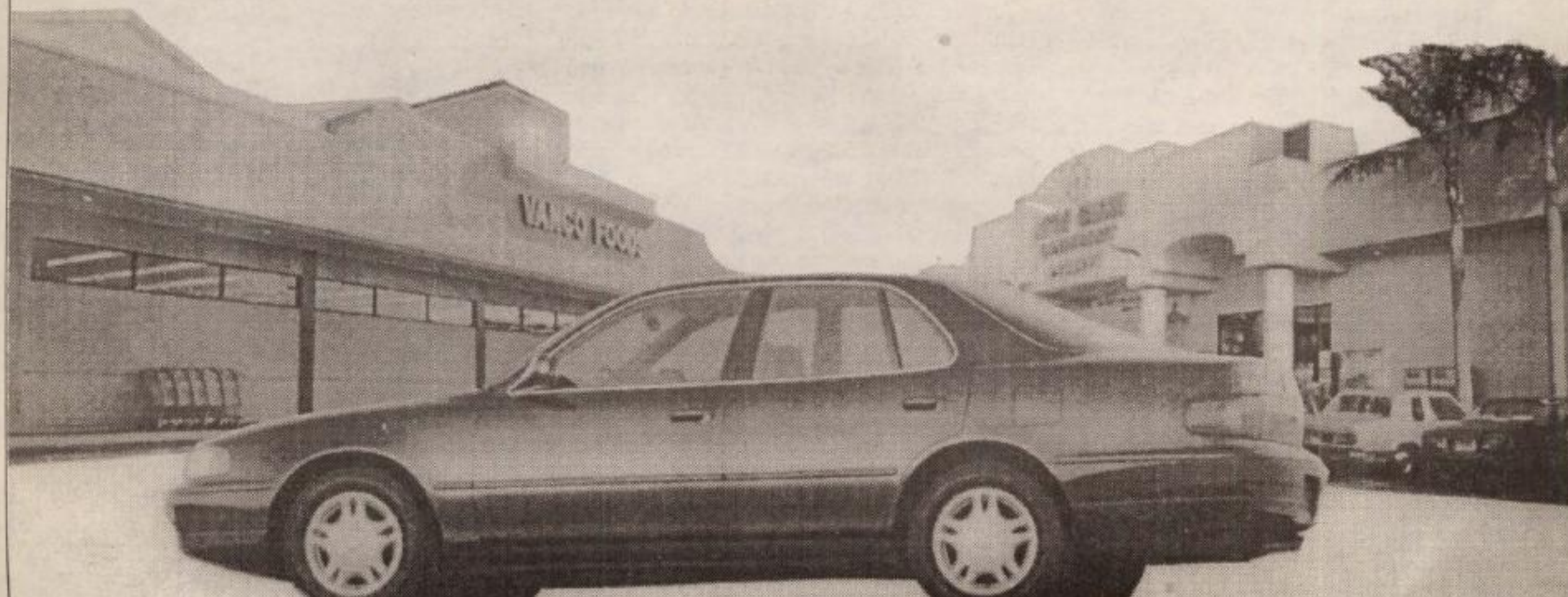
AWARD SECTION
DO NOT OPEN THIS SEAL

VOID IF TAMPERED WITH
AUTHORIZED PERSONNEL MUST REMOVE SEAL

xổ số xe hơi toyota camry 96

- Cuộc xổ số xe hơi cho hai chợ Little Saigon và Vanco Foods sẽ được tổ chức vào lúc 3 giờ chiều, ngày 28/11/96 (Thanksgiving Day) tại chợ Little Saigon
- Giải trúng gồm một xe hơi Toyota Camry 96 và nhiều giải thưởng giá trị khác.
- Chương trình tặng vé số cho khách hàng sẽ chấm dứt vào ngày 17/11/96.
- Đặc biệt tạo điều kiện cho Quý khách, kể từ ngày 24/10/96, Quý khách đi chợ sẽ được đục lỗ gấp đôi số tiền mua hàng trên vé số hoặc nhận quà tặng gấp đôi.
- Để biết thêm chi tiết, xin Quý khách theo dõi thông báo niêm yết tại chợ Little Saigon và Vanco Foods.

XỔ SỐ TẶNG QUÀ



"...There are top class hotels around the world that
don't do such great job as Seafood World in Westminster."
THE ORANGE COUNTY
Register

ĐỆ NHẤT NHÀ HÀNG TIỆC CƯỚI
SEAFOOD WORLD

15351 BROOKHURST, WESTMINSTER, CA 92683
714-775-8828 ■ 1-888-TIEC CUOI ■ FAX 775-2317



*SEAFOOD DIM SAM KHÔNG NGẬY MỠ
CƠM PHẦN NGON MIỆNG GIÁ BÌNH DÂN*

Nhà hàng được Thống Đốc Tiểu Bang California,
các hội đoàn Việt Mỹ, các cơ quan truyền thông,
báo chí nhiệt liệt khen ngợi.

Báo chí Việt ngữ tặng cho danh hiệu:
ĐỆ NHẤT NHÀ HÀNG TIỆC CƯỚI.

Được các trường đại học UCI, Marriotte Hotel mời
cộng tác catering.

Nhận đặt tiệc cưới tại Marriotte Hotel Anaheim.

Nơi lý tưởng để tổ chức Tiệc Cưới
1-888-TIEC CUOI or 775-8828



Ánh Hồng

7 Courses of Beef Restaurant

10195 WESTMINSTER AVE. GARDEN GROVE, CA. 92643

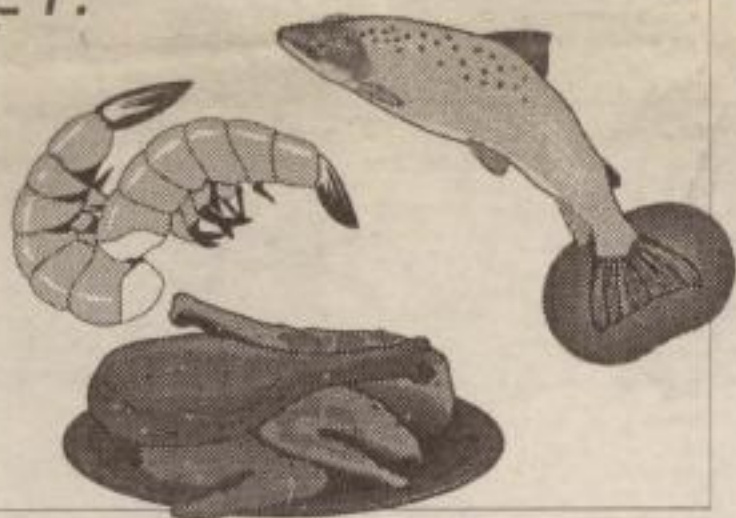
Điện thoại: (714) 537-5230

CHÁNH GỐC CÔNG XE LỬA SỐ 8 PHÚ NHUẬN
SÁNG LẬP TỪ NĂM 1954

Chuyên môn thức ăn thuần túy Việt Nam
do chính chủ nhân Bà *Lê Văn Khá* trực tiếp điều khiển

ĐẶC BIỆT:

- * TÔM
- * GÀ
- * CÁ
- * MỰC



VISA

MasterCard

ATM



BEER & WINE



GIỜ MỞ CỬA:

7 NGÀY TRONG TUẦN

THỨ HAI ĐẾN THỨ NĂM: 3:00PM-9:30PM

THỨ SÁU & THỨ BẢY: 11:00AM-10:30PM

CHỦ NHẬT: 11:00AM-9:30PM

Gia Đình ÁNH HỒNG kính mời

SAN JOSE

1818 Tully Road # 150
San Jose, CA. 95122
(408) 270-1096

ORANGE COUNTY

10195 Westminster Ave.
Garden Grove, CA. 92643
(714) 537-5230

SAN FRANCISCO

808 Geary Ave
San Francisco, CA. 94109
(415) 885-5180

LOS ANGELES

8748 E. Valley Blvd. # A
Rosemead, CA 91770
(818) 572-9805

Khởi Hành

TẠP CHÍ SÁNG TÁC SINH HOẠT VĂN HỌC NGHỆ THUẬT
P.O. BOX 3156, SANTA ANA, CA. 92703